

PHAN CÔNG CHUNG (Chủ biên)

Nhóm tác giả BẢO THẮNG

Hỏi đáp Về

TRỒNG TRỌT VÀ TRANG TRẠI

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA
CÔNG TY VĂN HÓA BẢO THẮNG

HỎI - ĐÁP VỀ TRỒNG TRỌT VÀ TRANG TRẠI

Thực hiện đề tài:

Nhóm tác giả BẢO THẮNG

1. Phan Công Chung (Chủ biên)
2. Bùi Thanh Hà
3. Giáp Kiều Hưng
4. Quỳnh Xuân Thuỷ
5. Nguyễn Đăng Ngô
6. Hà Dung
7. Hà Hương Dung

Nhóm tác giả **BẢO THẮNG**
(**PHAN CÔNG CHUNG** chủ biên)

HỎI - ĐÁP về
TRỒNG TRỌT
và TRANG TRẠI

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

LỜI MỞ ĐẦU

Bạn đọc thân mến, ngay sau khi những tập đầu của bộ sách **"SỔ TRẠI PHỔ BIẾN KIẾN THỨC"** dành cho nông dân do Công ty Văn hoá Bảo Thắng liên kết xuất bản với Nhà xuất bản Thanh Hóa được ấn hành, Ban biên tập - Biên dịch chúng tôi nhận được rất nhiều thư của bạn đọc trong cả nước - đặc biệt là bà con nông dân - gửi tới thắc mắc về những kỹ thuật mới trong nông nghiệp. Nhận thấy đây không chỉ là những vấn đề của riêng một người mà là những kiến thức chung cho toàn thể bà con nông dân, chúng tôi tiếp tục tập hợp các câu hỏi của bà con nông dân và giải đáp trong cuốn **"HỎI ĐÁP VỀ TRỒNG TRỌT VÀ TRANG TRẠI"**. Trong cuốn sách này bà con sẽ tiếp cận với nhiều kỹ thuật mới trong canh tác như: trồng xen cây dưới tán rừng, cách lập kế hoạch cho hoạt động của một trang trại, kỹ thuật nhân giống cây ăn quả... Những kiến thức này không chỉ giúp bà con nông dân trong việc canh tác

mà còn là cuốn cẩm nang không thể thiếu đối với tất cả những người muốn làm giàu bằng con đường nông nghiệp.

Thưa Quý bạn đọc, khi tiến hành biên soạn cuốn sách này, chúng tôi chỉ có một mong muốn duy nhất là những kiến thức chúng tôi giới thiệu ở đây sẽ giúp sức và trở thành "người bạn" thân thiết của bà con nông dân trong hoạt động sản xuất của mình. Vì vậy, nếu trong cuốn sách này còn có gì thiếu sót, xin bà con hãy rộng lòng bỏ qua và chỉ giáo để lần ấn bản sau sẽ không còn những sơ suất đáng tiếc.

Xin chân thành cảm ơn và chúc bạn đọc thành công!

* Hỏi:

Chúng tôi đã từng tiếp xúc với cây dong riềng và cũng hiểu được một số vấn đề cơ bản về loại cây này. Tuy nhiên khi bắt tay vào tiến hành trồng dong riềng thì mới thấy được rằng nó không đơn giản. Xin chuyên gia hãy giúp chúng tôi giải đáp những thắc mắc xung quanh đặc điểm, phân bố của loại cây này?

Đáp:

Đối với người dân miền núi, dong riềng là loại cây thân thuộc. Người ta vẫn quen gọi loại cây này là cây "trời đánh không chết". Bởi lẽ có thể trồng cây này trên nhiều loại đất, khả năng chịu đựng của chúng rất tốt và trong bất kỳ điều kiện thời tiết khí hậu nào trồng dong riềng cũng không bị mất mùa.

Là một trong những loài cây có giá trị kinh tế cao và có nhiều công dụng, dong riềng rất được bà con miền núi ưa thích. Có thể lấy củ dong riềng luộc để ăn, tinh cất thành bột để làm miến, bánh đa, hạt trần châu. Củ dong riềng còn là nguồn thức ăn bổ dưỡng đối với gia súc. So với gạo, bột dong riềng chứa ít chất đạm hơn nhưng lại có hàm lượng chất béo và chất bột cao hơn. Thân cây, bẹ lá dong riềng còn cung cấp cho ngành công nghiệp nhẹ một lượng sợi rất lớn. Sợi lấy từ thân cây, bẹ lá dong riềng có màu trắng độ bền tương đối

cao, có thể dùng để dẹt bao đựng gạo, ngô... Hơn thế, trong thân cây, bẹ lá còn chứa nhiều đường glucodan. Khi ép để lấy sợi, sản phẩm phụ từ thân cây, bẹ lá là nước thanh ngọt. Đây là nguyên liệu pha chế huyết thanh ngọt ưu trương và đẳng trương hoặc chế biến nước ngọt. Trâu bò, lợn cũng thường được sử dụng lá dong riềng như một nguồn thức ăn thường xuyên.

Trong tình hình lương thực còn nhiều hạn chế ở nước ta hiện nay, cây dong riềng đóng vai trò quan trọng. Hàng năm, mỗi ha dong riềng cho khoảng 27 tấn củ tươi. Lượng củ này nếu đem chế biến thành bột sẽ cho thu lợi gấp 5 lần so với trồng lúa.

* Cây dong riềng có đặc điểm hình thái như sau:

Cây thuộc loại cây thân cỏ đứng, màu tím. Chiều cao của cây khoảng từ 1,2 đến 1,5m. Đoạn thân ngầm dưới đất phình to ra thành củ. Củ của loài cây này có hình dạng giống củ riềng, vì vậy mà nó có tên dong riềng. Tuy nhiên, dong riềng khác với củ riềng ở chỗ là nó to hơn và trong củ chứa nhiều tinh bột. Củ dong riềng nằm trong đất. Lá dong riềng hình thuôn dài, mặt dưới lá màu tím, mặt trên màu xanh lục, ở giữa lá có gân to, cuống lá có dạng bẹ, ôm lấy thân. Hoa dong riềng nằm ở đầu ngọn cây, có dạng chùm, cánh hoa màu đỏ tươi. Có một số hoa lưỡng tính. Lượng hoa giữa các cây không đều nhau. Nhiều nhị hoa lép biến dạng thành bản, quả dong riềng có dạng hình trứng ngược.

* Cây dong riềng phân bố ở nhiều nơi trên nước ta.

Nguồn gốc của loài cây này là từ Péru (Nam Mỹ). Qua thời gian, đến nay dong riềng đã có mặt ở nhiều nước trên thế giới, tập trung ở các nước nhiệt đới.

Từ lâu, cây dong riềng đã được trồng phổ biến ở nhiều địa phương trong nước ta. Đồng bằng trung du, miền núi đều là những mảnh đất tốt đối với dong riềng. Loài cây này thích nghi được với cả khí hậu nhiệt đới ẩm điển hình, khí hậu nhiệt đới ẩm biến tính, khí hậu á nhiệt đới cũng như cận nhiệt đới. Vì thế mà từ vùng Đông Nam Bộ, trung tâm Bắc Bộ cho tới vùng tận cùng về phía Bắc đều có thể trồng được dong riềng.

Hiện nay, nhân dân nhiều vùng đã nhận thấy lợi ích nhiều mặt của dong riềng. Vì thế mà loài cây này ngày càng được trồng và chăm sóc ở các vùng. Sản lượng dong riềng mỗi ngày một tăng, góp một phần lớn vào nguồn thu nhập quốc gia.

* Hỏi:

Những người làm vườn chúng tôi chưa hiểu rõ lắm về đặc điểm sinh thái, sinh lý của cây dong riềng. Chuyên gia vui lòng giúp chúng tôi giải quyết vấn đề này hay không?

Đáp:

Dong riềng từ lâu đã được bà con miền núi mệnh danh là cây "trời đánh không chết". Loài cây này có khả

năng chịu đựng, sinh trưởng rất tốt. Tuy nhiên, không phải vì thế mà ở bất cứ loại đất, loại khí hậu nào nó cũng có thể phát triển một cách bình thường được.

Đặc điểm sinh thái, sinh lý của chúng cụ thể như sau:

Khả năng chịu nhiệt của cây dong riềng khá lớn, có thể chịu được nhiệt độ cao tới 37 - 38°C, chịu được gió Lào khô và nóng.

- So với lúa, ngô, khoai lang và sắn thì dong riềng giỏi hơn rất nhiều trong cả khả năng chịu rét cũng như chịu hạn. Có những khi nhiệt độ không khí xuống thấp tới mức gần 0°C nhưng dong riềng vẫn phát triển bình thường. Đây là lý do tại sao dong riềng có mặt rất nhiều ở các vùng núi cao (ở đó không có khoai lang, ngô, sắn).

- Nhu cầu dinh dưỡng của giống cây này không cao, vì thế không thể trồng được trên nhiều loại đất có độ phì khác nhau. Trên những vùng đất dốc, dong riềng có vai trò hết sức quan trọng vì nó có độ che phủ đất rất tốt, có thể chống được xói mòn. Thời gian sinh trưởng của dong riềng kéo dài suốt 11 - 12 tháng nên đất trồng dong riềng được che phủ tốt trong cả mùa mưa.

Dong riềng thích hợp nhất trong những khe núi ẩm, đất còn tương đối tốt, có thành phần cơ giới giàu hạt sét (đất thịt), đất có hàm lượng mùn ở tầng mặt tương đối khá và ít chua. Ở những nơi này, dong riềng cho năng suất cao hơn ở bất cứ nơi nào khác.

Nhu cầu về ánh sáng của dong riềng cũng không cao, dưới bóng râm, tán che của nhiều loài cây ăn quả và cây rừng. Dong riềng phát triển một cách bình thường. Đặc điểm đáng quý này rất ít loài cây công nghiệp có được. Chính vì thế mà trong việc thực hiện trồng xen với các loại rừng trồng trong giai đoạn rừng đã khép kín, dong riềng rất được ưu ái.

- Dong riềng lại còn có khả năng chống đỡ sâu bệnh khá tốt. Rất ít có loài sâu bệnh có thể làm hại được dong riềng. Tháng 2 là mùa thích hợp nhất để trồng cây này. Sau 6 - 7 tháng, cây phát triển hoàn chỉnh về thân và lá.

*** Hỏi:**

Chúng tôi rất muốn ứng dụng cây dong riềng vào việc phát triển trang trại. Tuy nhiên hiện tại chúng tôi vẫn chưa có một tài liệu nào nói về kỹ thuật trồng cây dong riềng. Xin chuyên gia hãy giúp chúng tôi.

Đáp:

Cây dong riềng là một loài cây khá phổ biến đối với bà con ở nhiều vùng đồi núi nước ta. Loài cây này sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của người dân nếu họ biết cách "chiều" chúng. Hàng năm người ta có thể thu hoạch được tới 27 tấn củ tươi, thậm chí 30 tấn trên 1 ha. Tuy nhiên, dong riềng cũng sẽ rất dễ trái ý con người nếu không trồng trọt, chăm bón đúng kỹ thuật.

Kỹ thuật trồng dong riềng cụ thể như sau:

- Chọn đất trồng:

Dong riềng có thể phát triển được ở các loại đất vùng đồi núi, mức độ thoái hoá chưa mạnh, thoát nước tốt. Nhưng thích hợp nhất với loài cây này là đất trong các thung lũng tương đối ẩm, hàm lượng mùn khá, ít chua, thoát nước tốt. Ở những nơi này năng suất dong riềng có thể đạt từ 30 đến 32 tạ/ha. Nên trồng dong riềng trên những thân đất ấy.

- Chọn thời vụ:

Tốt nhất là trồng dong riềng vào tháng 2 - 3. Tại thời điểm này dong riềng nhanh nảy mầm, phát triển mạnh. Người ta vẫn trồng vào cả tháng 4 - 5 nhưng hai tháng này không phải là thời điểm tốt cho cây phát triển.

- Kỹ thuật trồng:

+ Chọn củ giống: nên chọn củ bánh tẻ, to vừa phải và đều củ, không bị xây xát, không bị sâu bệnh, có nhiều mầm non.

+ Cuốc hố trồng dong riềng: hố sâu khoảng 20cm, rộng 15cm. Hố trồng dong riềng tương tự như hố trồng sắn.

+ Bố trí mật độ: hố cách hố 40cm, hàng cách hàng 50cm. Trên đất dốc các hàng chạy theo đường đồng mức.

+ Nếu có điều kiện, bón cho mỗi hố khoảng 1 - 2kg phân chuồng. Trên những vùng đất núi trọc bị thoái hoá, phân chuồng rất cần cho dong riềng. Tùy theo mức độ và giai đoạn sinh trưởng của cây mà có thể bón đậm và lân

với một chế độ thích hợp. Dong riềng cần nhiều kali hơn đạm và lân.

+ Khi đã bón phân chuồng xong thì đặt củ vào hố rồi lấp một lớp đất mỏng lên trên, dùng tay ấn hơi chặt sau đó tiếp tục phủ một lớp đất mỏng nữa.

+ Sau khi trồng được hai tháng thì tiến hành làm cỏ, xới xáo, vun đất vào gốc cho cây dong riềng.

- Thu hoạch:

Có thể tiến hành thu hoạch sau khi trồng được 10 - 12 tháng. Lúc này củ có hàm lượng tinh bột cao.

Nếu trồng trên đất thích hợp, mỗi khóm dong riềng có thể cho từ 15 đến 20kg củ. Năng suất dong riềng có thể tới 45 đến 65tấn/ha/vụ. Lượng củ này đem sản xuất tinh bột thì được khoảng 8,1 - 11,7tấn. Hiện nay, đa số các hộ nông dân đều đạt được 15 - 25tấn củ/ha/vụ (trong điều kiện sản xuất bình thường).

Dong riềng không những cho một lượng củ lớn mà lượng lá lấy từ cây cũng rất đáng kể. Lá dong riềng thường được sử dụng để chăn nuôi trâu bò. Sau 3 - 4 tháng trồng, cây mọc tốt có thể cắt một lần các lá sát mặt đất. Lần cắt này chỉ cắt những lá sát gốc. Đến lần cắt thứ hai (trước khi thu hoạch củ) thì cắt cả thân. Năng suất thân lá mỗi ha đạt từ 5,5 đến 7 tấn.

Sau khi chế biến lấy tinh bột có thể nắm bà bột thành từng nắm nhỏ, phơi khô làm thức ăn dự trữ cho lợn. Mỗi ha trồng dong riềng sau khi chế biến lấy tinh bột cho 18 tấn bã để chăn nuôi.

* Hỏi:

Có nhiều người khuyên chúng tôi trồng xen cây dong riềng dưới tán rừng. Không biết điều này có thể thực hiện được hay không? Xin chuyên gia giúp chúng tôi một vài kinh nghiệm trồng xen dong riềng?

Đáp:

Từ lâu, cây dong riềng đã được đưa vào trồng xen dưới tán rừng và vườn quả. Hiệu quả đem lại từ nhiều phương thức trồng xen canh đạt khá cao. Có nhiều mô hình trồng dong riềng dưới tán rừng và vườn quả, phổ biến là các mô hình như sau:

* Trồng dong riềng dưới tán các rừng đã khép tán:

Trong mô hình này thường áp dụng trồng dong riềng dưới tán rừng tếch, rừng lát hoa, rừng xoan.

- Mô hình rừng tếch - dong riềng.

Mô hình này được áp dụng chủ yếu ở miền Nam.

Tếch và dong riềng cùng ưa những loại đất tốt, ít chua. Khi trồng dong riềng xen dưới tán tếch sẽ có hiệu quả nhiều mặt:

Thứ nhất, giảm được cỏ dại, giảm công chăm sóc rừng tếch.

Thứ hai, chống xói mòn, giữ độ ẩm của đất rừng tếch tốt hơn.

Thứ ba, chống được nạn cháy rừng tếch mùa khô.

Thứ tư nữa là hàng năm thường xuyên có thu nhập. Bình thường phải 40 năm rừng tích mới cho thu hoạch. Nếu chờ suốt thời gian này thì quá lâu. Mỗi năm dong riềng cho thu nhập một lần, hiệu quả kinh tế trên diện tích cố định đó tăng thêm rất nhiều.

Mô hình lát hoa - dong riềng.

Một trong những loại gỗ quý hiện nay là lát hoa. Gỗ lát hoa được nhiều người ưa chuộng bởi có vân đẹp, gỗ ít bị mối mọt, được sử dụng để đóng tủ, bàn ghế, giường...

Lát hoa thích hợp nhất trong các rừng đất tương đối ẩm, hàm lượng mùn khá, ít chua hoặc trung tính. Đây cũng là loại đất thích hợp với dong riềng.

Khi trồng xen dong riềng dưới tán rừng lát hoa sẽ hạn chế được cỏ dại, chống xói mòn và giữ độ ẩm của đất tốt hơn. Ngoài ra trong suốt 30 năm chờ đợi đến kỳ khai thác gỗ lát hoa người nông dân cũng có thu nhập đáng kể từ dong riềng.

- Mô hình rừng xoan - dong riềng.

Hiện nay xoan đang là một trong những loại gỗ chiếm ưu thế. Xoan mọc rất nhanh, gỗ ít mối mọt. Người ta thường dùng gỗ xoan để làm nhà, đóng tủ giường, bàn ghế và công cụ. Lá xoan là nguồn phân xanh rất tốt để bón ruộng.

Ưu điểm của cây xoan là dễ trồng, giống xoan lại sẵn có, khi hạt xoan rụng xuống sẽ rất nhanh chóng mọc thành cây non.

Giống xoan lại ít sâu bệnh, tán lá nhẹ thưa, về mùa khô lá rụng hoàn toàn. Đất trồng xoan thường là đất sau nương rẫy còn tương đối tốt nên thích hợp với dong riềng.

Mô hình này khá phổ biến ở vùng núi các tỉnh Hoà Bình, Thanh Hoá, Sơn La... Mô hình này có tác dụng chủ yếu là phòng hộ chống xói mòn, giữ nước của rừng xoan trồng trên đất dốc.

* Trồng dong riềng dưới tán trong các vườn cây ăn quả.

- Trồng dong riềng dưới tán mơ, mận, đào.

Nhiều địa phương đã thực hiện khá tốt mô hình trồng dong riềng dưới tán cây mơ. Bởi rừng mơ thường được trồng ở khe và chân các núi đá vôi, đặc điểm này rất thích hợp với dong riềng.

Trồng dong riềng dưới tán mơ cũng làm giảm bớt cỏ dại và tăng khả năng chống xói mòn, giữ độ ẩm đất, tạo điều kiện thâm canh rừng mơ tốt hơn. Mùa khô, cây mơ lại rụng hết lá, trời nhiều mây nên dong riềng phát triển rất tốt.

- Trồng dong riềng dưới tán vườn mít.

Ở nhiều vùng nước ta mô hình này đã trở nên quen thuộc. Từ các tỉnh miền Đông Nam Bộ đến miền Trung, rồi cả vùng trung tâm Bắc bộ đều áp dụng mô hình này. Trồng dong riềng dưới tán mít ngoài tác dụng bảo vệ đất chống xói mòn, bảo vệ độ ẩm của đất trồng mít còn tạo ra nguồn thức ăn cho người và đặc biệt là để chăn nuôi gia súc.

* Hỏi:

Chúng tôi đã nghe nói nhiều về cây khoai ráy nhưng quả thực chúng tôi vẫn chưa tận mắt nhìn thấy loại cây này. Xin chuyên gia nói rõ một vài đặc điểm của cây? Khoai ráy gồm có những loại nào?

Đáp:

Một trong những loại cây có giá trị dinh dưỡng cao, làm nguồn thức ăn bổ dưỡng cho gia súc, đó là cây khoai ráy. Đối với gia súc, dọc lá và củ khoai ráy có giá trị dinh dưỡng cao hơn cả dọc lá, dây và củ khoai nước, khoai lang và dong riềng. Đồng bào miền núi thường sử dụng khoai ráy để nuôi lợn. Nuôi lợn bằng loại thức ăn này lợn rất chóng lớn, mau béo, da và lông bóng mượt. Có thể thu hoạch được tới 120 - 170 tấn dọc/ha/năm; 20 - 30 tấn củ/ha/năm.

* Cây khoai ráy có đặc điểm sinh thái như sau:

Khoai ráy thuộc loài thân thảo sống lâu năm, có thân rễ dạng củ. Chiều cao của cây có thể tới 2 - 3 m, lá khoai ráy rất lớn, có hình quả tim hoặc thuôn mũi mác, mép lá hơi lượn sóng, dựng đứng. Cuống lá (còn gọi là dọc) rất mập, có thể dài tới 1 m. Hoa nở thành cụm dạng bông mo, có lá mo màu xanh vàng, mang hoa cái ở gốc, hoa đực ở phía trên, tận cùng là phần không sinh sản hình dùi đực. Quả khoai ráy có dạng hình trứng, màu đỏ.

Có 2 loại khoai ráy:

- Khoai ráy khôn: Loại này có lá màu tím và màu xanh, trên lá phủ phấn trắng, củ không ngứa, người ta có thể dùng để ăn.

- Khoai ráy dại: Lá màu xanh nhạt, sinh trưởng nhanh, củ và dọc rất ngứa, chỉ dùng để làm thức ăn cho lợn.

Khoai ráy phân bố tự nhiên ở vùng khí hậu nhiệt đới ẩm, vì thế có mặt ở nhiều nơi trên thế giới. Ở nước ta, khoai ráy thường mọc ở các rừng thứ sinh, những nơi ẩm ướt, ven bờ suối và các thung lũng núi đá vôi.

* Hỏi:

Tôi nghe nói rằng khoai ráy có thể trồng xen dưới tán rừng. Điều này có đúng không? Chuyên gia có thể cho biết một vài mô hình trồng xen cây khoai ráy?

Đáp:

Khoai ráy là loài cây thân thảo sống lâu năm và có thể sinh trưởng bình thường dưới tán các loại rừng tự nhiên thứ sinh có độ che 0.5 - 0.6. Khoai ráy mọc ở những nơi đất còn tốt, ẩm, có hàm lượng mùn tương đối cao. Khoai ráy đặc biệt thích hợp với những nơi đất nâu đỏ, chân núi đá vôi, trong các thung lũng giàu mùn và đạm, có độ pH gần trung tính, ưu điểm nổi bật của khoai ráy là rất ít bị sâu bệnh.

Nhiều hộ nông dân đã nhìn thấy rõ tác dụng của khoai ráy trong việc chăn nuôi lợn (đây là một loại thức ăn

tốt), vì thế họ đã áp dụng trồng khoai ráy trong các vườn quả hộ gia đình. Các gia đình miền núi trồng khoai ráy xen dưới tán các loài cây ăn quả thân gỗ trong vườn. Cho đến bây giờ, khoai ráy vẫn chưa được trồng phổ biến trên diện rộng ở vùng núi mà chủ yếu vẫn chỉ là thu nhặt trong tự nhiên để nuôi lợn.

Có thể trồng khoai ráy dưới tán rừng theo các mô hình sau:

+ Mô hình vườn cây ăn quả + khoai ráy. Đây là mô hình phổ biến được nhiều hộ nông dân miền núi áp dụng.

- Thứ nhất: mô hình vườn chuối + khoai ráy.

- Thứ hai: mô hình vườn quả luồng, cam, quýt + khoai.

+ Mô hình bảo vệ, khoanh nuôi khoai ráy mọc dưới tán rừng gỗ thứ sinh ở ven suối và các thung lũng có khí hậu và đất ẩm ướt để sử dụng làm thức ăn cho lợn.

* Hỏi:

Gia đình tôi đang chuẩn bị trồng khoai ráy trong trang trại nhưng tôi vẫn còn chưa hiểu rõ về thời vụ thích hợp và kỹ thuật trồng khoai ráy. Xin chuyên gia giải đáp giúp!

Đáp:

Khoai ráy không chỉ là loại thức ăn tốt đối với lợn mà đối với con người, đôi khi nó cũng là món ăn được ưa thích

(khoai ráy khô). Khoai ráy lại có ưu điểm là ít bị sâu bệnh, thích nghi với đất màu đỏ, chân núi đá vôi, trồng xen được dưới nhiều tán cây rừng. Vì thế, trong mô hình kết hợp nông - lâm hiện nay, loài cây này đang chiếm ưu thế. Nhiều hộ gia đình đã thu được hiệu quả đáng kể từ việc sản xuất cây khoai ráy này.

* Muốn có hiệu quả cao từ việc sản xuất khoai ráy, trước hết cần lưu ý đến thời vụ trồng. Bình thường, người ta vẫn trồng khoai ráy tất cả các tháng trong năm. Thế nhưng, mùa xuân (tháng 2 - tháng 3) là thời điểm tốt nhất để khoai ráy phát triển mạnh.

Nên trồng khoai ráy trên những thân đất ẩm ướt, nhiều mùn tươi xốp, phân bố ở chân núi, ven suối, ven khe và các thung lũng.

Kỹ thuật trồng cụ thể như sau:

- Tạo hố: đào hố sâu khoảng 25cm, rộng khoảng 30cm.
- Bố trí mật độ: khóm cách khóm 40 x 40cm.
- Bón lót phân: trong trường hợp đất ít mùn thì bón lót một ít phân mục.
- Đặt cây trồng: nhâm vào giữa hố, đặt cây ráy con vào đó, rồi lấp đất lại, dậm chặt. Có thể thay cây con bằng một mảnh củ ráy có mắt mầm. Chính những mảnh này sẽ phát triển thành cây.
- Làm cỏ: tiến hành làm cỏ sau khi trồng được một tháng, đồng thời vun gốc cho khoai ráy.

* Thu hoạch:

Khi khoai ráy được 3 tháng tuổi (tính từ lúc bắt đầu trồng), cây cho khoảng 4 - 5 lá. Lúc này có thể bóc dọc lá cho lợn ăn. Chu kỳ thu hoạch khoảng 15 - 20 ngày một lần. Sau 8 tháng thì thu hoạch toàn bộ củ và dọc.

Củ khoai ráy khá lớn, mỗi khóm trung bình cho 2kg củ, kỷ lục có củ nặng tới 14kg.

Mỗi hecta khoai ráy có thể thu được tới 120 - 170 tấn dọc và khoảng 20 - 25 tấn củ.

* Hỏi:

Mấy tháng trước tôi có đến thăm trang trại vườn rừng của một người bạn thì thấy ở đây trồng rất nhiều dứa ta. Tôi cũng định áp dụng mô hình này nhưng chưa hiểu rõ về giá trị kinh tế của loại cây này. Xin được giải đáp rõ hơn. Liệu có thể tận dụng hết cây dứa hay không?

Đáp:

Một vài năm gần đây, cây dứa giữ một vị trí trọng yếu trong mô hình trồng xen cây nông nghiệp dưới tán rừng. Qua thực tế, bà con nông dân ở nhiều vùng cho biết hiệu quả kinh tế của việc trồng dứa dưới tán rừng là khá cao. Bởi lẽ cây dứa ta có giá trị kinh tế ở không ít mặt.

+ Thứ nhất là quả dứa.

Ở vùng nhiệt đới, cây dứa là một loài cây ăn quả quý, giá trị kinh tế của nó tương đối lớn. Quả dứa có hương

thơm, vị ngọt pha chua. Thành phần dinh dưỡng trong dứa khá nhiều: 12-15% đường, 0,5-0,8% axit, 8,5 mg vitamin C/1000 gam nước dứa. Trong nước dứa còn có cả vitamin B1, B2. Đó là chưa kể đến lượng enzym phân giải prôtêin khá lớn trong dứa. Chính lượng enzym này có vai trò rất lớn trong việc kích thích tiêu hoá.

Người ta thường dùng quả dứa để ăn tươi, đóng đồ hộp, làm mứt, kẹo, sản xuất rượu, nước giải khát.

Hiện nay, dứa đang là một mặt hàng tiêu thụ rộng rãi ở trong nước. Đặc biệt, khi xuất khẩu sang các nước châu Âu, châu Mỹ thì dứa và sản phẩm chế biến từ dứa rất được ưa chuộng.

Thịt quả dứa ta khi chín có màu vàng nhạt, chứa nhiều nước, có vị ngọt và chua. Tất cả những phẩm chất này ở dứa ta đều cao hơn so với dứa hoa. Vì thế khi đóng hộp không cần phải cho thêm axit.

Quả dứa ta có thể tận dụng được nhiều mặt. Nước dứa đã là một sản phẩm rất quý nhưng bã dứa lại còn có giá trị không thấp. Sau khi ép lấy nước có thể dùng bã quả dứa để làm thức ăn nuôi gia súc.

Mặt khác, trong lá dứa chứa nhiều sợi tơ, có thể dùng để dệt vải, dệt ten. Đặc điểm của lá dứa ta là có tán rộng, dài, có nhiều sợi tơ. Tỷ lệ sợi tơ trong lá chiếm tới 1,12%. Người ta tính được rằng 1 ha lá dứa thì có thể thu hoạch được tới 210kg sợi tơ.

Tất cả phần thân lá và chồi dứa, sau khi thu hoạch có thể chế biến làm thức ăn gia súc. Mỗi ha có khoảng 60

tán thân lá và chồi. Thân lá và chồi dừa còn được dùng để làm nguồn phân xanh hữu cơ. Loại phân này khi bón cho đất sẽ đem lại nhiều tác dụng.

Qua thực tế sản xuất ở nhiều nơi, chúng tôi thấy rằng: Mỗi hecta trồng dừa dưới tán rừng, nếu trồng với mật độ thưa (1500 - 2000 cây/ha) lại không bón phân, chỉ dựa vào độ phì tự nhiên của đất thì năng suất chỉ đạt 3 - 4 tấn quả/ha. Nhưng nếu tuyển chọn giống tốt, phân bố mật độ dày hơn (khoảng 44.400 cây/ha), cộng với việc bón phân đầy đủ, hợp lý, mỗi năm một hecta dừa có thể cho tới 15 đến 25 tấn quả tươi. Lượng quả này đem bán trực tiếp hoặc chế biến thành sản phẩm đều có trị giá khoảng từ 9 - 15 triệu đồng. Như vậy, có thể thấy rằng giá trị kinh tế mà cây dừa đem lại quả là rất đáng kể. Chính vì thế loài cây này càng chiếm vị trí quan trọng trong mô hình trồng xen canh nông - lâm kết hợp.

* Hỏi:

Vừa qua, một số cán bộ nông nghiệp ở huyện tôi xuống xã hướng dẫn cách trồng dừa ta. Tôi rất tâm đắc với mô hình này nhưng quả thực tôi chưa bao giờ nhìn thấy loại cây này. Xin chuyên gia hãy miêu tả rõ về cây dừa ta giúp tôi.

Đáp:

Dừa ta là một loài cây có giá trị kinh tế lớn, khá quen thuộc đối với nhiều người dân, đặc biệt là bà con vùng núi.

Tuy nhiên, số người chưa một lần nhìn thấy cây này cũng không phải ít. Lý do chắc cũng dễ hiểu vì thực ra dưa phân bố không đồng đều. Dưa có mặt chủ yếu ở các địa phương đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, trung du, miền núi miền Trung và Bắc Bộ.

Cây dưa ta có đặc điểm cụ thể về hình thái như sau:

+ Lá: Dưa ta thuộc giống dưa đỏ Tây Ban Nha. Lá của dưa ta rộng, dài, mềm, có nhiều gai và hơi cong về khía dưới. Lá dưa màu xanh lục đậm có tác dụng phản quang rất tốt. Trong lá có nhiều sợi tơ, dẻo, mặt dưới lá màu phớt hồng. Mỗi cây có từ 60 - 80 lá. Số lá hữu hiệu trên cây (lá hoàn chỉnh) là cơ sở để xử lý đất đèn, rút ngắn thời gian sinh trưởng

+ Thân cây: Tuỳ theo từng giống mà thân cây dưa ta có chiều dài từ 20 - 30cm. Điều kiện canh tác và môi trường sống cũng ảnh hưởng đến chiều dài của thân cây. To và mập là đặc trưng của thân cây dưa ta có sức sinh trưởng khoẻ, còn những cây thân dài và nhỏ là những cây sinh trưởng kém, năng suất thấp, chồi mọc yếu.

+ Bộ rễ: Cây dưa ta không có rễ cọc, chỉ có rễ bàng. Bộ rễ bàng này ăn nông, phân bố tập trung ở độ sâu 15 - 30cm. Nếu ở đất tơi xốp, rễ có thể ăn sâu tới 60cm.

+ Quả: Quả dưa thuộc loại quả kép. Số hoa trên một cây có từ 40 đến 150, sau này chính số hoa đó là các mắt dưa. Trọng lượng quả phụ thuộc vào số lượng hoa. Số lượng hoa ít thì quả bé, nhiều thì quả to. Thời gian từ lúc cây ra hoa đến lúc quả chín là từ 135 đến 165 ngày. Trọng

lượng một quả dừa trung bình khoảng 0,7-1kg. Có quả lớn nhất đạt tới 1,5kg. Vỏ quả dừa ta khá dày, khi chín có màu da cam. Mặt quả dừa to, dẹt, hố mắt sâu.

Khi chín, thịt quả dừa màu vàng, nhiều nước, có vị ngọt và chua. Trong quả dừa, hàm lượng đường không cao. Quả dừa ta có lõi to, nhiều xơ nên bảo vệ loại quả này rất dễ.

+ Chối dừa ta: Dừa ta có nhiều loại chối: chối ngon, chối cuống, chối nách, chối ngâm.

* Chối ngon (hay còn gọi là chối quả, chối đỉnh). Chối ngon của cây dừa ta thường bị biến dị thành chối mào gà. Thông thường người ta không lấy chối ngon này làm giống.

* Chối cuống: vị trí của chối này là ở trên cuống quả, có những trường hợp mọc sát gốc quả.

* Chối nách: đây là nguồn giống chủ yếu cho sản xuất. Chối nách mọc ra từ nách lá. Khi trồng bằng chối nách, tỷ lệ sống đạt cao nhất, cây sinh trưởng rất nhanh. Tuy nhiên, chối nách phát triển không đồng loạt, vì vậy mà khi trồng phải phân loại theo trọng lượng rồi trồng riêng ra từng lô để đảm bảo độ đồng đều.

* Chối ngâm: Chối ngâm cũng thường được gọi là chối đất. Chối này mọc từ dưới đất lên, lá dài và hẹp, sinh trưởng kém. Loại chối này không dùng để nhân giống.

Hiện nay, có hai loại dừa ưa bóng có thể áp dụng trong mô hình trồng xen dưới tán rừng, đó là dừa ta và dừa mật. Hai loại dừa này khi trồng cần có cây cao che bóng, độ tán che từ 0,5 - 0,7.

Đặc điểm của dừa mật là lá dài, mềm, có gai ở rìa lá. Chỉ ít lá không có gai hoặc 1/2 lá không có gai. Trọng lượng trung bình của quả là 0,8 - 1,3kg. Quả có vỏ dày, khi chín thì vỏ màu vàng da cam. Mắt dừa mật to, hơi nhô lên, hố mắt sâu, thịt quả màu vàng. So với dừa ta, dừa mật ngọt hơn. Dừa mật cho năng suất khá cao. Việc bảo quản dừa này cũng dễ.

* Hỏi:

Tôi được biết, hiện nay các khu vực miền núi đang triển khai mô hình trồng dừa mật và dừa ta dưới tán rừng. Chúng tôi cũng muốn áp dụng mô hình này để phát triển kinh tế trang trại vườn rừng. Xin chuyên gia vui lòng cho chúng tôi biết rõ hơn về đặc điểm sinh thái của hai loại cây này?

Đáp:

Đối với đồng bào miền núi ở nhiều tỉnh nước ta, cây dừa ta và dừa mật đã trở nên quen thuộc. Hai loại dừa này từ lâu đã được đưa vào sản xuất trong mô hình trồng xen dưới tán rừng.

Để áp dụng sản xuất hai loại dừa này với hiệu quả cao nhất, yêu cầu đầu tiên là phải nắm được chúng ưa với loại đất nào, yêu cầu về ánh sáng, nhiệt độ, lượng nước... của chúng ra sao. Hay nói cách khác là phải tìm hiểu đặc điểm sinh thái, sinh lý của chúng.

- Về đặc điểm sinh thái:

Nhu cầu về nhiệt độ:

Nhìn chung, cây dừa sinh trưởng và phát triển tốt ở điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, có nhiệt độ trung bình từ 21 đến 27°C; nhiệt độ trung bình tối - 20°C thì lá và quả dừa đều bị hại.

ở nhiệt độ 21 - 35°C rễ dừa phát triển rất tốt. Rễ dừa phát triển nhanh nhất ở điều kiện nhiệt độ là 30 - 31°C. Ngược lại, rễ dừa sẽ phát triển chậm nếu nhiệt độ xuống thấp khoảng 15 - 16°C. Rễ dừa ngừng sinh trưởng khi nhiệt độ quá cao (43°C) hoặc quá thấp (7°C). Rễ dừa bắt đầu mọc từ tháng 2 đến tháng 3, thời gian từ tháng 5 đến tháng 8 là rễ dừa vào thời điểm sinh trưởng và ngừng sinh trưởng vào khoảng từ tháng 12 đến tháng 1 năm sau.

- Nhu cầu về độ ẩm:

Cây dừa sinh trưởng và phát triển tốt nhất ở những nơi có lượng mưa hàng năm 1200 đến 2000mm. Yêu cầu về độ ẩm không khí của cây dừa trung bình hàng năm phải từ 75% trở lên. Trong giai đoạn thu hoạch và trước đó 30 - 40 ngày, cây dừa không có nhu cầu cao về nhiệt độ và độ ẩm không khí. Đối với cây dừa trong thời điểm này, nhiệt độ trung bình từ 23 đến 25°C, lượng mưa ít là điều kiện tốt để quả đạt chất lượng cao.

Trong giai đoạn phát triển, cây dừa cần nước nhất là ở giai đoạn cây con bén rễ. Nếu ở giai đoạn này mà gặp hạn kéo dài tới 4 - 6 tháng thì thời gian sinh trưởng của dừa sẽ kéo dài thêm.

- Nhu cầu về đất.

Nhìn chung, cây dứa khá "dễ tính", ít khi kén đất. Chỉ trừ những thân đất có nhiều vôi, độ pH trung tính, có kiềm, còn hầu hết các loại đất khác đều thích hợp với dứa. Trên những thân đất tơi xốp, thoát nước tốt, không bị ngập úng, hàm lượng mùn khá, đủ ẩm quanh năm cây dứa phát triển rất nhanh.

* Về đặc điểm sinh lý:

- Nhu cầu về ánh sáng:

Cây dứa ta và dứa mật có nhu cầu ánh sáng không mạnh. Chúng thuộc loại cây ưa bóng, ở những nơi có ánh sáng toàn phần, lá và quả bị rám nắng, vàng, sinh trưởng cằn cỗi. Dứa ta và dứa mật thích hợp ở những nơi có các cây gỗ to, cao tạo bóng mát như dưới rừng lim xanh, trám trắng, dục...có độ tán che từ 0,5 đến 0,7. Nếu ở độ tán che lớn quá (khoảng trên 0,7) thì cây dứa ta sẽ bị vóng cây, lá nhỏ dai, thân gầy, ít quả, quả nhỏ.

- Nhu cầu về nước:

Hàng ngày mỗi hecta trồng dứa cần khoảng 12,5 - 20m³ nước, tương đương với lượng mưa 1,25 - 2 mm/ngày.

- Nhu cầu về phân:

Nhu cầu lớn của cây dứa là kali, sau đó đến đạm, lân, magiê và một số vi lượng khác.

Đối với dứa, kali có tác dụng làm cho quả cứng chắc, vỏ quả có màu bóng đẹp, thịt quả cứng. Không những thế.

khi được bón kali, khả năng kháng bệnh của dứa tăng lên, trọng lượng quả cũng tăng, chồi sinh trưởng khỏe.

Trong giai đoạn phân hoá hoa, dứa cần lân nhiều hơn các giai đoạn khác. Magiê có tác dụng tăng năng suất quả và tăng khả năng chống rét cho cây dứa. thông thường trong sản xuất bón phân khoáng NPK cho dứa theo tỉ lệ 2:1:3.

* Hỏi:

Tại sao lại áp dụng mô hình trồng dứa xen dưới tán cây? Kỹ thuật trồng xen như thế nào là hợp lý?

Đáp:

Trồng dứa dưới tán đem lại giá trị kinh tế khá cao, hiện nay đang được bà con nông dân ở nhiều nơi áp dụng. Hiệu quả kinh tế của việc trồng dứa phụ thuộc phần lớn vào kỹ thuật trồng. Từ khâu chọn đất, chọn thời vụ, chọn giống, xử lý đều quyết định tới năng suất.

- Trước hết cần xác định điều kiện đất trồng.

Tuy dứa ta là loại cây "dễ tính" không kắt khe về điều kiện đất trồng nhưng ở những loại đất trung tính và kiềm, đất bị đọng nước, kém thoát nước hoặc ngập úng thì nó cũng không thể phát triển bình thường.

Tốt nhất là nên trồng dứa ta ở các thân đất có hàm lượng mùn, đạm và kali cao, độ xốp 55% trở lên, có khả

năng giữ ẩm nhỏ hơn 250C, tầng đất dày rất phù hợp với dưa ta.

- Thời vụ trồng:

Trong năm thường trồng vào hai vụ là: vụ xuân và vụ thu. Vụ xuân vào khoảng tháng 3 - 4, vụ thu khoảng tháng 9 - 10. Vào những thời điểm này cây dưa phát triển tốt hơn mùa hè và mùa đông.

- Chuẩn bị chồi giống:

Chọn giống trồng bằng chồi nách là tốt nhất. Khi đem chồi giống trồng thì cắt bớt ngọn lá, chặt bớt gốc (chỉ chặt phần dưới, chừa lại phần gốc có đài rễ màu nâu dài 2 - 3cm).

+ Những chồi có trọng lượng 300 đến 600g thì trồng vào vụ từ tháng 11 đến tháng 12.

+ Những chồi có trọng lượng 200 đến 300g thì trồng vào vụ từ tháng 1 đến tháng 5.

Chú ý: Chồi giống trước khi đem đi trồng phải xử lý diệt rệp cẩn thận. Cách xử lý là nhúng từng bó chồi giống vào dung dịch Vônfatốc (nhúng phần gốc xuống dưới). Dung dịch này pha với nồng độ 0,2% Vônfatốc + 0,4% dầu hoả. Ngâm sâu 5cm trong vòng 5 phút sau đó dựng ra ngoài khoảng 25 giờ rồi mới đem trồng

- Kỹ thuật trồng:

+ Bố trí hàng, cây: Trồng dưa ta thành hàng kép (bằng hợp) theo đường đồng mức. Trong hàng, bố trí các cây theo hình nanh sấu. Khoảng cách giữa các cây khoảng 30cm là thích hợp. Hàng cách hàng cũng 30cm. Các hàng

kép (băng hẹp) cách nhau $1,2 \times 1,2$ m. Trên 1 hecta trồng khoảng 44.400 cây dừa là vừa.

+ Tạo hố: Cuốc hố sâu khoảng 20cm, sau đó đập nhỏ đất vun đất ở trên mặt xuống gần miệng hố. Dùng bay nhỏ chọc một lỗ trong hố để trồng dừa (bay có lưỡi rộng 5cm, lưỡi và chuôi sắt dài 25cm, cán gỗ dài 15cm). Để tránh tình trạng khi mưa đất không vùi lấp dừa thì phải trồng với độ nông vừa phải, nón dừa nằm cao hơn mặt đất một chút. Lèn đất tương đối chặt để cho cây đứng vững.

Chú ý:

+ Trên mặt đất dốc, luôn bố trí các hàng dừa kép chạy theo đường đồng mức để tạo thành các đường cây xanh hạn chế dòng chảy trên mặt, giảm xói mòn đất.

+ Sau khi trồng được khoảng 15 - 20 ngày phải nhanh chóng trồng dặm những cây bị chết để đảm bảo mật độ. Dùng các chồi tốt, khỏe, có sức phục hồi và sinh trưởng nhanh trồng dặm để nhanh đuổi kịp những cây trước.

* Hỏi:

Xin chuyên gia cho chúng tôi biết cách chăm sóc, bón phân và trừ sâu bệnh cho dừa trồng xen dưới tán.

Đáp:

Năng suất cây trồng nói chung, dừa nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào kỹ thuật chăm và bón phân.

- Công việc chăm sóc bắt đầu từ khi trồng xong. Phải chăm sóc làm sạch cỏ và xới đất, vun gốc cho dừa

hàng năm, tối thiểu phải vun xới đất cho dứa hai lần. So với trồng dứa hoa nơi đất trống, trồng dứa ta dưới tán rừng thường ít cỏ dại hơn. Tuy vậy, vẫn phải làm cỏ, chăm sóc theo định kỳ.

- Kỹ thuật bón phân:

Thông thường khi trồng dứa ta dưới tán rừng lim tự nhiên, nhân dân không có tập quán bón phân cho dứa. Vì họ quan niệm rằng đất đã tốt sẵn lại giàu mùn và đạm nên không cần cung cấp thêm phân nữa. Nhưng nếu trong nhiều năm liên tục không bón phân thì đất sẽ bị bạc màu dần, dẫn tới năng suất dứa không cao. Do đó, phải bón thêm phân cho dứa. Chế độ phân bón cho dứa có thể dao động trong một khoảng nhất định tùy theo điều kiện kinh tế của mỗi hộ gia đình. Lượng phân mỗi loại cần bón như sau:

- + Phân hữu cơ : 5 - 10 tấn/ha.
- + Phân sulphat đạm : 800 - 1000kg/ha.
- + Phân clorua kali : 500 - 800kg/ha.
- + Phân lân (Tec mô phốtphát): 400-600kg/ha.

Thời gian bón phân.

Năm đầu: bón lót phân hữu cơ + 1/4 lượng phân đạm, lân, kali chia làm các lần như sau:

* Sau 2 - 3 tháng đầu: bón thúc lần 1, sử dụng 1/4 lượng phân NPK cho 1 ha.

* Sau 2 - 3 tháng sau: bón thúc lần 2, cũng sử dụng lượng phân NPK như bón thúc lần 1.

* Trước khi xử lý axetylen 2 - 3 tháng bón thúc lần 3. Đây cũng là lần bón cuối cùng. Sử dụng toàn bộ số phân còn lại để bón cho dứa.

Năm thứ hai và các năm sau, bón thúc 3 lần, từ vụ thu hoạch trước đến vụ thu hoạch sau, mỗi lần bón bằng $\frac{1}{3}$ lượng phân bón NPK cần bón cho dứa trong một năm trên 1 hecta như năm thứ nhất.

Cách bón phân: Xới đất ở hai bên hàng kép cách gốc dứa từ 10 đến 20cm, xới nông vừa phải. Cho phân vào và lấp đất lại.

Chú ý: không để phân khoáng vương vào nón lá, không bón vào nách lá non, vì nếu bón như vậy lá và nón dứa dễ bị cháy.

Đối với mô hình dứa ta dưới tán cây, sâu bệnh hại đang là vấn đề rất cần quan tâm. Có nhiều loại sâu bệnh hại dứa ta. Mỗi loại sâu bệnh hại theo một kiểu, mức độ nhất định, chúng "góp phần" giảm năng suất cây trồng. Vì thế, phòng trừ sâu bệnh cho dứa luôn là việc làm hết sức cần thiết. Các loại sâu bệnh thường hại dứa ta là rệp sáp, bệnh đốm lá và bệnh thối nõn, thối gốc lá dứa.

– Đối với bệnh rệp sáp, cách phòng trừ phổ biến là phun dung dịch Vônfatốc hoặc Etin paration. Bệnh này xuất hiện nhiều nhất vào các tháng 9, 10, 11, 12 và tháng 1. Nếu phun dung dịch Vônfatốc thì phun loại có nồng độ 0,2%, phun từ 2 đến 3 lần. Nếu phun Etin paration thì phun loại có nồng độ 0,1%, số lần phun cũng như

Vônfatốc. Khoảng cách giữa các lần phun khoảng 7 đến 10 ngày. Trước khi thu hoạch quả khoảng 25 - 30 ngày thì phun lần cuối.

+ Bệnh tuyến trùng có tác hại làm hư hỏng rễ, lá bị vàng úa. Đối với bệnh này, tốt nhất là phòng bằng cách xới xao đất kỹ, làm sạch cỏ dại, tạo điều kiện thoát nước tốt.

+ Đối với bệnh đốm lá, phương pháp đặc trị là cắt toàn bộ những lá bị bệnh đem đốt, sau đó phun dung dịch Boocđô nồng độ 1%.

+ Đối với bệnh thối nõn và thối gốc lá dừa phải vãi vôi bột vào gốc, phun dung dịch HCl nồng độ 0.01 - 0.02% hoặc dung dịch Boocđô 1% để phòng.

* Hỏi:

Tôi nghe nói hiện nay người ta đang dùng dung dịch khí axetylen để kích thích sự sinh trưởng của dừa. Axetylen là gì? Cách xử lý nó ra sao?

Đáp:

Để làm cho cây dừa có thể ra hoa kết quả vào bất cứ thời gian nào trong năm, người ta dùng dung dịch axetylen kích thích cho chúng. Hiện nay, phương pháp này đang được áp dụng một cách khá phổ biến.

Axetylen (C_2H_2) là một loại khí được sinh ra bởi sự tác dụng của đất phèn (C_2Ca) và nước (H_2O). Muốn có khí

này, chỉ cần bỏ đất đèn vào trong một cái thùng rồi đậy nắp kín. Cho nước vào hoà tan đất đèn ra thì sẽ có dung dịch axetylen. Axetylen có tác dụng kích thích sự phân hoá hoa nếu ta rót dung dịch này vào nõn dứa. Chính vì thế dùng dung dịch axetylen ta có thể điều khiển sự ra hoa kết trái của dứa theo đúng thời điểm mong muốn.

Khi xử lý axetylen để rải vụ thu hoạch cần lưu ý một số điểm sau:

- + Thứ nhất là về điều kiện cây đạt tiêu chuẩn để xử lý axetylen: chỉ khi cây dứa ta đạt 40 - 45 lá hoàn chỉnh thì mới xử lý axetylen được.

- Thứ hai là về thời gian xử lý. Đối với chồi loại 1 thì sau khi trồng được 7 - 8 tháng có thể xử lý axetylen. Nhưng đối với chồi loại hai, phải 12 tháng sau khi trồng mới xử lý. Đối với những rừng dứa ta đã thu hoạch thì xử lý vào thời gian khoảng tháng thứ 11, 12 sau khi thu hoạch vụ trước.

- + Cách pha dung dịch axetylen: 4 - 5g đất đèn pha trong một lít nước (đất đèn phải đập nhỏ để dễ tan). Nếu dung tích của thùng được 100 lít thì nên đổ vào thùng 70 - 75 lít nước và 300 - 350 g đất đèn đã đập nhỏ. Đậy nắp thật kín sau đó lắc thùng 15 phút.

- + Thời điểm tốt nhất trong ngày có thể xử lý axetylen là vào buổi sáng (từ 5 - 9 giờ) hoặc buổi chiều (từ 16 - 19 giờ). Chú ý: chỉ xử lý vào những lúc trời râm mát, không mưa.

* Hỏi:

Tôi biết rằng gừng là loại cây được trồng và sử dụng phổ biến ở nước ta. Xin cho biết ở nước ra hiện có những loại gừng nào? Đặc điểm hình thái của cây gừng ra sao?

Đáp:

Gừng được sử dụng làm gia vị, mứt, kẹo, rượu và làm thuốc. Hiện nay ở nước ta gừng đã được xuất khẩu ra nhiều nước trên thế giới như Trung Quốc, Nhật Bản. Năng suất trồng gừng dưới tán rừng có thể cho từ 3 đến 4 tấn/ha. Trồng gừng rất ít khi bị thất thu bởi vì thú rừng, trâu bò thường không phá hoại loại cây trồng này. Mặt khác, cây gừng cũng ít khi bị chi phối bởi thời tiết, khí hậu nên thu hoạch tương đối ổn định.

Hiện nay ở nước ta có 3 loại gừng đang được sản xuất phổ biến:

- Gừng đại: đặc điểm của gừng đại là củ khá to, thịt củ màu vàng xanh, nhiều xơ, vị cay, có nhiều mùi hăng. Trong y học người ta thường dùng gừng để làm thuốc. Gừng còn được dùng để làm gia vị. Gừng đại thường mọc hoang đại dưới tán rừng tự nhiên. Nó chính là nguồn lợi sinh sống của nhiều hộ gia đình dân tộc ít người ở miền núi.

- Gừng gió: hiện nay loại gừng này ít được gây trồng. Người ta cũng thường dùng gừng gió để làm thuốc.

- Gừng trâu và gừng dẻ: hai giống gừng này đang được gây trồng phổ biến. Gừng trâu có đặc điểm là củ to, ít xơ, ít cay. Loại gừng này rất được ưa thích trong xuất khẩu. Gừng dẻ cũng đang được gây trồng phổ biến trong sản xuất. So với gừng trâu, củ gừng dẻ nhỏ hơn, vị cay hơn và nhiều xơ hơn.

Những đặc điểm về hình thái của cây gừng cụ thể như sau:

- Gừng thuộc loại cây thân thảo sống lâu năm có chiều cao khoảng từ 0,6 đến 1m.

- Lá gừng có màu xanh đậm, dài từ 15 đến 20cm, rộng khoảng 2cm, mặt lá nhẵn bóng, gân ở lá màu hơi nhạt. Lá mọc theo kiểu so le, thẳng đứng, có bẹ lá, không có cuống lá.

- Độ che phủ của tán lá gừng trên mặt đất tương đối thấp.

- Phần thân cây gừng ở dưới phình to chứa nhiều chất dinh dưỡng gọi là củ. Xung quanh củ có nhiều rễ tơ. Rễ và củ gừng chỉ phát triển tập trung ở lớp đất mặt, sâu từ 10 đến 15cm.

- Cây gừng rất ít khi ra hoa. Trục hoa mọc từ gốc dài khoảng 15 - 20cm. Hoa gừng có màu vàng xanh, dài 5cm, rộng 2 - 3cm, có 3 cánh hoa, chiều dài của cánh hoa khoảng 2cm. Mép cánh hoa và nhị hoa màu tím.

- Số lượng chồi nằm ở củ gừng không nhiều. Hiện nay người ta vẫn dùng những chồi đó để gây giống và đó là nguồn giống duy nhất.

* Hỏi:

Tôi nghe nói gừng là cây có sự thích nghi cao. Không biết điều này có đúng không? Gừng thích hợp nhất với điều kiện sinh thái nào?

Đáp:

Hiện nay, cây gừng đang được gây trồng phổ biến ở nhiều nơi trong nước ta cũng như trên thế giới. Loại cây này thích hợp ở điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, có nhiệt độ trung bình hàng năm từ 21 đến 27°C, lượng mưa trung bình hàng năm từ 1500 đến 2500mm, từ độ cao vài mét trên mặt biển đến 1500m. Ở những vùng núi cao, khí hậu lạnh nhiều sương giá cây gừng phát triển không tốt. Những vùng có khí hậu một mùa khô ngắn, có nhiệt độ không khí tương đối cao là thích hợp nhất với cây gừng, đặc biệt là trong thời kỳ củ gừng thành thực. Vì vậy, ở nhiều địa phương thuộc miền Nam nước ta cây gừng đang được ưa chuộng.

Cây gừng cũng khá kén đất, nó chỉ có thể sinh trưởng tốt trên các thân đất tơi xốp, tầng đất dày còn tương đối tốt, ít lẫn đá, có khả năng giữ nước và thấm nước tương đối cao, đất đủ ẩm, thoát nước tốt, không gây úng. Cây gừng thích hợp nhất trên những thân đất thịt, có hàm lượng mùn cao. Gừng không ưa đất cát và đất sét.

Đất trồng gừng tốt nhất là có độ pH từ 5.5 đến 7. ở trên những thân đất có độ pH từ 4 - 5.5 cũng trồng gừng được nhưng năng suất không cao lắm. Ở nước ta có hai loại

đất trồng gừng cho năng suất cao và chất lượng tốt đó là đất đỏ trên sản phẩm phong hoá từ đá vôi (nằm ở chân núi đá vôi) và đất nâu đỏ trên bazan và poocphia.

Gừng cũng ưa sáng nhưng vẫn có khả năng chịu bóng. Dưới những tán che của các vườn cây ăn quả và một số loại rừng trồng cây gừng có khả năng sinh trưởng bình thường. Ở dưới độ tán che 0,7 - 0,8 của rừng gỗ tự nhiên cây gừng cho năng suất không cao, chỉ bằng 1/2 năng suất trồng ở nơi có ánh sáng hoàn toàn (trên cùng một loại đất). Xuất phát từ nhu cầu khá lớn về biên độ ánh sáng, cây gừng có vị trí quan trọng trong phương thức nông lâm kết hợp, đặc biệt là trồng xen dưới tán rừng khi rừng trồng đã khép tán.

Nhu cầu về các chất khoáng dinh dưỡng của cây gừng tương đối cao. Cây gừng có nhu cầu lớn nhất là đạm sau đó đến kali cuối cùng là lân. Trên những thân đất xấu, đã trồng nhiều năm, cần phải bón thêm phân cho cây gừng.

*** Hỏi:**

Xin chuyên gia cho chúng tôi biết rõ hơn về cách chọn giống gừng, cách chọn đất và kỹ thuật trồng gừng? Cần phải lưu ý điều gì khi trồng xen gừng dưới tán rừng?

Đáp:

Giống gừng được trồng phổ biến hiện nay vẫn là bằng củ. Công việc chuẩn bị giống phải được thực hiện

ngay sau khi thu hoạch củ. Khi thu hoạch củ xong, có thể lấy giống đem trồng ngay hoặc bảo quản trong một thời gian ngắn rồi đem trồng. Cắt một đoạn củ dài khoảng 2.5 - 5cm để làm giống. Trên mỗi đoạn củ làm giống phải có ít nhất một chồi ngủ (mắt mầm). Số lượng chồi ngủ không nhiều, vì thế tùy theo mật độ trồng gừng xen dưới tán rừng mà mỗi hecta trồng cần một lượng giống gừng khá lớn.

Sau khi chuẩn bị giống nếu không trồng ngay thì phải bảo quản cẩn thận. Cách bảo quản gừng giống tương tự như cách bảo quản khoai tây. Để củ gừng ở những nơi khô, thoáng mát hoặc xếp thành từng lớp trên sàn nhà, trong thùng... Trên mỗi lớp phủ một lớp đất mịn, khô, dày 1 - 2cm, trên cùng phủ kín một lớp đất mịn. Thực ra, cách bảo quản này không được lâu. Vì vậy, nên trồng càng sớm càng tốt để đảm bảo khả năng nảy mầm. Để phòng trừ nấm trước khi trồng có thể phun dung dịch Vôfátốc 0,7‰ lên củ giống.

* Chọn đất trồng gừng.

Thông thường ở miền Bắc người ta thường đi chọn đất trồng gừng vào tháng 12, ở miền Nam vào tháng 3, tháng 4. Cách chọn đất rất đơn giản: dùng dao nhọn chọc xuống đất, nếu mũi dao đâm sâu vào lớp đất mặt là đất có đủ độ tơi xốp cần thiết. Khi rút dao lên nếu thấy lớp đất bám vào má dao có màu nâu sẫm hoặc màu đen là đất tốt bởi đó chính là biểu hiện của đất có độ ẩm, hàm lượng sét và mùn cao, thích hợp để trồng gừng.

Kỹ thuật trồng quyết định rất nhiều đến năng suất. Tùy trên mỗi thân đất có những kỹ thuật trồng gừng khác

nhau. Tuy nhiên, hiện nay nhân dân ở nhiều nơi vẫn trồng theo cách phổ biến như sau:

Trồng gừng theo băng, chạy theo đường đồng mức, mỗi băng có hai rạch trồng gừng. Độ sâu của rạch khoảng 15cm, khoảng cách giữa hai rạch khoảng 20cm. Trong mỗi rạch, gừng được trồng cách nhau 20cm. Sắp xếp gừng trong hai rạch theo hình nanh sấu là tốt nhất.

Đặt củ gừng giống vào rãnh ở độ sâu khoảng 7cm. Chú ý đặt cho mắt mầm nằm ở trên, sau đó lấy đất mịn phủ kín củ gừng, ấn chặt tay để đất được tiếp xúc với củ gừng, sau đó tiếp tục phủ một lớp đất mịn mỏng cho bằng mặt đất.

Bình thường để khoảng cách giữa các băng là 40 x 40cm, ở những nơi đất tốt, lại có điều kiện bón phân thì có thể trồng với mật độ thưa hơn, băng cách băng 50cm, cây cách cây 30cm.

Không trồng gừng sát gốc cây rừng, nên chừa lại 1 m xung quanh gốc. Tổng diện tích chừa lại khoảng 1800 - 2500 m²/ha rừng (chiếm 18 - 25%). Hiện nay, mật độ trồng gừng dưới tán rừng đang được áp dụng phổ biến là khoảng 1800 - 2500 cây/ha.

Nếu trồng gừng thâm canh dưới tán rừng thì cần phải bón thêm phân chuồng và phân khoáng (đạm, lân, kali). Tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của mỗi hộ gia đình mà bón phân với lượng thích hợp. Nhu cầu cần bón cho mỗi hecta trồng gừng dưới tán rừng là:

- + Phân chuồng (để bón lót): 5 tấn.
- + Phân khoáng: đạm Urê: 109 - 130kg.

+ Phân Clorua Kali: 200 - 240kg.

+ Phân Supe lân: 176 - 235kg.

Chia lượng phân khoáng này làm hai phần. Dùng một phần để bón lót cùng với phân chuồng, phần kia bón thúc cho cây khi cây bắt đầu hình thành củ (vào tháng thứ 5 sau khi trồng).

* Hỏi:

Tôi được biết thảo quả là loại cây có giá trị kinh tế cao, ngoài ra nó còn là một loại cây dược liệu. Xin chuyên gia cho biết rõ hơn về điều này, ở nước ta thảo quả được phân bố ra sao? Xin được giải thích một số đặc điểm của cây?

Đáp:

Một trong những cây góp phần nâng cao thu nhập quốc dân đó là cây thảo quả. Ở nước ta hàng năm sản xuất được 30 tấn thảo quả. Chỉ tính riêng ở Lào Cai, lượng thảo quả sản xuất trong một năm đã đạt tới 200 tấn (quả khô). Vài năm trước giá thảo quả trên thị trường trong nước chỉ khoảng 3.500 - 4.000 đồng/kg thảo quả khô. Thế nhưng đến năm 1999 thì ở trong thị trường trong nước giá thảo quả đã lên tới 25.000 - 30.000 đồng/kg khô. Sơ dĩ có sự tăng vọt về giá cả như vậy vì nhu cầu xuất khẩu ngày càng mạnh.

Thảo quả có giá trị kinh tế về nhiều mặt. Nó được dùng để làm gia vị ăn liền với thịt cá. Trong thảo quả có

hàm lượng tinh dầu từ 1 đến 1.5%, thảo quả có vị cay. Người ta cũng dùng thảo quả trong sản xuất bánh kẹo. Không những thế thảo quả còn là một loại dược liệu đặc trị nhiều bệnh. Thảo quả có thể chữa được các bệnh: đau bụng, đầy chướng, đau ngực, ỉa chảy, lách to, sốt rét, ho, hôi mồm, đau răng, viêm lợi...

Thảo quả đã được đưa vào mô hình sản xuất dưới tán rừng, năng suất đạt từ 2000 - 2500kg quả tươi/ha.

cũng giống như sa nhân, thảo quả là một loại cây dược liệu thuộc thân thảo, ưa bóng, mọc tự nhiên dưới tán rừng. Tuy vậy, cây thảo quả chỉ phân bố ở những vùng núi cao trung bình và núi cao ở miền Bắc, có độ cao trên mặt biển 1000 - 2000 m. ở nước ta, thảo quả có mặt nhiều ở Sa Pa, Bát Sắt (Lào Cai), Mù Căng Chải (Yên Bái), Hoàng Xu Phi (Hà Giang) và một số vùng thuộc tỉnh Lai Châu.

Các đặc điểm hình thái của cây thảo quả:

- Thảo quả là một loài cây thân thẳng, sống lâu năm, thuộc họ gừng, có chiều cao 2 - 3m. Thân rễ thảo quả mọc ngang, có nhiều đốt, đường kính to tới 2,5 - 4cm.

- Lá thảo quả mọc so le. Có những lá có cuống, có lá không có cuống. Bẹ lá có khía dọc, phiến lá dài 70cm, rộng 20cm. Lá thảo quả tương đối nhẵn, mặt trên có màu lục sẫm, mặt dưới có màu nhạt hơn.

- Hoa thảo quả mọc thành cụm dạng bông. Hoa mọc từ gốc, có màu đỏ nhạt, chiều dài khoảng từ 13 đến 20cm.

- Quả thảo quả có dạng hình trứng, màu đỏ sẫm, đường kính 2 - 3cm. Mỗi quả thảo quả chia thành 3 ô, mỗi

ô có khoảng 7 hạt. Hạt thảo quả có áo, có mùi thơm, hình tháp dẹt. Tháng 5 - 7 là mùa thảo quả ra hoa. Thảo quả kết trái vào tháng 8, tháng 12.

* Hỏi:

Tôi được biết thảo quả là cây rất dễ sống, người ta có thể trồng cây bằng thân ngầm. Ngoài cách đó ra còn có phương pháp trồng nào khác không?

Đáp:

Có thể trồng thảo quả bằng cây con, gieo ươm từ hạt hoặc trồng bằng thân ngầm đều được. Tùy vào điều kiện cụ thể về nguồn giống, điều kiện khí hậu, đất đai... mà chọn loại giống cho phù hợp. Đối với mỗi loại giống cách chọn giống tốt cụ thể như sau:

+ Giống trồng bằng thân ngầm: lấy giống từ những cây có độ tuổi 1 đến 2 năm. Lúc này cây đã trưởng thành, trong các bụi cây đã ra hoa. Dùng cuốc, thuổng đào lấy thân ngầm dài từ 7 đến 10cm. Chọn những thân mầm có đường kính từ 2.7 đến 5cm, có khoảng 2 đến 3 mắt (chồi ngủ) còn tươi. Chặt bớt phần thân kí sinh chỉ để lại một đoạn dài khoảng 35 đến 45cm.

+ Giống trồng bằng cây con, gieo ươm từ hạt: thu hái quả, chọn hạt từ các cây mẹ sai quả, quả to. Thông thường từ cuối tháng 11 đến đầu tháng 12 thì quả thảo quả đã chín rục, lúc này thu hoạch quả phơi là tốt nhất. Sau khi

thu hoạch quả tách quả ra lấy hạt, rửa sạch lớp thịt của hạt, hong hạt khô rồi cho vào cát ẩm để bảo quản hạt. Đến tháng 3, tháng 4 thì đem hạt đi gieo. Trước khi gieo cần xử lý hạt bằng nước ấm 45°C (pha với tỉ lệ 3 sôi 2 lạnh). Ngâm hạt trong nước ấm khoảng 8 tiếng đồng hồ, sau đó vớt hạt ra rửa sạch cho vào cát ẩm ủ đến bao giờ hạt nứt nanh thì đem cấy trên luống ở vườn ươm.

Thiết kế luống có bề rộng 1m, dài tùy theo địa hình, rãnh luống rộng 35cm. Trên mặt luống trộn lẫn đất với phân hữu cơ đã hoại. Cấy cây theo mật độ 10 x 20cm.

Sau khi đặt hạt nứt nanh lên luống phải làm giàn che với độ tán che 0,7 - 0,9. Phải tưới nước đủ ẩm cho cây hàng ngày, làm cỏ phá váng trên mặt luống thường xuyên.

Tiêu chuẩn cây con xuất vườn: cây cao khoảng 60 đến 80cm, không bị sâu bệnh, đủ 12 - 18 tháng tuổi.

* Hỏi:

Xin chuyên gia cho biết thêm một vài mô hình trồng xen thảo quả dưới tán rừng và kỹ thuật trồng đối với từng mô hình cụ thể?

Đáp:

Hiện nay, có 3 loại mô hình trồng thảo quả dưới tán rừng đang được áp dụng phổ biến, đó là:

+ Rừng dẻ + thảo quả.

+ Rừng sỏi - thảo quả.

+ Rừng pơmu + thảo quả.

* Kỹ thuật trồng:

- Làm đất:

Chọn những nơi đất rừng tốt, giàu mùn, đậm, gần các khe suối, chân núi, đất luôn đủ ẩm với độ tán che từ 0,4 đến 0,7 để trồng thảo quả là tốt nhất. Khi đã chọn được đất trồng, tiến hành làm đất như sau:

+ Phát luống thực vật dưới tán rừng trước một tháng. Toàn bộ thực bì, thảm tươi, dây leo, bụi rậm dưới tán rừng phải được phát hết.

+ Băm nhỏ tất cả lá và thân cây, rải đều trên mặt đất để nhanh phân hủy thành mùn.

- Tạo hố:

Công việc này tiến hành trước khi trồng một tháng. Đào hố với kích thước 40 x 40cm. Rãi xung quanh miệng hố rộng 80cm để lấy lớp đất mùn trên mặt lấp xuống hố cho đầy miệng hố.

- Mật độ trồng:

Tùy theo từng loại đất mà bố trí với những mật độ khác nhau cho phù hợp. Có thể bố trí theo 3 mức như sau:

+ 1,7 x 2m (2900 cây/ha).

+ 2 x 2,5m (2000 cây/ha).

+ 2 x 3m (1650 cây/ha).

- Thời vụ trồng:

+ Nếu trồng bằng thân ngầm thì trồng vào tháng 4 (lúc này cây mẹ chưa ra hoa, hàm lượng nước trong thân ít).

+ Nếu trồng bằng cây con rễ trần thì trồng vào mùa từ tháng 4 đến tháng 9. Chú ý chỉ trồng vào những ngày mưa, trời râm mát, độ ẩm đất và độ ẩm không khí cao.

- Kỹ thuật trồng:

+ Trồng bằng thân ngầm: đặt cây cùng thân ngầm giữa hố với độ nghiêng một góc 75°. Sau đó lấy đất lấp đầy hố rồi dùng chân dậm chặt xung quanh hố. Tiếp tục lấp đất cao hơn miệng hố khoảng 5cm để cây không bị úng nước, thân ngầm không bị thối.

+ Trồng bằng cây con rễ trần: đặt cây con vào giữa hố, lấp đất đầy hố, lấy chân dậm chặt xung quanh gốc rồi lại tiếp tục lấp đất như trên. Trồng cách các gốc cây gỗ trong rừng khoảng 0.7m.

Sau khi trồng được vài tháng nếu có nhiều cỏ phải phát quang, làm cỏ. Trong lúc làm cỏ phát quang nên kết hợp xới gốc cho cây. Mỗi năm chăm sóc 3 lần vào các thời điểm tháng 4, tháng 7 và đầu tháng 10. Sau mỗi lần thu hoạch nên bón thêm phân đạm, lân, kali và tro bếp cho cây thảo quả.

* Hỏi:

Tôi được biết củ mài là loại cây có giá trị kinh tế cao nhưng không biết có thể trồng được dưới tán rừng hay không? Củ mài có những đặc điểm hình thái gì?

Đáp:

Mấy năm gần đây củ mài đã được đưa vào mô hình trồng xen dưới tán rừng. Thực tế cho thấy hiệu quả kinh tế từ loại cây trồng này rất đáng kể.

Người ta thường gọi phần rễ củ của cây củ mài là hoài sơn, nó có vị ngọt. Trong rễ củ của cây củ mài chứa 22,5% tinh bột, 6,75% chất đạm và 0,45% chất béo. Củ mài đã được nhân dân nhiều vùng sử dụng làm lương thực trong những ngày giáp hạt. Người ta đào củ mài về cạo sạch vỏ, luộc hoặc nấu canh ăn để chống đói. Trong y học, củ mài có vai trò rất lớn, được sử dụng để làm thuốc bổ ngũ tạng chữa bệnh cơ thể suy nhược, bệnh đường ruột, ỉa chảy, suy thận, mỗi lưng, chóng mặt, hoa mắt, ra mồ hôi trộm..

Về hình thái, cây củ mài có các đặc điểm sau:

+ Cây củ mài là một loài dây leo, thân nhẵn không có gai, hơi có góc cạnh, màu đỏ hồng. Thân thường mang các củ nhỏ ở nách gọi là dái mài.

+ Rễ củ mọc đơn độc hoặc mọc thành từng đôi, ăn sâu vào đất đến hàng mét, hơi phình ở phía gốc, vỏ ngoài có màu xám, thịt mềm màu trắng.

+ Đặc điểm của lá củ mài là có hình tim, đôi khi hình mũi tên, chóp lá nhọn. Lá dài khoảng 10cm, rộng 8cm, nhẵn, trên lá có 5 - 7 gân gốc. Lá mọc theo kiểu so le hoặc mọc đối.

+ Hoa củ mài thuộc loại cụm hoa đơn tính gồm các bông khức khuỷu dài 40cm. Mỗi cụm hoa mang từ 20 đến 40 hoa nhỏ. Hoa có màu vàng, có 6 nhị trong 1 hoa đực.

+ Quả củ mài là quả nang, có 3 cánh rộng khoảng 2cm. Hạt củ mài có cánh mào.

Cây củ mài mọc phổ biến ở trong rừng tự nhiên, rừng thứ sinh ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung, độ cao không quá 800 m trên mặt biển.

*** Hỏi:**

Xin chuyên gia cho biết một số mô hình trồng xen củ mài dưới tán? Những nhu cầu sinh thái cơ bản của củ mài?

Đáp:

Hiện nay, cây củ mài vẫn được thu hoạch chủ yếu dựa vào các cây mọc tự nhiên trong rừng tự nhiên thứ sinh. Chỉ rất ít hộ gia đình ở đồng bằng trồng củ mài xung quanh vườn. Có 2 mô hình trồng cây củ mài đang phổ biến hiện nay:

- + Rừng tự nhiên, thứ sinh + củ mài mọc tự nhiên.
- + Vườn hộ gia đình + củ mài trồng.

Sở dĩ có thể trồng cây củ mài dưới tán cây vì cần cứ vào những đặc điểm sinh thái, sinh lý của chúng.

- Nhu cầu nhiệt độ, độ ẩm:

Cây củ mài thích hợp nhất ở nhiệt độ trung bình 21,5 - 25°C, mùa đông ngắn và không rét đậm, không có sương muối.

Lượng mưa trung bình năm khoảng 1500 - 2500 mm.

Độ ẩm không khí 82 - 85% (thuộc dạng độ ẩm hoặc ẩm ướt).

- Nhu cầu ánh sáng:

ở giai đoạn nhỏ, cây củ mài có khả năng chịu bóng, do đó, nó có thể tái sinh tự nhiên dưới tán rừng tự nhiên thứ sinh có độ tán che 0,3 - 0,5. Nhu cầu ánh sáng của cây thứ sinh ngày càng tăng dần đến mức tương đối cao, vì thế, cây củ mài thường leo lên tầng trên của tán rừng để hấp thụ ánh sáng cho đầy đủ hơn.

- Nhu cầu về chất đất:

Cây củ mài kén những loại đất rừng còn tương đối tốt, giàu hàm lượng mùn và đạm, giàu kali dễ tiêu, có thành phần cơ giới thịt - thịt nặng, tầng đất dày, không hoặc rất ít có lẫn đá. Đất phải gần như đủ ẩm quanh năm, xốp, thấm nước nhanh, khả năng giữ nước cao, thoát nước tốt, không bị úng nước.

- Nhu cầu về dinh dưỡng khoáng và nước:

Cây củ mài là loài cây ưa ẩm, không chịu được úng nước và khả năng chịu hạn kém. Nhu cầu của cây củ mài về các chất khoáng dinh dưỡng, đạm, lân, kali tương đối cao.

* Hỏi:

Xin chuyên gia cho biết một số kinh nghiệm để thu được hiệu quả cao khi sản xuất củ mài?

Đáp:

Để đạt hiệu quả cao trong sản xuất củ mài cần chú trọng vấn đề kỹ thuật trồng.

+ Trước hết phải chọn thời vụ trồng, chọn đất trồng. Tốt nhất là trồng củ mài vào mùa xuân trên thân đất còn tương đối tốt, có hàm lượng mùn, đạm và kali khá trở lên; đất thịt xốp, thấm nước, không bị úng nước, không có đá hoặc lẫn ít đá, độ dày của tầng đất trên 50cm, quanh năm đủ ẩm.

+ Giống trồng: dải mài hoặc rễ đều có thể làm giống trồng.

+ Mật độ trồng: 2 x 2 m bằng 2000 cây/ha.

+ Kích thước hố trồng: 40 x 40cm.

+ Tạo hố: trước khi trồng 1 tháng phải đào hoàn chỉnh, vun đất mùn tầng mặt vào hố gần đầy miệng hố + phân chuồng hoại.

+ Kỹ thuật trồng: Đào một lỗ giữa hố trồng, đặt gốc rễ vào lấp kín gốc rễ và dấn chặt xung quanh gốc. Phủ một lớp đất mịn lên mặt hố sau đó phủ một lớp thảm mục lên miệng hố.

Chú ý: Trồng và lấp đất cao hơn miệng hố 5cm, phần gốc rễ phải lộ trên mặt đất để cho cây không bị úng nước trong mùa mưa.

Nếu trồng bằng dái mài thì mỗi hố cần hai cú. Bới đất, đặt củ vào gần giữa hố, lấp đất, ấn chặt rồi phủ một lớp đất dày 1cm. Lấp đất trồng phải cao hơn mặt hố. Cuối cùng cần phủ một lớp thảm mục hoặc rơm rạ để giữ ẩm cho đất.

Sau khi trồng vài tháng phải làm cỏ, xới gốc cho cây củ mài. Hàng năm chăm sóc 3 đợt vào tháng 4, tháng 7 và tháng 10. Cắm các cành cay khô cho cây củ mài non leo lên. Vắt dây củ mài vào thân các cây gỗ hoặc cây ăn quả thân gỗ kể bên, để dây cao lên tầng trên của tán rừng hoặc vườn quả.

* Hỏi:

Tôi nghe nói sa nhân là loại cây có giá trị kinh tế cao. Điều này có đúng không?

Đáp:

Từ lâu, nhân dân ở nhiều nơi đã nhận thấy lợi ích kinh tế của việc sản xuất sa nhân. Do đó, họ đã đầu tư khá lớn cho lĩnh vực này. Nguồn thu nhập từ sa nhân của nhiều gia đình quả thực là những con số đáng kể. Thông tin như bạn nghe được hoàn toàn là thực tế. Từ những năm 80 của thế kỷ XX Viện Khoa học Lâm nghiệp đã thực nghiệm trồng sa nhân dưới tán rừng mở (rừng mở đã 20 tuổi) có độ tán che 0,6 với mật độ 10000 cây/ha, sau 2 năm thu hoạch được 25 - 50kg quả khô trên 1 hecta, lượng quả này có giá trị 2 - 4 triệu đồng. Vụ thu hoạch năm 1983 - 1984

nhân dân ở 3 thôn Thượng Cửu, Đồng Cửu, Hạ Cửu thuộc huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ đã bán cho Nhà nước gần 3 tấn quả sa nhân với giá trị trên 250 triệu đồng.

Từ trước đến nay sa nhân luôn giành được ưu ái của đông đảo bà con nông dân cũng như nhiều nhà y học. Sa nhân là một loại dược liệu quý, chuyên trị các bệnh đường ruột, tiêu hoá kém. Trong công nghệ sản xuất gia vị hương liệu, sa nhân cũng có vai trò rất lớn. Sa nhân đã được sử dụng nhiều ở trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

Môi trường sinh trưởng và phát triển của sa nhân thường là ở dưới các khu rừng tự nhiên. Trồng sa nhân dưới tán rừng thu được năng suất khá cao. ở Mai Châu (Hòa Bình) có hộ gia đình đã đầu tư cho lĩnh vực sản xuất này và thu được hiệu quả rất lớn. Mỗi hecta thường cho từ 100 đến 200kg quả sa nhân, trị giá 7 - 14 triệu đồng. ở Trung Quốc, trồng sa nhân cho năng suất rất lớn, mỗi hecta đạt tới 400kg quả khô.

*** Hỏi:**

Tôi được biết, ở nước ta có rất nhiều loài sa nhân nhưng không biết cụ thể là loại nào. Xin chuyên gia nói rõ về các loài sa nhân và đặc điểm của chúng?

Đáp:

Danh mục các loại sa nhân là một con số không phải nhỏ, có tới 16 loài ở nước ta. Tuy nhiên, hiện nay chỉ có 3

loại đang được trồng phổ biến. Đó là sa nhân xanh, sa nhân tím và sa nhân đỏ.

+ Sa nhân xanh có đặc điểm là hoa màu trắng, đốm tím. Quả của loại sa nhân này hình trứng, màu xanh lục, có gai đầu. Hạt sa nhân có u lồi.

+ Sa nhân đỏ cũng có hoa màu trắng, nhưng trên hoa có 2 vạch vàng. Quả sa nhân đỏ hình cầu, màu đỏ hoặc xanh lục. Quả thường chín vào mùa tháng 7, tháng 8. Hạt sa nhân đỏ có u nhỏ.

+ Sa nhân tím có màu hoa trắng, trên hoa có mép vàng, vạch đỏ tím. Quả sa nhân đỏ hình cầu, màu tím mốc. Thường thu hoạch sa nhân tím vào 2 vụ: hè và đông. Hạt có 3 mảnh tù có gân đều.

Cả 3 loại sa nhân đều cho năng suất và chất lượng tương đối cao. Tuy phân ra 3 loại như vậy nhưng sa nhân có nhiều điểm chung về hình thái.

Cây sa nhân thuộc họ gừng, là một loại cây thân thảo sống lâu năm, mọc thành khóm. Chiều cao của cây trung bình từ 1.5 đến 2m. Lá cây sa nhân có màu xanh đậm, dài 25 đến 35cm, rộng khoảng 10 đến 15cm. Mặt lá khá nhẵn. Thân sa nhân là loại thân ngầm, rễ mọc tập trung ở tầng đất mặt 0 - 15cm, phát triển theo chiều nằm ngang, không ăn sâu. Mỗi bụi sa nhân hàng năm sinh ra khoảng 3 - 5 "tia thân ngầm" nằm sâu từ 1 - 2cm dưới mặt đất. Các tia này xuyên sâu vào đất sau đó lại trồi lên mặt đất tạo thành một cây sa nhân mới. Vào vụ xuân, tại các điểm sát gốc cây mẹ, sát mặt đất, các chồi hoa sẽ được

hình thành trên các thân mầm này. Chính vì vậy mà người ta có cảm giác chùm hoa và quả sa nhân đâm ra từ dưới đất. Sa nhân dưới tán rừng có độ tán che tương đối, có thể che phủ đất rất tốt.

* Hỏi:

Xin chuyên gia cho biết rõ hơn về một số mô hình, phương thức trồng sa nhân dưới tán rừng?

Đáp:

Mấy năm gần đây cây sa nhân đang được đưa vào quy hoạch trong tán rừng tự nhiên, rừng luồng và vườn cây ăn quả. Có nhiều phương thức trồng xen sa nhân dưới tán. Có thể phân các phương thức đó thành 2 loại:

* Trồng sa nhân dưới tán rừng:

Ở nước ta, hiện nay sa nhân đang được trồng nhiều dưới tán rừng trên đất tốt với độ ẩm ướt cao, cụ thể là:

- Rừng mỡ + sa nhân.
- Rừng lát hoa + sa nhân.
- Rừng quế + sa nhân.
- Rừng vầu + sa nhân.
- Rừng trúc + sa nhân.
- Rừng gỗ tự nhiên nghèo kiệt + sa nhân.

* Trồng sa nhân dưới tán các vườn cây ăn quả.

Đa số các vườn quả có ít đặc điểm sinh thái phù hợp với đặc điểm sinh thái của sa nhân, vì thế mà cho đến nay ở nước ta việc trồng cây ăn quả với sa nhân vẫn đang còn hạn chế. Ở nước ta mới chỉ một số mô hình như sau:

- Vườn quả trám đen + sa nhân (mật độ trám đen: 10 x 5cm).
- Vườn quả trám trắng + sa nhân (mật độ trám trắng: 10 x 5cm).
- Vườn quả dẻ + sa nhân (mật độ cây dẻ: 7 x 7cm).

* Hỏi:

**Tôi muốn tìm hiểu rõ hơn về cách trồng cây sa nhân?
Có phải là người ta thường trồng sa nhân bằng thân ngầm và cây bằng bầu hay không?**

Đáp:

Cả hai loại giống sa nhân (thân ngầm và cây con có bầu, ươm từ hạt) đều có thể cho năng suất cao. Tuy nhiên, phương pháp sử dụng từng loại giống cần phải hợp lý. Vì thế, điều cần lưu ý là cách sử dụng hai loại giống này.

- Đối với loại giống là thân ngầm:
 - + Chọn những cây sa nhân bánh tẻ, có tuổi từ 1 đến 2 năm. Khi nhổ chú ý nhẹ nhàng để gốc sa nhân mang được cả 1 - 2 đoạn thân ngầm không bị khô héo. Sây sát thì phải chú ý giữ cho các bộ phận này đủ ẩm.

+ Thời vụ trồng: Trồng những cây sa nhân bằng thân ngầm vào mùa xuân là thích hợp nhất.

+ Tạo hố: Trước khi trồng một tháng thì tiến hành cuốc hố. Kích thước hố trồng là 50 x 30 x 10cm, cự ly giữa các hố khoảng 1.5 x 2.

+ Mật độ: mỗi ha nên trồng 3333 cây sa nhân.

+ Kỹ thuật: đặt thân ngầm nằm ngang theo hố, để phần thân khí sinh còn lại trên mặt đất, lấp đất kín thân ngầm, dậm chặt và chắc gốc.

- Đối với loại giống là cây con có bầu, ươm từ hạt.

+ Trước khi gieo hạt phải xử lý hạt. Chọn các quả sa nhân già hạt, túi đều và to để vào chậu, xát tay nhẹ để tách hạt. Cho hạt vào túi vải và khử trùng bằng cách ngâm túi vào dung dịch thuốc tím nồng độ 5%, ngâm trong vòng 10 - 15 phút, sau đó vớt ra rửa sạch hạt rồi lại tiếp tục ngâm vào nước ấm ở nhiệt độ 25 - 30°C. Ngâm lần hai này trong 5 - 6 giờ, vớt hạt ra để ráo nước, sau đó đem gieo.

+ Ươm cây con: đem hạt sau khi được xử lý rắc đều lên mặt luống gieo, phủ kín một lớp đất mịn mỏng, rồi tưới nước đều đặn. 15 ngày sau thì cây con bắt đầu mọc. Khi cây con được 25 ngày tuổi thì mang cấy vào bầu (có kích thước 10 x 14cm).

Xếp bầu thành luống dưới tán cây hoặc dàn che có độ che 0,5 - 0,6. Cần thường xuyên chăm sóc, làm cỏ tưới nước, phòng trừ sâu bệnh hại cây ươm...

+ Tiêu chuẩn cây con xuất vườn:

Chỉ xuất vườn khi cây con đạt các tiêu chuẩn sau đây:

* Tuổi cây: 3 - 4 tháng.

* Cây cao: 15 - 20cm.

* Số lá trên cây: 5 - 6 lá.

+ Kỹ thuật trồng cây con có bầu:

* Thời điểm tốt nhất để trồng là vào mùa xuân.

* Trước khi trồng cần phải chuẩn bị đất bằng cách phát gọn sạch thực bì dưới tán.

* Tạo hố trồng với kích thước: 20x20x15cm.

* Mật độ trồng: 3333 cây /ha (1,5 x 2 m) .

* Đào hố trồng trước một tháng. Khi trồng phải bón đất rồi đặt bầu vào giữa hố. Sau đó lấp đất, dậm chặt quanh gốc.

*** Hỏi:**

Tôi được biết nếu được chăm sóc tốt thì sa nhân sẽ cho năng suất cao. Xin chuyên gia vui lòng hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc và thu hoạch sa nhân.

Đáp:

Công việc chăm sóc quyết định rất nhiều đến năng suất cây trồng nói chung, sa nhân nói riêng. Bà con nông dân từ xưa vẫn nói "công làm là công bỏ, công làm cỏ mới là công ăn". Làm cỏ chính là một khâu trong toàn bộ quá trình chăm sóc.

Đối với cây sa nhân, cần chăm sóc theo các công đoạn, khía cạnh sau:

- + Thường xuyên kiểm tra, nếu phát hiện thấy các cây xâm lấn, ảnh hưởng đến sự phát triển của sa nhân thì phải dọn sạch.

- + Điều chỉnh độ tán che cho sa nhân đảm bảo đạt mức: 0,5 - 0,6.

- + Phòng ngừa, ngăn chặn sự phá hoại quả của sa nhân do gia súc và thú rừng gây nên.

- + Các cây sa nhân già trên 8 tuổi nên loại bỏ để tạo điều kiện cho các chồi non phát triển.

- + Đối với những cây mọc xấu thì phải tăng cường việc bón phân.

* Phương pháp thu hoạch sa nhân:

- + Cây sa nhân bắt đầu cho quả khi cây đã được 2 - 3 năm tuổi. Từ đó, cây có thể cho thu hoạch liên tục trong khoảng thời gian 5 năm liền.

- + Việc thu hoạch quá sớm hay quá muộn đều ảnh hưởng đến chất lượng hạt. Bởi vậy, cần thu hoạch sa nhân đúng thời vụ. Thời điểm thu hoạch tốt nhất là vào tháng 7 - 8 dương lịch. Trong khi thu hái phải cẩn thận để bảo vệ cây mẹ cho vụ sau.

- + Sau khi quả sa nhân được thu về, sẽ phơi từ 4 - 5 ngày ở những nơi khô - thoáng.

- + Muốn cho quả nhanh khô, cần kết hợp cả phương pháp sấy củi vào ban đêm.

+ Khi thu hoạch sa nhân cần chú ý đến tỉ lệ: cứ 10kg quả tươi, phơi sấy được 1,5 - 1,8kg quả khô và bóc được 0,7 - 0,8kg hạt.

+ Trung bình năng suất của sa nhân có thể đạt: 100 - 150kg quả khô/ha.

*** Hỏi:**

Tôi được biết hiện nay đang có mô hình trồng cây mây nếp để xóa đói giảm nghèo. Xin được hỏi về giá trị kinh tế và địa bàn phân bố của loài cây này.

Đáp:

Hiện nay nhiều sản phẩm tiêu dùng làm từ cây mây nếp rất được nhân dân ưa dùng. Cây mây nếp đã góp phần nâng cao thu nhập của nhiều gia đình. Nó có giá trị kinh tế về nhiều mặt.

- Thân mây bóng đẹp, nhẹ, bền, dẻo, dễ uốn, dễ kết hợp với kim loại và các vật liệu khác như gỗ, da, nhựa. Mây nếp được dùng để làm lạt buộc đan rổ, rá, bàn, ghế. Đặc biệt, mây nếp được sử dụng làm nguyên liệu sản xuất các hàng mỹ nghệ xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới.

- Có thể ăn được quả mây khi quả mây đã chín.

- Gai cây mây nếp có tác dụng xây dựng các hàng rào bảo vệ quanh nhà và vườn cây ăn quả rất tốt.

- Từ năm thứ 7 tính từ khi trồng cây mây nếp có tới 30 nhánh thân khí sinh leo bám trên các thân gỗ. Thân khí

sinh mây nếp tăng trưởng khá nhanh. mỗi năm thân mây dài thêm được 3 - 4 m.

ở nước ta cây mây nếp có mặt ở khá nhiều nơi. Hầu hết các tỉnh có rừng nhiệt đới ẩm lá rộng đều là nơi phát triển tốt đối với cây mây nếp. Đặc biệt ở các tỉnh thuộc vùng trung tâm Đông Bắc - Bắc Bộ và vùng khu IV cũ có rất nhiều mây nếp. Cây mây nếp đã được nhân dân trồng làm hàng rào xung quanh vườn quả cũng như nhà ở từ lâu đời, cụ thể là ở các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Tây, Hoà Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh...

Từ năm 1976 trở đi nhiều tỉnh ở miền Nam cũng đã bắt đầu nhập giống mây nếp ở miền Bắc về trồng.

* Hỏi:

Tôi được nhiều người nói về giá trị kinh tế của cây mây nếp nhưng thú thực tôi chưa được nhìn thấy nó bao giờ. Xin chuyên gia mô tả giúp tôi một vài đặc điểm của giống cây kinh tế này.

Đáp:

Cây mây nếp từ lâu đã có mặt ở rất nhiều nơi trên đất nước ta. Tuy nhiên đối với không ít người đó vẫn còn là loài thực vật xa lạ. Có thể nhận dạng chúng qua các đặc điểm về hình thái:

- Cây mây nếp có thân ngầm, cứng như sừng, màu đen, nằm ở dưới đất. Thân khí sinh mọc thành

cụm gồm có nhiều thân mọc từ thân ngầm. Thân khí sinh leo bám trên các cây gỗ chứ không phân nhánh như một số cây khác. Sở dĩ chúng có khả năng leo bám vì trên thân có rất nhiều các tay mây nằm đối diện với nách lá. Chiều dài của thân khí sinh có thể tới 20 đến 30m, thậm chí hơn nữa. Xung quanh thân khí sinh có các bẹ lá màu xanh lá cây bao bọc. Mặt ngoài bẹ lá có gai. Đường kính của thân khí sinh khoảng 0.8 đến 1.2cm. Điều kiện đất trồng quy định đường kính của thân khí sinh. Thân được chia thành các đốt và lóng, lóng mây dài từ 15 đến 40cm.

- Tay mây nếp có dạng hình sợi mảnh, màu xanh lục. Chiều dài tay mây khoảng 1 m. Trên các tay mây có nhiều vuốt mang từ 2 đến 4 gai mập.

- Lá mây nếp thuộc loại lá đơn nhưng vì xẻ theo hình lông chim nên trông rất giống như lá kép. Lá của những cây mây trưởng thành có thể dài tới 1m, trên mỗi lá có từ 14 đến 20 thuỳ lá, mọc thành cụm 2 đến 4 cái. Chiều dài của thuỳ lá khoảng 30cm, rộng 2 - 3cm.

- Cây mây nếp thuộc loại thực vật đơn tính. Mây nếp có cây đực và cây cái riêng rẽ.

- Hoa mây nếp có dạng cụm như một bông mo. Trên cụm hoa mang rất nhiều chùm hoa, đó chính là các tay mây ở phía ngọn. Hoa mây nhỏ, màu vàng, có hương thơm.

- Quả mây có dạng hình cầu, nhỏ, đường kính 0.6cm. Vỏ quả có vảy xếp lớp, mỗi quả có một hạt. Trung bình mỗi cây có khoảng 5.000 quả.

- Tháng 5, tháng 6 là mùa mây ra hoa, sau gần 1 năm (tức là vào tháng 4, tháng 5 năm sau) thì quả chín. Cây bắt đầu ra hoa kết quả khi được 4 - 5 năm tuổi.

* Hỏi:

Tôi muốn hỏi tại sao người ta lại trồng xen cây mây nếp dưới tán rừng? Những đặc điểm sinh học nào của cây mây nếp cho phép thực hiện điều đó?

Đáp:

Gần đây có khá nhiều mô hình trồng xen mây nếp dưới các tán rừng, chẳng hạn như rừng gỗ xoan, bồ kết, keo + mây; Rừng cây ăn quả (mít, xoan ta) + mây. Sở dĩ cây mây có thể phát triển tốt dưới các tán rừng vì chúng có các đặc điểm sinh thái, sinh lý như sau:

- Mây nếp mọc được ở độ cao 100 đến 800 m trên mặt biển, phát triển tốt ở độ cao từ 200 đến 500m trên mặt biển. Cây mây nếp mọc tự nhiên và phát triển tốt ở các loại rừng lá rộng thường xanh, thứ sinh, đã qua khai thác, có độ tán che 0,3 - 0,4. ở giai đoạn còn non cây mây nếp rất cần có độ tán che. Nhưng đến giai đoạn được 4 - 5 tuổi thì cây cần ánh sáng nhiều hơn. Lúc đó phải mở tán che kịp thời cho cây sinh trưởng mạnh.

- Mây nếp đẻ nhánh rất mạnh, chúng có khả năng đẻ nhánh tăng nhanh. Khả năng đẻ nhánh về mùa mưa tốt hơn mùa khô.

* Nhu cầu về độ ẩm:

Mây nếp là loại cây ưa ẩm, chúng chỉ có thể sinh trưởng và phát triển tốt ở những nơi có lượng mưa trung bình tối thiểu là 800mm/năm. ở những khu rừng rậm lá thường không có mây nếp phân bố tự nhiên. Cây mây nếp không chịu được úng nước.

* Nhu cầu về nhiệt độ:

ở nhiệt độ trung bình năm tối thiểu là 20oC cây mây mới có khả năng sinh trưởng và phát triển. ở những nơi có mùa đông dài và rét đậm, trong năm lại thường xuất hiện sương muối vào mùa đông thì không có mây nếp sinh sống.

* Nhu cầu về đất:

Cây mây nếp cần đất trồng giàu mùn, tơi xốp, hàm lượng sét trung bình (đất thịt) và thoát nước tốt.

- Khả năng tái sinh tự nhiên bằng hạt của cây mây nếp khá tốt. Vì vậy có thể dùng hạt để gieo giống.

* Hỏi:

Gia đình chúng tôi đang bắt tay thực hiện mô hình trồng xen cây mây nếp. Trước hết, xin chuyên gia hướng dẫn cho chúng tôi kỹ thuật gieo hạt và gây dựng cây con?

Đáp:

Để có vườn cây con đảm bảo chất lượng, ngay từ khâu thu hái quả phải hết sức lưu ý. Vào tháng 4 và tháng

6 quả mây chín, chuyển từ màu xanh sang màu trắng vàng. Ăn thử thì thấy quả có vị chua, hạt có màu đen. Đó là lúc có thể thu hái quả. Chỉ chọn những quả mây trên các cây mây có ít nhất là 7 tuổi, không sâu bệnh. Khi thu hoạch quả về phải ủ vài hôm cho quả chín đều.

* Cách tách hạt:

Ngâm quả mây đã chín vào nước lạnh trong vòng 24 giờ sau đó đãi sạch, bỏ vỏ và cùi. Hạt thu được cần phải hong khô trong nhà và cất giữ ở nơi khô ráo, thoáng mát.

* Phương pháp gieo hạt:

- Chọn đất:

Đất cát pha, bằng phẳng, đủ ẩm, thoát nước tốt dùng để gieo hạt mây là phù hợp nhất. Đánh luống rộng khoảng 0.8 - 1m. Bón lót phân chuồng cho đất gieo hạt, mỗi mét vuông bề mặt luống bón khoảng 3 - 4kg. Nên rắc một ít thuốc sâu trên mặt luống để phòng kiến hại hạt giống.

- Xử lý hạt:

Trước khi gieo phải xử lý hạt bằng nước ấm và rửa chua. Ngâm hạt mây 12 giờ liên tục trong nước ấm 40 - 45oC (2 sôi, 3 lạnh). Sau 15 - 20 ngày hạt bắt đầu nứt nanh và sau 30 - 45 ngày xuất hiện lá mầm hình kim đầu tiên.

- Gieo hạt:

Thời điểm tốt nhất để gieo là vào đầu tháng 5. Vãi đều những hạt đã xử lý lên luống, mỗi mét vuông vãi khoảng 2kg hạt. Sau khi vãi xong rải một lớp đất mịn lên

trên (lớp đất này dày khoảng 1cm). Cuối cùng phủ một lớp rạ cho kín mặt luống.

- Làm giàn che cho cây con:

Phải làm giàn cho dày, có thể che tới 100%, chiều cao giàn che trên mặt luống khoảng 30 - 50cm.

Chú ý: Để đảm bảo đất đủ ẩm, hạt giống chóng nảy mầm, mỗi ngày cần tưới nước 2 lần. Dùng vòi phun hoặc ó doa để tưới.

* Tạo cây con:

Tiến hành cấy cây khi cây con có từ 1 đến 2 lá mầm. Có thể cấy cây trên luống hoặc cấy vào bầu nhựa PE rộng 6 - 10cm, dài 12 - 15cm.

Thành phần ruột bầu là hỗn hợp gồm có đất thịt pha cát 89%, phân chuồng hoai 10%, phân Supe lân 10%.

Nếu cấy cây trên luống thì luống được cấy phải là đất thịt pha cát bón thêm 10% phân chuồng hoai và 1% phân Supe lân. Khi cây con có 2 lá mầm đã xoè hết mới đem đi cấy, nên phân bố khoảng cách giữa các cây mầm trên luống khoảng từ 5 đến 10cm. Mỗi gốc cấy 1 đến 2 cây.

- Làm giàn che cho cây con: Cây con khi mới cấy chưa có nhu cầu ánh sáng nhiều, dễ bị héo khi nắng to, vì thế phải làm giàn che 50 - 70%. Giàn che để cao 0.5m trên mặt luống.

Mỗi ngày tưới nước 2 lần. Có thể tưới thêm nước tiểu loãng khi thuy lá mầm đã xoè hết.

* Hỏi:

Tôi được biết mây nếp là loại cây khó trồng. Làm cách nào để có thể nâng cao năng suất của cây?

Đáp:

Năng suất cây mây cũng như tất cả các loại cây khác phụ thuộc rất nhiều vào kỹ thuật trồng.

Trước hết phải chọn đất trồng. Nên trồng cây mây nếp trên những thân đất còn tương đối tốt, giàu mùn, thịt pha cát, tơi xốp, thoát nước tốt.

- Tạo hố trồng: Hố trồng có kích thước 15 x 15 x 15cm là phù hợp nhất.

- Thời vụ trồng: Trồng mây nếp vào mùa xuân khi hậu bắt đầu ấm áp và có mưa phùn.

- Trồng mây xung quanh các cây gỗ để mây có thể leo được. Nếu không có cây gỗ, mây sẽ bò trên mặt đất và phát triển rất chậm, sợi mây dòn, chất lượng kém.

Xé bỏ bầu hoặc đánh bầu chú ý không được làm vỡ bầu đất, sau đó đặt xuống lỗ (lỗ nông vừa phải), lấp đất vào xung quanh, lấy tay ấn chặt đất xung quanh hố sau đó lấp đất đầy hố. Để tránh không bị lá cây rụng phủ kín, cây con không bị úng, khi trồng cần phải lấp đất đầy hố, không để hố trống. Chỉ lấp đất ngang cổ rễ để cho cây mây dễ nhánh mạnh. Trong 4 năm đầu luôn để tán che cho mây (tán che là các cây gỗ), độ tán che 0,3 - 0,5.

* Hỏi:

Tại sao nói xu hướng phát triển của kinh tế nông hộ trong sản xuất hàng hoá là kinh tế trang trại và tại sao người ta lại nói xu hướng này mang tính tất yếu của sự phát triển trang trại kinh tế thị trường ở Việt Nam?

Đáp:

Ngay sau Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (tháng 4/1988) và Nghị quyết hội nghị TW 6 (khoá VI) của Ban chấp hành TW Đảng (tháng 3/1989) chủ trương "gia đình xã viên trở thành những đơn vị kinh tế tự chủ" được phổ biến tới toàn dân. Từ đây, hộ nông dân (nông hộ) trong cả nước đã tích cực huy động mọi khả năng sẵn có về lao động, vật tư, tiền vốn để đầu tư sản xuất trên 90% diện tích đất canh tác. Kết quả đã sản xuất ra được 98% tổng sản lượng thóc, 99% sản lượng rau, 95% sản lượng chăn nuôi gia súc, gia cầm. Nhờ đó sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn nhìn chung đã đạt được những kết quả cao hơn hẳn những thời kỳ trước đó.

Tuy vậy, đến năm 1989, tổng suất nông sản hàng hoá của nông dân vẫn còn rất thấp. Mới đạt chỉ tiêu 19,09% - điển hình là các tỉnh như Hoàng Liên Sơn chỉ có 4,74%, Hà Nam Ninh 7,21%, Bình Định 10,42%, Đắk Lắk 9,8%. Chỉ riêng Hậu Giang là đạt được 43,2%, ngoại thành Hà Nội cũng có tỷ lệ khá cao nhưng cũng mới đạt được gần 40%.

Nguyên nhân của tình trạng này là do quy mô và những điều kiện phát triển sản xuất hàng hoá của kinh tế nông hộ (kinh tế tiểu nông) như: ruộng đất, vốn, kỹ thuật, thị trường... bị hạn hẹp, dẫn đến năng suất lao động thấp. Sản phẩm làm ra cần bán mới đủ độ tự cấp tự túc, phần còn lại là sản phẩm hàng hoá ít ỏi. Đây chính là những hạn chế của kinh tế nông hộ và cũng là tính tất yếu của nền kinh tế tiểu nông.

Rũ bỏ những giới hạn về sản xuất nông sản hàng hoá của kinh tế nông hộ thì không còn con đường nào khác là những nông hộ giàu từng bước phát triển thành những trang trại sản xuất hàng hoá, có quy mô kinh doanh hợp lý. Nhưng thế nào là trang trại và kinh tế trang trại?

- Trang trại là cơ sở, là doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp của một hoặc một nhóm nhà kinh doanh.

- Kinh tế trang trại là hình thức tổ chức kinh tế cơ sở, là doanh nghiệp trực tiếp tổ chức sản xuất ra nông sản hàng hoá dựa trên cơ sở hiệp tác và phân công lao động xã hội, được chủ trang trại đầu tư vốn, thuê mướn phần lớn hoặc hầu hết sức lao động kinh doanh theo yêu cầu của nền kinh tế thị trường, được Nhà nước bảo hộ theo luật định.

Từ khái niệm này và thông qua kết quả hoạt động kinh doanh của kinh tế trang trại có thể cho thấy vai trò, vị trí của trang trại (hay nông trại, lâm trại, ngư trại...) là tế bào của nền nông nghiệp hàng hoá, là bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống nông nghiệp, là hình thức doanh

nghiệp trực tiếp sản xuất ra nông sản theo dạng hàng hoá cho xã hội phù hợp với đặc điểm sản xuất nông nghiệp, với quy luật sinh học... Nó đã và đang "đánh thức" nhiều vùng đất hoang hoá, đồi núi trọc, sử dụng một phần sức lao động dư thừa tại chỗ để sản xuất ra nông sản hàng hoá. Nó có vai trò quan trọng trong việc khôi phục, bảo vệ và phát triển môi trường, xây dựng và phát triển nông thôn mới.

* Hỏi:

Tôi rất muốn phát triển kinh tế hộ gia đình mình theo hướng kinh tế trang trại. Tuy nhiên, tôi vẫn chưa nắm rõ những đặc trưng của loại hình kinh tế này. Xin cho biết đặc trưng và những điều kiện cơ bản để phát triển và kinh doanh trang trại có hiệu quả.

Đáp:

Trước hết, chúng tôi xin trình bày những đặc trưng chủ yếu của kinh tế trang trại. Loại hình kinh tế này có 5 đặc trưng sau:

+ Một là: Chuyên môn hoá, tập trung hoá sản xuất hàng hoá và dịch vụ theo nhu cầu của thị trường, có lợi nhuận cao.

So với kinh tế nông hộ thì đây là một đặc trưng cơ bản của kinh tế trang trại. Giá trị tổng sản phẩm và sản phẩm hàng hoá của nó là chỉ tiêu trực tiếp đánh giá về quy mô trang trại là nhỏ, vừa hay lớn. Quy mô của trang trại

thường lớn hơn nhiều lần so với quy mô của kinh tế nông hộ và có tỷ suất nông sản hàng hoá trên 85%. Riêng về quy mô ruộng đất chẳng những nhiều hơn nhiều lần (tuỳ theo phương hướng và trình độ kinh doanh mà còn rất tập trung, liền vùng và liền khoảnh.

+ Hai là: Kinh tế trang trại đã sản xuất hàng hoá thì hàng hoá luôn gắn với thị trường, do đó thị trường bán sản phẩm và mua vật tư là nhân tố có tính chất quyết định chiến lược phát triển sản xuất sản phẩm hàng hoá cả về số lượng, chất lượng và hiệu quả kinh doanh của trang trại.

+ Ba là: Kinh tế trang trại có nhiều khả năng áp dụng tiến bộ kỹ thuật hơn, tốt hơn kinh tế nông hộ vì trang trại có vốn, có lãi nhiều hơn. Nói chung, các trang trại không những sử dụng công cụ thô sơ mà đã trang bị nhiều loại máy móc và áp dụng nhiều quy trình công nghệ mới (hay quy trình sản xuất mới) vào các ngành sản xuất, dịch vụ theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá nông nghiệp. Đây chính là yếu tố quan trọng để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh doanh.

+ Bốn là: Các trang trại có thể sử dụng nguồn lao động vốn có của gia đình, nhưng hầu hết và chủ yếu là thuê mướn lao động làm thường xuyên quanh năm hoặc theo thời vụ với số lượng nhiều, ít khác nhau theo quy mô của trang trại. Số lượng lao động làm thuê bao giờ cũng lớn hơn số lượng lao động tự có của gia đình chủ trang trại.

+ Năm là: Các chủ trang trại là người có ý chí làm giàu, có phương pháp và nghệ thuật làm giàu cũng như có những điều kiện nhất định để tạo lập trang trại.

Tiếp theo, chúng tôi xin trình bày với bạn những điều kiện cơ bản để phát triển trang trại và kinh doanh có hiệu quả.

- Về ruộng đất và quy mô ruộng đất.

Tư liệu sản xuất chủ yếu và điều kiện cơ bản để thành lập và phát triển trang trại chính là ruộng đất. Nếu không có ruộng đất thì không thể tiến hành sản xuất ra nông sản và nông sản hàng hoá. Tuy nhiên, để thành lập một trang trại theo đúng nghĩa của nó thì quy mô ruộng đất phải đạt đến một mức độ nhất định. Mức độ ấy phải phù hợp với yêu cầu tổ chức kinh tế và tổ chức kỹ thuật của từng loại trang trại nhất định mới đảm bảo cho hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

Điều kiện ruộng đất nông nghiệp của nước ta là không lớn. Mức ruộng đất sử dụng bình quân là thấp, khoảng 0,59 ha/hộ và phân bố không đều. Những nơi có bình quân ruộng đất cao hơn (trong đó ở trung du và miền núi còn có nhiều đồi gò, đất lâm nghiệp) và những nơi có truyền thống sản xuất nông sản hàng hoá (chẳng hạn như Đồng bằng sông Cửu Long) có số diện tích đất canh tác bình quân một nông hộ cao hơn khoảng 0,94% ha/hộ thì nhịp độ phát triển kinh tế trang trại sẽ nhanh hơn. Ngược lại, ở đồng bằng sông Hồng chỉ có 0,3 ha/hộ thì chậm hơn rất nhiều.

Nói chung, ở nước ta tùy thuộc phương hướng kinh doanh mà có thể hình thành quy mô diện tích trang trại. Hiện nay, diện tích của các trang trại từ trên dưới 5 ha đất canh tác có thể lên đến trên dưới 30, 40, 50 hay hàng trăm ha ở nơi có thể là trang trại hợp tác của hai hay một nhóm ông chủ.

- Những điều kiện cơ bản để trang trại kinh doanh có hiệu quả.

- Nhà nước cần có hệ thống chính sách đúng đắn, đồng bộ và ổn định.

- Người chủ trang trại phải có ý đồ kinh doanh (sản xuất những sản phẩm gì? sản xuất như thế nào? sản xuất cho ai? lợi ích ra sao?) và phải có năng lực tổ chức sản xuất, dịch vụ và quản lý các hoạt động kinh doanh.

- Có thị trường ổn định.

Có vốn, phải tạo được một lượng vốn tương ứng với yêu cầu mở rộng kinh doanh bằng nhiều cách và nhiều nguồn.

- Về kỹ thuật: Có khả năng trang bị và áp dụng những kỹ thuật mới từ ít đến nhiều, từ thấp đến cao.

*** Hỏi.**

Tôi được biết một người chủ trang trại cũng chính là nhà kinh doanh nông nghiệp. Vậy một ông chủ trang trại cần những đặc tính gì? Nhân đây, xin phân tích giúp về các vấn đề: ý đồ kinh doanh và phương pháp, nghệ thuật quản lý của trang trại.

Đáp:

Trước hết, chúng tôi xin được trả lời phần thứ nhất trong câu hỏi của bạn, đó là: Những đặc tính cần có của một chủ trang trại. Như bạn đã biết, người tạo lập một trang trại hoặc thừa kế một trang trại, là chủ sở hữu và quản lý hoạt động kinh doanh của trang trại là ông chủ của trang trại, cũng có nghĩa người này là một nhà kinh doanh nông nghiệp. Một nhà kinh doanh nông nghiệp - chủ trang trại, nhìn chung thường có những đặc tính cơ bản sau:

- Là người có mong muốn tạo lập, làm chủ một trang trại - một doanh nghiệp.

- Là người biết kinh doanh, có tri thức, biết học hỏi hoặc có kinh nghiệm, có truyền thống về kinh doanh nông lâm ngư nghiệp. Về vấn đề này thực tiễn cho thấy, chủ trang trại - nhà kinh doanh không những cần khôn ngoan mà còn phải có trình độ học vấn và kinh nghiệm nhất định.

- Là người có những điều kiện tối thiểu về một số yếu tố cơ bản của kinh doanh. Nhất là ruộng đất, vốn, kỹ thuật và lao động...

- Là người chấp nhận sự rủi ro trong những trường hợp kinh doanh có thể bị thua lỗ.

- Là người tự tin: Họ có thể thấy trước những khó khăn, chấp nhận rủi ro trong kinh doanh nhưng tin rằng mình có khả năng vượt qua. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, những người đã thành công trong kinh doanh thường có lòng tin rất cao. Nhờ đó họ đã vượt qua khó khăn và chiến thắng trong cạnh tranh của nền kinh tế thị trường.

Một ông chủ trang trại thực sự cũng giống như ông chủ một doanh nghiệp cần phải có ý đồ kinh doanh và phương pháp, nghệ thuật quản lý trang trại. Vậy ý đồ kinh doanh là gì?

Trong cuộc sống, không việc gì có thể thành công được nếu không xuất phát từ một mục đích nào đó. Thông thường, khi bước vào lĩnh vực kinh doanh tức là theo đuổi một cơ hội để đạt được những ý đồ kinh doanh của chủ trang trại. Những cái đó là:

- Có lợi nhuận trong kinh doanh:

Lợi nhuận là mục tiêu cơ bản của kinh doanh, khi đã bỏ tiền của, thời gian, tâm trí vào kinh doanh và chấp nhận những rủi ro có thể phải gánh chịu thì nhà kinh doanh - chủ trang trại phải được bù đắp lại một cách xứng đáng, đó là lợi nhuận.

- Được làm chủ trong nền kinh tế thị trường.

Chủ trang trại là người có ước vọng được làm chủ một trang trại, tự mình quyết định mọi công việc, biết rằng phải làm nhiều hơn và có thể còn bị rủi ro, nhưng cảm thấy thoả mãn vì không phụ thuộc vào quyền chỉ huy của người khác.

- Được thoả mãn trong cuộc sống.

Chủ trang trại không chỉ thu được lợi nhuận ngày càng cao mà nhờ đó họ vừa có được cuộc sống sung túc, vừa có vị trí, vai trò trong cuộc sống, trong xã hội. Nếu thành công rực rỡ họ được "nêu danh" trong xã hội bởi họ

chiến thắng trong cạnh tranh của nền kinh tế thị trường thực hiện được mục đích "dân giàu, nước mạnh".

Để thành công như vậy, người chủ trang trại cần phải có một phương pháp và nghệ thuật quản lý kinh doanh thích hợp.

- Phương pháp tổ chức quản lý doanh nghiệp chẳng những là cách thức tác động có hướng đích vào hoạt động sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hoá mà còn là cách thức tác động đến các yếu tố kinh doanh. Hơn nữa, còn tác động đến các yếu tố như việc hợp tác với những doanh nhân - ông chủ khác, các loại dịch vụ, liên kết, đối nội, đối ngoại... mà đặc biệt là tác động đến khách hàng nhằm bảo đảm tiêu thụ nhanh sản phẩm hàng hoá của mình và thu được lợi nhuận cao.

- Nghệ thuật quản lý kinh doanh là những hành vi hoạt động, thủ pháp và bí quyết quản lý trên thị trường, là tài năng sử dụng các phương pháp kinh doanh để đạt được mục tiêu và ý đồ kinh doanh trong điều kiện và khả năng cho phép.

* Hỏi.

Gia đình tôi có vốn, ruộng đất, nhân lực... nói chung, theo tôi đã phần nào có những điều kiện cơ bản để lập trang trại. Tuy nhiên, tôi vẫn lúng túng trong việc xác định phương hướng, mục tiêu kinh doanh. Làm ơn hướng dẫn giúp.

Đáp.

Hiện nay, quá trình kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp ở các trang trại của nước ta đang vận hành theo cơ chế thị trường, mà đặc trưng của nó là sản xuất hàng hoá và dịch vụ theo yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Vì vậy, việc xác định phương hướng, quy mô kinh doanh và mục tiêu kinh doanh hợp lý có ý nghĩa quan trọng và là điều kiện tiên quyết của trang trại.

Xác định phương hướng gắn liền với xác định quy mô sản xuất hàng hoá và dịch vụ là những vấn đề lớn, có quan hệ chặt chẽ với nhau.

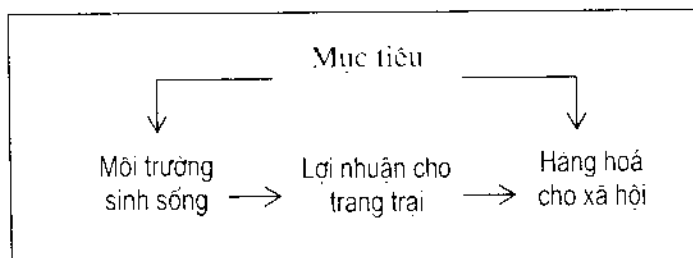
Dựa vào phân tích khoa học về cung cầu ở thị trường và khả năng của trang trại để xác định phương hướng và quy mô sản xuất hàng hoá, dịch vụ nông, lâm, ngư nghiệp của trang trại. Trong đó, cần phải giải quyết được 4 vấn đề kinh tế cơ bản.

- Sản xuất và dịch vụ cái gì ?
- Sản xuất và dịch vụ như thế nào ?
- Sản xuất và dịch vụ cho ai ?
- Lợi nhuận thu được bao nhiêu ?

Trên cơ sở xác định phương hướng - quy mô sản xuất hàng hoá và dịch vụ mà xác định mục tiêu trên kinh doanh - đích cuối cùng của trang trại.

Phải xác định rõ mục tiêu trên thì mới thấy được cái đích cần phải đến, con đường cần phải đi và công việc cần

phải làm. Mục tiêu kinh doanh của trang trại có thể khái quát ở sơ đồ dưới đây.



Từ sơ đồ trên ta có thể thấy:

- Mục tiêu trung tâm của kinh tế trang trại là lợi nhuận. Hướng đích tới lợi nhuận cao nhất cho trang trại cũng là thực hiện "dân giàu nước mạnh". Mức lợi nhuận của trang trại phải cao hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng.

- Mục tiêu cung ứng hàng hoá cho nhu cầu xã hội (bao gồm cả xuất khẩu) cũng là thực hiện mục tiêu "ích nước lợi nhà".

- Mục tiêu môi trường phản ánh những điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trong đó con người sinh tồn và cũng là môi trường tốt để trang trại kinh doanh thu được hiệu quả ngày càng tăng.

Như vậy, thực hiện được các mục tiêu cơ bản trên là điều kiện quyết định để giải quyết vấn đề sản xuất và đời sống, về sức tăng trưởng kinh tế trang trại, về đổi mới kỹ thuật, công nghệ...

* Hỏi:

Vừa rồi, một người bạn của tôi đã xây dựng trang trại của mình rất thành công, có gửi tôi một sơ đồ hệ thống kế hoạch của các trang trại (tôi có gửi kèm theo thư này) nhưng rất khó hiểu, rất mong các chuyên gia giải thích giúp.

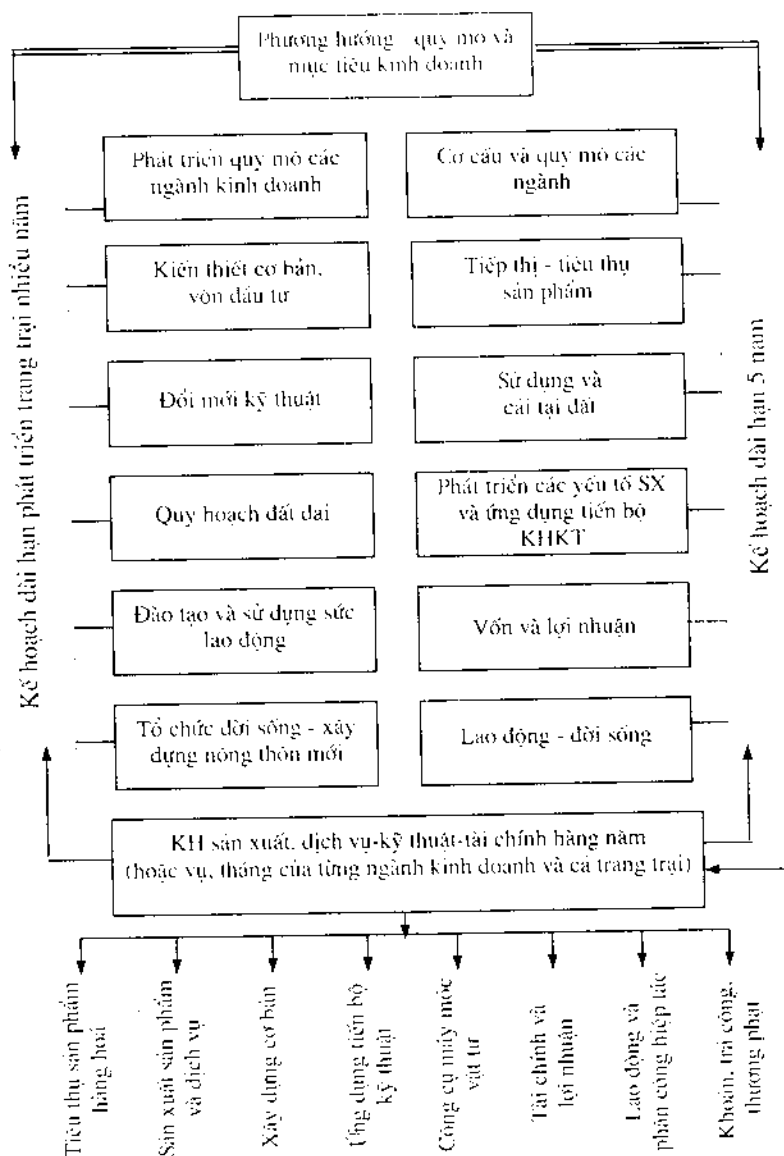
Đáp:

Việc lập kế hoạch hành động vô cùng quan trọng và cần thiết đối với sự thành công của trang trại. Sự thất bại trong kinh doanh thường bắt đầu từ việc thiếu kế hoạch. Do vậy, một người chủ trang trại phải tập trung nỗ lực vào việc lập kế hoạch.

Sơ đồ hệ thống kế hoạch của các trang trại mà bạn gửi cho chúng tôi là một sơ đồ khá chuẩn mực và chi tiết. Theo yêu cầu của bạn, chúng tôi xin được phân tích sơ đồ này.

Sơ đồ 2:

Sơ đồ hệ thống kế hoạch của các trang trại.



Qua sơ đồ hệ thống kế hoạch cho thấy bước đầu nó phản ánh được toàn bộ hoạt động và mục đích kinh doanh của trang trại, trong đó có những mối quan hệ rất biện chứng. Đi sâu phân tích hệ thống kế hoạch cho thấy:

a. Có hai loại kế hoạch dài hạn.

Các loại kế hoạch này có quan hệ chặt chẽ với phương hướng - quy mô và mục tiêu kinh doanh của trang trại. Ở đây, phương hướng - quy mô và mục tiêu là cơ sở để lập các kế hoạch dài hạn. Ngược lại, các kế hoạch này là cơ sở để hoàn thiện phương hướng - quy mô và các mục tiêu kinh doanh. Thực chất yêu cầu của các loại kế hoạch này là nhằm xác định mục tiêu kinh doanh của trang trại.

Vì sao phải có hai kế hoạch dài hạn ?

- Cần phải có loại kế hoạch dài hạn nhiều năm là xuất phát từ hai yêu cầu sau:

+ Một là: Cần có thời gian đủ để có điều kiện tập trung hoá ruộng đất, vốn, kỹ thuật và xây dựng cơ sở vật chất đến một quy mô tối ưu, phù hợp với yêu cầu cạnh tranh của nền kinh tế thị trường. Thời gian đó có thể là 10, 15 năm.

+ Hai là: Phụ thuộc vào chu kỳ kinh tế của các loại cây, con dài ngày. Chẳng hạn: quế 8 - 12 năm, bạch đàn, cao su, cây lấy gỗ phải mất 10 - 30 năm hay nhiều hơn nữa.

Do vậy, cần thiết phải có loại kế hoạch này, và thời gian kế hoạch cho các trang trại không được đồng nhất với nhau.

- Cần phải có loại kế hoạch dài hạn 5 năm cũng là cần thiết cho trang trại vì hai lý do sau:

+ Một là: Chỉ có khoảng thời gian từng 5 năm một các dự đoán kinh tế mới có tính khả thi nhiều hơn.

+ Thứ hai: Trang trại là một tế bào của nền kinh tế quốc dân. Do đó từng kế hoạch 5 năm của nó phải nằm trong các kế hoạch 5 năm của ngành nông - lâm - ngư nghiệp, cũng như của cả nền kinh tế quốc dân. Kế hoạch này dựa sự kiểm soát của Nhà nước thông qua một hệ thống chính sách vĩ mô được Nhà nước xác lập trong từng kế hoạch 5 năm một. Đây là tất yếu khách quan.

b. Có kế hoạch sản xuất, dịch vụ - kỹ thuật - tài chính hàng năm (hay vụ, tháng của trang trại)

Đây là kế hoạch quan trọng nhất, vì nó là loại kế hoạch hành động được cụ thể hoá từ các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch dài hạn 5 năm. Từ những chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch dài hạn 5 năm mà người ta xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm. Tuy nhiên, kế hoạch hàng năm lại là cơ sở để điều chỉnh những mất cân đối và những bất hợp lý do kế hoạch 5 năm đề ra chưa sát đúng và trong quá trình thực hiện kế hoạch hàng năm phát hiện ra hoặc thay đổi do hoạt động của kinh tế thị trường đòi hỏi.

Từ hệ thống kế hoạch này, chúng ta sẽ thiết lập hệ thống biểu mẫu với những chỉ tiêu hợp lý của từng biểu đồ tính toán, lập kế hoạch kinh doanh cụ thể cho mỗi trang trại. Muốn vậy, cần phải có chuyên gia giỏi về lĩnh vực này, cùng với chủ trang trại nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng kinh doanh cụ thể của một số trang trại. Tất nhiên, những trang trại này phải có phương hướng kinh doanh để từ đó xây dựng hệ thống kế hoạch kinh doanh cho thời gian tới một cách khoa học.

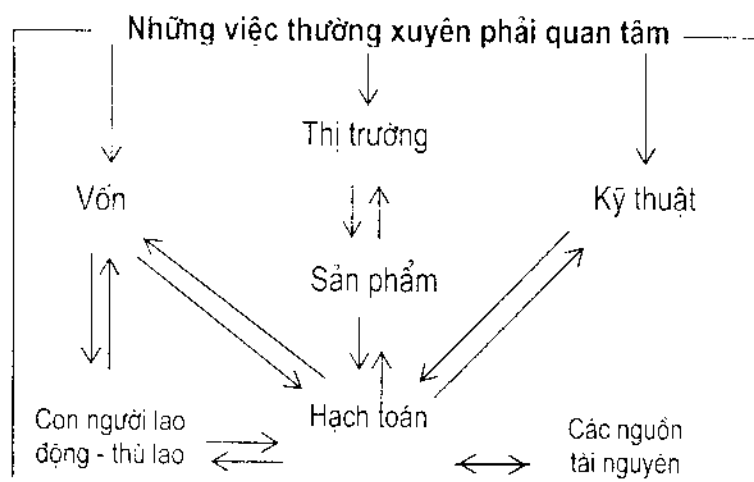
Trên cơ sở những mô hình kế hoạch đó, cần phải có những lớp tập huấn - hướng dẫn việc lập kế hoạch kinh doanh cho các chủ trang trại ở từng địa phương có cùng phương hướng kinh doanh tương tự.

*** Hỏi:**

Xin cho biết, sau khi đã xác định được phương hướng - quy mô - mục đích kinh doanh và lập kế hoạch hành động, nhà quản lý trang trại cần phải thường xuyên quan tâm đến những vấn đề gì ?

Đáp:

Trước hết, mời các bạn tham khảo sơ đồ:



Phân tích hoạt động kinh doanh

Qua sơ đồ này chúng ta thấy những việc thường xuyên phải quan tâm theo trình tự với những mối quan hệ của nó. Tuy nhiên, đây chỉ là sơ đồ tổng quát giúp chủ trang trại - nhà quản lý kinh doanh nông nghiệp thấy đúng vị trí quan trọng của từng công việc và không được lãng quên. Mặt khác, trong chỉ đạo thực hiện, do điều kiện cụ thể ở những thời gian cụ thể, mọi việc đều có thể thay đổi. Tốt hơn hết là tất cả những công việc đó thường phải được quan tâm thường xuyên.

* Hỏi:

Trong việc quản lý một trang trại sẽ có rất nhiều công việc phát sinh cần được xử lý giải quyết. Tuy nhiên, cũng cần phải biết ưu tiên những vấn đề đặc biệt. Vậy, tôi là một chủ trang trại thì cần phải lưu ý nhất tới những vấn đề gì và cách "quan tâm" như thế nào cho đúng đắn nhất ?

Đáp:

Đúng như bạn đã nói, người quản lý trang trại - người quản lý một doanh nghiệp kinh doanh trên lĩnh vực nông nghiệp cần phải biết ưu tiên những vấn đề nào có tính chất "đột phá", mà việc giải quyết nó sẽ góp phần giải quyết nhiều mối quan hệ kinh tế khác. Những vấn đề đó không giống nhau ở tất cả các trang trại. Nhưng qua kiểm nghiệm ở hầu hết các trang trại thì thấy có 4 vấn đề cần ưu tiên trong quản lý kinh doanh. Đó là: Thị trường - sản phẩm - vốn - kỹ thuật.

a. Thị trường:

Nghiên cứu về thị trường các ông chủ trang trại thường có sơ đồ sau:

Hướng tìm cách mở rộng thị trường và có thị trường ổn định

Thị trường (bán sản phẩm và mua vật tư kỹ thuật)

- Có những thị trường nào trong nước?
- Có những thị trường nào ngoài nước?
- Giá cả lên xuống của các thị trường trong và ngoài nước ra sao và vì sao ?
- Giá cả so với giá thành thì lãi, lỗ như thế nào, nguyên nhân?
- Giá cả vật tư, kỹ thuật ở đâu và mua vào lúc nào là kinh tế nhất, tại sao ?
- Bằng cách nào để mở rộng thị trường và có thị trường ổn định?

Bạn thân mến! Về thực hiện, người chủ trang trại cần tập trung trả lời cho được các câu hỏi chủ yếu ở sơ đồ trên nhằm tìm cách mở rộng thị trường và có thị trường ổn định bảo đảm cho kinh doanh mang lại lợi nhuận cao.

Để giải quyết được những câu hỏi đặt ra trong sơ đồ này cần chú ý:

• Về nhận thức thị trường:

Trước hết phải nắm được nội dung và đặc trưng của từng loại thị trường (mua, bán) và các quy luật vận động của sản xuất hàng hoá. Biết rằng, trên thị trường, tâm lý người bán hàng muốn bán hàng hoá với giá cao, còn người mua lại muốn mua hàng hoá với giá thấp. Tuy nhiên, người kinh doanh không thể theo ý muốn chủ quan của

người mua hay người bán mà phải do quy luật cung cầu quyết định. Trên thị trường, người nào đưa ra hàng hoá mới sớm nhất sẽ có lợi nhuận cao và càng về sau lợi nhuận càng giảm, như thế thì quy luật cạnh tranh mới phát huy hết tác dụng.

* Về việc nắm chắc thông tin - thực trạng về thị trường.

Người quản lý trang trại cần phải nắm chắc tình hình cung - cầu về số lượng, chất lượng, hình thức, mẫu mã, chủng loại sản phẩm và giá cả (với tính phức tạp lên, xuống của mỗi loại sản phẩm ở hiện tại và trong tương lai, để định hướng và mở rộng quy mô sản xuất dịch vụ hoặc điều chỉnh, thay đổi, cải tiến sản phẩm cho phù hợp với yêu cầu của thị trường. Marketing nông - lâm - ngư nghiệp ngày nay đã chỉ ra rằng, chỉ sản xuất những sản phẩm mà thị trường có nhu cầu chứ không đưa ra thị trường cái có sẵn mà thị trường không cần .

- Về việc dự đoán xu hướng phát triển và thay đổi của thị trường. Trên cơ sở xây dựng chiến lược đối với khách hàng, chiến lược sản phẩm nông - lâm - ngư nghiệp và chiến lược đối với những đối thủ trong cạnh tranh. Điều đó được coi là bộ ba chiến lược trong kinh doanh của nền kinh tế thị trường.

b. Sản phẩm.

Chủ trang trại quyết định chiến lược sản phẩm trên cơ sở xác định chuyên môn hoá, tập trung hoá sản xuất sản phẩm hàng hoá, sau khi tiếp thị, nắm được nhu cầu và

thị hiếu của khách hàng. Tất nhiên, việc sản xuất phải ở một quy mô hợp lý, đồng thời xác định các ngành phối hợp với tài nguyên, với những yếu tố kinh doanh của trang trại, đảm bảo kinh doanh thu được lợi nhuận cao.

Để thực hiện được định hướng chiến lược đó cần chú ý nghiên cứu, trả lời tốt các vấn đề sau:

- Cần chuyên môn hoá sản xuất hàng hoá trong hoạt động kinh doanh của trang trại. Đây là một hình thức biểu hiện sự phân công lao động xã hội để sản xuất ra sản phẩm hàng hoá theo yêu cầu của thị trường và mục tiêu kinh doanh của trang trại, do đó ngành chuyên môn hoá là ngành phải có tỷ trọng hàng hoá cao nhất trong trang trại.

Tuy nhiên, chuyên môn hoá phải đi đôi với phối hợp hợp lý các ngành sản xuất bổ sung, sản phẩm phụ và dịch vụ. Bởi lẽ, yêu cầu của sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp là: Sử dụng đầy đủ, hợp lý ruộng đất, khí hậu cũng như các tài nguyên khác, khắc phục tính thời vụ trong hoạt động kinh doanh. Các ngành sản xuất phụ phải hỗ trợ cho ngành sản xuất chính. Tất nhiên, ngành sản xuất bổ sung là ngành có tỷ trọng hàng hoá thấp hơn ngành chuyên môn hoá. Trong một trang trại có thể có một, hai hoặc ba ngành sản xuất bổ sung.

Những ngành sản xuất phụ là gì ? Đó là ngành không có hoặc có ít nông sản hàng hoá. Nó được tổ chức ra nhằm sử dụng đầy đủ hơn nguồn lực của trang trại và

phục vụ chủ yếu cho yêu cầu sản xuất và đời sống tại chỗ của trang trại.

Còn ngành dịch vụ là gì ? Ngành dịch vụ chỉ tạo ra giá trị về dịch vụ, không tạo ra sản phẩm hàng hoá nhưng có ý nghĩa rất lớn đối với sản xuất và đời sống.

Nói chung, muốn có chuyên môn hoá và phối hợp hợp lý các ngành trong một trang trại, các nhà quản lý phải căn cứ vào các nguyên tắc sau đây:

Tổ chức các ngành sản xuất bổ sung, sản xuất phụ và dịch vụ để tạo điều kiện thuận lợi cho ngành chuyên môn hoá phát triển tốt. Hơn nữa, còn để sử dụng triệt để và có hiệu quả nhất các loại ruộng đất, sức lao động, sức kéo và các tư liệu sản xuất cũng như các nguồn tài nguyên khác trong trang trại. Ngoài ra, việc này còn giúp trang trại luân chuyển được vốn nhanh và cuối cùng là để có lợi nhuận cao nhất tính trên một hecta ruộng đất, trên một người lao động và trên một đồng vốn.

Nhân đây, chúng tôi giới thiệu với bạn lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận của công thức tính trong một doanh nghiệp nói chung và một trang trại nói riêng để các bạn tiện theo dõi.

Công thức: $P = D - C$

Trong đó:

P: Lợi nhuận (tính bằng đồng)

D: Tổng doanh thu (tính bằng đồng)

C: Tổng chi phí sản xuất (tính bằng đồng)

- Tỷ suất lợi nhuận có:
- + Tỷ suất (%) lợi nhuận so với vốn (Pv')

$$P = \frac{P}{V} \times 100$$

Trong đó: V là tổng vốn cố định và vốn lưu động(đ).

- + Tỷ suất (%) lợi nhuận so với chi phí sản xuất (P'c)

$$P'c = \frac{P}{C} \times 100$$

c. Vốn:

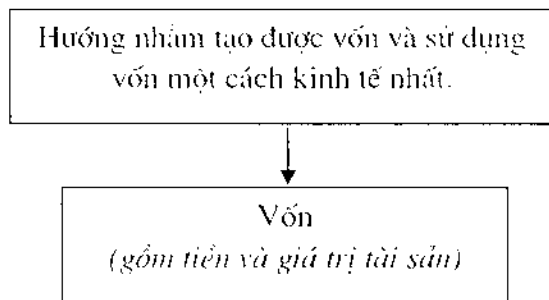
Vốn là một trong những điều kiện quan trọng nhất để tiến hành sản xuất kinh doanh của các trang trại.

Muốn bỏ vốn vào tạo lập trang trại nông - lâm - ngư nghiệp trong nền kinh tế thị trường, trước hết bạn phải quán triệt các quan điểm cơ bản sau đây:

- Vốn đầu tư nhất định phải sinh lợi.
- Khi đầu tư vốn nhất định phải xuất phát từ yêu cầu của thị trường để lựa chọn và tập trung cao cho ngành chuyên môn hoá, sản xuất hàng hoá có hiệu quả kinh tế cao, không được chỉ sản xuất hàng hoá theo những điều kiện mình có mà không quan tâm đến yêu cầu của thị trường.
- Các chủ trang trại phải thực sự có toàn quyền tự chủ về tài chính.

Để thực hiện được các quan điểm đó, trong quản lý tài chính, người chủ trang trại cần chú ý nghiên cứu và liên

hệ với thực tế của mình để có thể giải quyết tốt những câu hỏi trong sơ đồ sau đây:



- Trang trại bạn có những nguồn vốn bằng những giải pháp nào để tự tạo lập vốn.

- Các bạn đã có những giải pháp gì để sử dụng vốn cố định và vốn lưu động có hiệu quả.

- Có những lãng phí nào có thể khắc phục được.

- Hiệu quả đồng vốn của ngành sản xuất, dịch vụ và của chung cả hai ngành này ra sao.

Để hiểu rõ và trả lời tốt những câu hỏi đặt ra trong sơ đồ này bạn cần lưu ý rằng: Vốn của trang trại có thể hình thành từ hai nguồn vốn:

- Nguồn vốn tự có

- Nguồn vốn đi vay.

Hiện nay, nhìn chung các chủ trang trại đang khó khăn về vốn. Để vượt qua, họ phải bằng mọi cách tự tạo vốn, huy động vốn từ nhiều nguồn bằng nhiều hình thức để có thể khơi dậy được nhiều nguồn vốn bên trong và thu hút được nhiều nguồn vốn bên ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho kinh doanh.

Vốn trong kinh doanh được chia thành vốn cố định và vốn lưu động.

Vốn cố định là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị tài sản cố định như máy móc, vật kiến trúc, vườn cây lâu năm, rừng kinh doanh, súc vật cày kéo, sinh sản, chuồng trại chăn nuôi, công trình phục vụ sản xuất và phúc lợi... Đặc điểm của nó là tham gia vào nhiều chu trình sản xuất dịch vụ, giá trị của chúng được chuyển dần từng phần vào sản phẩm sau mỗi chu kỳ sản xuất dưới hình thức khấu hao.

Để sử dụng có hiệu quả vốn cố định, cần có những biện pháp chủ yếu sau:

- Tập trung vào cho ngành chuyên môn hoá sản xuất hàng hoá theo yêu cầu của thị trường.

- Cần có điều tra, quy hoạch, thiết kế, có luận chứng kinh tế, kỹ thuật đối với các công trình xây dựng.

- Phải khẩn trương thi công để sớm phát huy tác dụng của vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

- Sau khi xây dựng phải thực hiện đúng quy chế nghiệm thu và thực hiện tốt chế độ sử dụng, bảo dưỡng.

- áp dụng chế độ hạch toán, kiểm kê theo định kỳ quản lý tài sản cố định.

Vốn lưu động là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị các tài sản hoạt động như : Hạt giống, phân bón, nguyên nhiên vật liệu, vật rẻ tiền mau hỏng, sản phẩm chờ tiêu thụ. Nó có đặc điểm là thường xuyên vận động, thay đổi hình thái biểu hiện và trải qua hai giai đoạn.

- + Vốn trong quá trình dự trữ (dự trữ vật tư cho sản xuất).
- + Vốn trong quá trình lưu thông (sản phẩm được tiêu thụ).

Để sử dụng vốn lưu động có hiệu quả (tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn lưu động, cần thực hiện các giải pháp sau:

- Dự trữ vật tư phải hợp lý.
- Thực hiện thâm canh khoa học, sử dụng các giống lúa mới có năng suất cao, chất lượng tốt, chu kỳ sản xuất ngắn, phân đầu hạ giá thành sản phẩm.

- Lưu thông tiêu thụ sản phẩm nhanh.

d. Kỹ thuật:

Quản lý trang trại cần phải ưu tiên cho kỹ thuật, vì những lý do sau:

- Kỹ thuật được hiểu là toàn bộ công cụ và các tư liệu lao động khác cùng với quy trình công nghệ để sản xuất ra sản phẩm bao gồm cả chế biến và dịch vụ, trả lời câu hỏi sản xuất như thế nào ?

- Kỹ thuật là một trong những bộ phận quan trọng cấu thành lực lượng sản xuất xã hội và là điều kiện vật chất quyết định năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và mức lợi nhuận cần đạt được của trang trại. Vì vậy, chủ trang trại trong công tác quản lý kinh tế thị trường cần phải ưu tiên phát triển kỹ thuật theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá - tức là cải tiến, phát triển từ công cụ lao động giản đơn, thủ công lên cơ giới hoá, tự động hoá và đi theo đó các quy trình công nghệ cũng được đổi mới tương ứng - nó chẳng những là vũ khí mà còn là động lực làm tăng

nhanh hơn năng suất lao động và chất lượng sản phẩm trong cạnh tranh.

Quy trình công nghệ cần được hiểu là phương pháp sản xuất (chế tạo) sản phẩm, là hệ thống các cách thức sản xuất, dịch vụ, chế biến (gọi chung là sản xuất) có liên hệ với nhau trong quá trình sản xuất, là yếu tố góp phần nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí lao động trong quá trình tạo ra sản phẩm. Quy trình công nghệ sản xuất bao gồm bằng quy trình công nghệ trong đó ghi trình tự các thao tác để biến vật liệu thành sản phẩm (thành phẩm) theo thời gian sản xuất quy định. Các loại và tính chất của công cụ, thiết bị máy móc mà người lao động dùng để hoàn thành từng quá trình lao động hoặc từng giai đoạn sản xuất. Cuối cùng là trình độ lành nghề của người lao động để hoàn thành mỗi công việc với những điều kiện sản xuất cụ thể của từng ngành sản xuất - dịch vụ đã được quy định theo những điều kiện sản xuất cụ thể.

Quy trình công nghệ của sản xuất có ảnh hưởng quyết định đối với chất lượng sản phẩm và chỉ tiêu kinh tế trong kinh doanh của trang trại. Do đó, khi xây dựng quy trình công nghệ, trang trại cần lựa chọn phương án tối ưu nhất (tiết kiệm nhất) mà vẫn bảo đảm tối đa nhiệm vụ sản xuất - chế tạo sản phẩm về số lượng và chất lượng. Đồng thời, phải nghiêm chỉnh tuân theo kỹ thuật công nghệ trong quy trình sản xuất. Khi xây dựng quy trình công nghệ của sản xuất cần áp dụng rộng rãi những kinh nghiệm sản xuất tiên tiến có cùng điều kiện tương tự.

Từ ý nghĩa kinh tế này, các nhà quản lý trang trại cần liên hệ với thực tế của mình để trả lời các câu hỏi sau:

+ Hệ thống cơ sở vật chất hiện tại của trang trại như thế nào, đặc biệt là công cụ lao động?

+ Hiện nay có những tiến bộ kỹ thuật nào đã áp dụng và sẽ được áp dụng vào sản xuất kinh doanh của trang trại?

+ Bằng cách nào để đưa được những kỹ thuật mới vào phục vụ kinh doanh?

+ Hiệu quả của việc đưa kỹ thuật mới vào kinh doanh?

*** Hỏi:**

Một trang trại không thể phát triển, thậm chí không thể hình thành được, nếu thiếu các nguồn tài nguyên. Vẫn biết các nguồn tài nguyên trong trang trại chủ yếu là đất, nước, thời tiết, khí hậu, là môi trường sống chủ yếu của sinh vật, đặc biệt là cây trồng, nhưng tôi vẫn thực sự chưa nắm được những quy tắc cần thiết trong việc quản lý các nguồn tài nguyên trong trang trại. Xin chuyên gia tư vấn giúp.

Đáp:

Đối với một trang trại, tài nguyên trước hết là đất và không gian của nó. Đất là tài nguyên vô giá của sự sống

nên ông cha ta đã khái quát bằng bốn chữ "Tắc đất, tắc vàng" và khuyên chúng ta "Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang". Trong nền kinh tế của các nhà quản lý, các chủ trang trại phải xét đến vị trí của đất từ nơi sản xuất đến thị trường, diện tích đất có nằm trong hệ thống nông giang, có nước tưới tiêu chủ động không? Độ dốc của đất như thế nào? Không gian của đất có liên khoảnh hay rải rác, manh mún không? Muốn vậy, cần phân loại ruộng đất, tính giá trị các loại đất và có biện pháp bảo vệ, cải tạo và bồi dưỡng, sử dụng từng loại đất có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của luật định.

Kế đến là nước. Việc quản lý nguồn nước phải bảo đảm yêu cầu tưới, tiêu có vị trí đặc biệt quan trọng trong những biện pháp kinh doanh nông nghiệp. Ông cha ta đã khẳng định: "Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống". Vấn đề đặt ra cho các trang trại là cần tổ chức xây dựng và quản lý hệ thống tưới nước như thế nào để vừa đáp ứng yêu cầu cao nhất đối với cây trồng vật nuôi, vừa tiết kiệm được chi phí. Do vậy, ngoài việc tổ chức quản lý các nguồn nước do hệ thống đại, trung thủy nông của Nhà nước, hoặc Nhà nước và nhân dân cùng xây dựng, việc trang trại tổ chức quản lý nguồn nước bao gồm một hệ thống biện pháp truyền thống và phổ biến nhất vẫn có ý nghĩa kinh tế to lớn. Điều này xuất phát từ đặc tính lỏng của nước để đề ra các biện pháp khai thác, sử dụng nước tốt và rẻ. Những biện pháp cổ truyền nhất, đơn giản nhất là ngăn khe, suối nhỏ... tổ chức lại phần trên mặt đất của chu trình thủy học

để bảo đảm lượng nước cung cấp cho cây trồng. Trong đó coi trọng việc làm các hồ nhỏ, đắp đập, xây ao chắn nước, giữ nước để kết hợp nuôi cá, làm thuỷ lợi nhỏ, thuỷ điện nhỏ với dùng nước tưới là một kinh nghiệm được coi là có giá trị kinh tế - xã hội cao.

Tiếp theo nguồn đất là việc quản lý sử dụng tốt nguồn tài nguyên khí hậu. Thời tiết, khí hậu có ý nghĩa rất lớn đối với cây trồng, vật nuôi. Những thay đổi về độ nóng, độ ẩm, mưa, gió, bão, lụt có ảnh hưởng rất lớn đối với sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp. Do đó, việc quản lý khí hậu chủ yếu là điều tiết các luồng nước, hơi nóng bằng cách trồng bờ, trồng rừng, chắn gió, chắn cát bay, trồng cây bóng mát, cây che phủ bề mặt chống sỏi mòn khi mưa to, gió lớn.

Việc quản lý tài nguyên trong phạm vi trang trại cần tập trung nghiên cứu những vấn đề chủ yếu sau:

- Các nguồn tài nguyên của trang trại có thuận lợi, khó khăn gì? Nó có ảnh hưởng đến giá thành, đến lợi nhuận ra sao?

- Đối tượng sản xuất nông nghiệp của trang trại gắn với đất, nước và thời tiết, khí hậu như thế nào?

- Bằng cách nào để đánh giá đúng giá trị những tài nguyên đó của trang trại?

- Kinh nghiệm của trang trại đã làm thế nào để sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn tài nguyên đó ?

Để hiểu sâu hơn các mối quan hệ của chúng với cây trồng và của mỗi trang trại nằm trong các miền khí hậu

nông nghiệp và hướng chọn cây (ngắn ngày) luân canh. Cũng cần phải nói thêm rằng: đối tượng sản xuất chủ yếu của trang trại là cơ thể sống. Nó luôn luôn gắn với đất, nước và thời tiết, khí hậu.

Là cơ thể sống, cây trồng và gia súc tồn tại, phát triển và phát dục theo quy luật sinh vật học và luôn luôn yêu cầu những điều kiện tự nhiên, kinh tế và kỹ thuật. Đặc biệt là mối quan hệ của các yếu tố trong môi trường sống: đất - nước - thời tiết - khí hậu. Điều mà mọi người làm nông nghiệp ai cũng biết là, năng suất cây trồng cao hay thấp, trước hết phụ thuộc vào chất lượng đất, chế độ nước trong đất và thời tiết, khí hậu tốt - xấu đối với mỗi loại cây trồng. Đó là những yếu tố quan trọng nhất, có mối quan hệ nhân quả sâu sắc nhất, chặt chẽ nhất và nghiêm khắc nhất. Chỉ có thiên nhiên mới là nguồn cung ứng dồi dào nhất, rẻ tiền nhất. Tuy nhiên trong thiên nhiên, những yếu tố này phân bố không đồng đều theo lãnh thổ và diễn biến rất phức tạp. Do đó, muốn sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao nhất, con người phải nghiên cứu nó một cách toàn diện, nhận thức nó một cách đúng đắn để tiến hành phân vùng, quy hoạch sản xuất theo đơn vị lãnh thổ và tổ chức sản xuất. Kể cả những kế hoạch lớn mang tính quốc gia, đến những trang trại nhỏ đều phải tuân theo quy tắc này. Bởi lẽ, cơ sở để phát triển sản xuất nông nghiệp nói chung và ngành trồng trọt nói riêng là việc sử dụng những tiềm năng sinh vật trong những môi trường nhất định. Tuy nhiên, các quy luật sinh vật cũng như các quy luật tự nhiên khác (thời tiết, khí hậu, thủy văn...) đều hoạt

động một cách tự nhiên. Con người không thể ngăn cản các quá trình đó và để tránh khỏi các hậu quả, chúng ta phải tổ chức sản xuất thích nghi với những điều kiện tự nhiên.

Ở nước ta, trong việc khai hoang, sản xuất ở những vùng đồi núi, con người thiếu sự hiểu biết cần thiết đã chặt phá cả những khu rừng gỗ quý, đốn cả những đai rừng chắn gió mà cha ông đã tạo lập hàng trăm năm để chế ngự thiên tai, bảo vệ mùa màng, cải tạo môi trường... Trong đó, có một số Hợp tác xã, nông trường quốc doanh cũng vừa đốn chặt, vừa không chú ý chống xói mòn, bảo vệ môi trường, đã dẫn đến những tác hại rất lớn. Chẳng hạn, theo tài liệu về nghiên cứu xói mòn (của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) hàng năm đối nước ta bị xói mòn chừng 1cm đất trên mặt. Tức là, trung bình mỗi ha mất đi 100m³ đất (khoảng 20tấn), trong đó có 6tấn mùn, tương đương với 100tấn phân chuồng và 300kg đạm nguyên chất hoặc tương đương với 1,5tấn Sunfat đạm. Do tác hại của xói mòn, năng suất cây trồng giảm sút. Hầu hết những nương lúa ở miền núi sản xuất trong điều kiện không bảo vệ môi trường, thường năm đầu mới khai hoang đất tốt, năng suất đạt 18 - 20 tạ/ha. Năm thứ hai, thứ ba đến năm thứ tư chỉ còn một, hai tạ/ha.

Do vậy, công tác chống xói mòn, bảo vệ môi trường trong các trang trại là một vấn đề có ý nghĩa kinh tế cực kỳ to lớn, cần được quan tâm ngay từ đầu. Mặt khác, cần nhận thức đúng đắn rằng, nước ta nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, có lượng mưa, khí hậu và ảnh hưởng tương đối

phù hợp với sự phát triển của sinh vật, nhưng lại có chế độ gió mùa và nhìn chung hàng năm có hai mùa rõ rệt. Đồng thời theo vĩ tuyến và độ cao còn pha trộn khí hậu ôn đới hoặc á nhiệt đới ở các vùng (Đông Bắc, Tây Bắc, Ngọc Linh, Đà Lạt...). Đó là điều kiện thuận lợi để phát triển nhiều chủng loại cây trồng, thu hoạch được nhiều vụ trong năm. Tuy nhiên, vì khí hậu không đồng nhất theo lãnh thổ nên mỗi địa phương, mỗi trang trại cần dựa trên phân vùng khí hậu nông nghiệp để xây dựng cho mình một công tác thời vụ thích hợp và một cơ cấu cây trồng có lợi nhất, một chế độ luân canh hợp lý và những quy trình sản xuất tương ứng. Làm được như vậy, chắc chắn sẽ tận dụng được những tiềm năng về khí hậu để sản xuất quanh năm, với năng suất cây trồng ngày cao, dẫn đến có lợi nhuận cao.

*** Hỏi:**

Trong việc cai quản một trang trại thì quản lý con người - lao động - thù lao cần phải chú ý đến những vấn đề gì ?

Đáp:

Trong trang trại, ngoài việc sử dụng lực lượng lao động vốn có của gia đình, chủ trang trại còn phải thuê mượn một số lao động làm việc cả năm hoặc từng thời vụ. Do đó, việc quản lý, sử dụng lao động và thù lao lao động có vai trò quan trọng. Phải có nghệ thuật quản lý sử dụng con người để đạt được hiệu quả công tác và sản xuất tốt

nhất. Đồng thời, phải chú ý đầy đủ và bảo đảm lợi ích kinh tế của mỗi người, gắn lợi ích kinh tế với thành quả lao động của họ để tạo ra động lực cá nhân, vì không có động lực cá nhân thì động lực của trang trại, của xã hội cũng không có.

Quản lý, sử dụng lao động còn thể hiện ở việc có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lao động có thể có (kể cả lao động dư thừa) nhằm bảo đảm nâng cao tỷ suất sử dụng sức lao động và nâng cao năng suất lao động.

Về việc này bạn có thể tham khảo hai sơ đồ sau:

Hướng tạo quyền tự chủ trong công việc cho con người - nhất là người thừa kế - để đạt được hiệu quả công tác và sản xuất cao.



Con người

- Tình hình người lao động của trang trại (số lượng, chất lượng) như thế nào?
- Sử dụng thời gian và khả năng của họ ra sao
- Dùng phương pháp nào để động viên tinh thần và cố gắng của họ (quan tâm lợi ích, vật chất và khêu gợi lòng tự hào về trang trại ...)
- làm sao có thể chấp nối các công việc cùng nhiều người với nhau (hết sức chú ý đến nhân tố con người).
- Năng suất lao động (giờ, ngày, năm) đã đạt ở mức nào?

Làm sao cho công việc được triển khai có hiệu quả nhất ?



Lao động - thù lao

- Phải làm những gì ?
- Số lượng và chất lượng công việc phải đạt được như thế nào ?
- Khi nào phải làm ?
- Ai làm ?
- Làm tốt, xấu thì quyền lợi và trách nhiệm như thế nào ? (so với định mức lao động và khoán).

*** Hỏi:**

Xin vui lòng cho biết những nguyên tắc chung trong hạch toán kinh doanh của một doanh nghiệp nông nghiệp trang trại?

Đáp:

Trong việc quản lý trang trại ở nền kinh tế thị trường, cần phải rất chú trọng đến công tác hạch toán kinh doanh. Bản chất của hạch toán kinh doanh là phương pháp quản lý kinh doanh có kế hoạch và tiết kiệm dựa trên cơ sở tính toán, phân tích và giám sát chặt chẽ các khoản thu, chi để kinh doanh có lãi và tái sản xuất mở rộng.

Hạch toán kinh doanh trong các trang trại nông - lâm - ngư nghiệp có những đặc điểm khác với ngành kinh doanh khác (do đặc điểm của sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp quy định). Tuy nhiên, đều có chung các nguyên tắc hạch toán kinh doanh sau đây:

Tự bù đắp chi phí và lỗ lãi.

- Có quyền độc lập tự chủ hoàn toàn về tài chính và nghiệp vụ kinh doanh.

- Thực hiện giám đốc đồng tiền đối với các hoạt động kinh doanh của trang trại.

- Thực hiện khuyến khích lợi ích vật chất và trách nhiệm vật chất.

Để thực hiện hạch toán kinh doanh, các trang trại phải có những điều kiện sau:

- Trang trại phải hoàn toàn độc lập tự chủ về kinh doanh, đặc biệt là tài chính.

- Phải có cán bộ có năng lực thực sự và hiểu biết về nghiệp vụ hạch toán, biết sử dụng các quan hệ hàng hoá - tiền tệ và các quy luật khác của nền kinh tế thị trường, thực hiện nghiêm ngặt chế độ tiết kiệm.

- Nhà nước ổn định luật pháp và các chính sách kinh tế vĩ mô.

- Trang trại có đủ thông tin và phương tiện xử lý thông tin.

Nội dung hạch toán kinh doanh của trang trại chủ yếu là:

- + Hạch toán vốn.
- + Hạch toán giá thành.
- + Hạch toán lợi nhuận.

* **Hỏi:**

Tôi chưa nắm được nội dung chủ yếu của việc phân tích hoạt động kinh doanh của một trang trại nông - lâm - ngư nghiệp. Làm ơn phân tích giúp vấn đề này ?

Đáp:

Bản chất của việc phân tích hoạt động kinh doanh là nghiên cứu hoạt động kinh doanh của trang trại trong một thời gian nhất định (tháng, vụ, năm) bằng cách thống kê, hạch toán kỹ thuật - nghiệp vụ với các chỉ tiêu kế hoạch.

Trang trại là một hình thức tổ chức kinh doanh, do đó cần phải tiến hành phân tích hạch toán kinh doanh để biết rõ ưu điểm, lợi thế so sánh của trang trại, đồng thời biết được những khuyết điểm để khắc phục nhằm mở rộng kinh doanh, chiến thắng được các đối thủ cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường, bảo đảm lợi nhuận càng tăng.

Nội dung chủ yếu của phân tích hoạt động kinh doanh trong các trang trại nông - lâm - ngư nghiệp gồm:

- Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, dịch vụ của trang trại, đặc biệt là tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm, dịch vụ và lợi nhuận của trang trại.

- Phân tích tình hình tổ chức và quản lý các yếu tố kinh doanh trong từng ngành và cả trang trại.

- Phân tích tình hình tổ chức (cơ cấu các ngành) và quản lý các ngành kinh doanh của trang trại.

- Phân tích thị trường (mua vật tư, bán sản phẩm).

- Phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh chủ yếu là so sánh kết quả sản xuất, dịch vụ đạt được với kế hoạch, kết quả của năm trước, thời kỳ trước, kết quả của các trang trại (các cơ quan kinh doanh) khác có điều kiện kinh doanh tương tự.

*** Hỏi:**

Xin cho biết vài nét về lịch sử hình thành và phát triển trang trại ở nước ta qua các thời kỳ.

Đáp:

Nhìn lại lịch sử ta thấy trang trại ở nước ta đã hình thành từ thời nhà Trần, thời đó gọi là điền trang - nhưng điền trang lúc này chủ yếu là trang trại của quý tộc phong kiến.

Trong sách "Lịch sử nông nghiệp Việt Nam" có ghi "Năm 1266, triều đình nhà Trần cho phép các vương hầu, công chúa, phò mã, cung phi... triệu tập dân nghèo khổ không có đất làm nô tỳ đi khai hoang miễn ven biển, đắp đê ngăn mặn, khai phá đất bồi sông Hồng lập thành điền trang rộng lớn".

Khác với thái ấp thời nhà Lý và điền trang thời nhà Lý, điền trang thời nhà Trần thuộc sở hữu của quý tộc. Nô

tỳ bị bóc lột như nông nô. Tức là như những người nông dân bị phụ thuộc vào ruộng đất - diện trang rộng lớn của bọn địa chủ quý tộc. Họ bị bóc lột bằng địa tô và lao dịch, có thể bị bán theo ruộng đất dưới chế độ phong kiến.

Đến thời nhà hậu Lê, nhà nước chủ trương mở rộng khai hoang lập đồn điền (đồn điền cũng đồng nghĩa với trang trại). Lượng lao động khai hoang lập đồn điền chủ yếu là phạm nhân, tù binh và một số binh lính đóng đồn ở các địa phương. Đến năm 1481, cả nước có 43 sở đồn điền để cấp cho họ hàng nhà vua và quan lại từ tứ phẩm trở lên (gọi là cấp lộc điền). Lực lượng sản xuất trong các đồn điền - trang trại - vừa áp dụng chế độ nô tỳ, vừa chủ yếu là bóc lột trực tiếp bởi phong kiến và phụ thuộc trực tiếp bởi nhà nước vì luật pháp cấm nông dân bỏ làng ra đi để bắt nông dân không ruộng phải cày ruộng, nộp thuế, lao dịch và binh dịch.

Đến đời nhà Nguyễn từ năm 1802 - 1855 triều đình đã ban hành 25 quyết định về khai hoang với hình thức chủ yếu là chiêu mộ dân phiêu tán để khai hoang lập ấp trại hoặc xã. Đồng thời, nhà nước dùng binh lính và tù nhân bị lưu đày để khai hoang; hoặc giao cho tư nhân chiêu mộ dân khai phá đất hoang để lập đồn điền - trang trại - phát canh - thu tô.

Đặc biệt thời kỳ thực dân Pháp đô hộ, chúng thực hiện dã tâm khai thác thuộc địa làm giàu cho chính quốc. Chúng thấy ngành nông nghiệp là ngành đầu tư ít vốn mà dễ dàng thu được lợi nhuận cao vì vừa có thể bóc lột được độ phì nhiêu của đất vừa bóc lột được sức lao động làm

thuê đến cùng tận. Năm 1888, toàn quyền Đông Dương ra các nghị định cho bọn địa chủ thực dân được quyền lập các đồn điền, trang trại. Đặc biệt với miền Đông Nam Bộ và Tây Nguyên nghị định còn cho phép bọn địa chủ thực dân được quyền lập các đồn điền rộng lớn mà chúng gọi là đất vô chủ. Chỉ sau 2 năm, năm 1890, số đồn điền trại ấp khắp ba miền Bắc - Trung - Nam được chúng thành lập đã lên tới 108 cái, với diện tích 10.898 ha, quy mô bình quân 100 ha/1 đồn điền. Đến giữa những năm 20, tổng diện tích mà chúng chiếm đoạt dưới nhiều thủ đoạn đã lên đến 470.000 ha (trong đó ở Nam kỳ 308.000, ở Trung kỳ 26.000 và ở Bắc kỳ 136.000 ha). Tổng số trang trại (đồn điền) đã lên tới 2.350 cái, chuyên trồng cao su, chè, hồ tiêu, dừa, lúa, mía, bông... Với quy mô vừa, lớn, nhỏ khác nhau có cái ở Bắc kỳ lên đến 8.515 ha. Nhưng bình quân chung ước chừng 200 ha/cái.

Kết quả lợi nhuận siêu ngạch chúng vơ vét ngày càng nhiều, chúng càng thi nhau phát triển trang trại cả về số lượng và quy mô diện tích đất đai kinh doanh. Tính đến năm 1930, bọn thực dân Pháp đã chiếm đoạt 1,2 triệu ha, bằng 1/7 tổng diện tích đất canh tác của nước ta lúc bấy giờ để lập trên dưới 4.000 đồn điền - trang trại với quy mô bình quân chừng 300 ha/cái.

Phương thức kinh doanh của các chủ đồn điền - trang trại dưới thời thực dân phong kiến theo cách thức sau:

+ Từ đầu đến giữa những năm 20 là phát canh thu tô theo lối phong kiến.

+ Từ sau những năm 20 đến trước cách mạng tháng 8 - 1945 chúng cường mộ công nhân vào làm các đồn điền - trang trại và bóc lột người lao động hết sức tàn nhẫn, vô nhân đạo, thậm chí chúng còn dùng xác chết của công nhân ở các đồn điền để bón cho cây cao su...

+ Từ cách mạng tháng 8 năm 1945 đến năm 1975.

- ở miền Nam: Các loại đồn điền tư bản, thực dân ở những vùng địch tạm chiến vẫn tồn tại và phát triển.

- ở miền Bắc: Nhà nước tiến hành tịch thu các đồn điền của thực dân Pháp và địa chủ phản động đem chia cho nông dân không ruộng và chuyển một số thành cơ sở sản xuất nông nghiệp của Nhà nước. Đến năm 1957, nhà nước đã chính thức thành lập các nông, lâm trường quốc doanh. Từ năm 1958 đến năm 1960 các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp, quy mô thôn đã được thành lập, rồi lên bậc cao, quy mô liên thôn, đến quy mô xã có tính phổ biến trên toàn miền Bắc. Các hình thức đó đã có tác dụng lớn trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cũng như xây dựng hệ thống thuỷ lợi, cải tạo đồng ruộng... nên sau năm 1975 cũng được áp dụng ở miền Nam. Các đồn điền (doanh điền) ở miền Nam đã được quốc hữu hoá như ở miền Bắc trước đây.

+ Từ 1975 đến năm 1986:

Như trên đã nói, sau khi giải phóng miền Nam những đồn điền - trang trại kiểu tư bản chủ nghĩa đã được nhà nước tịch thu và chuyển thành những nông trường quốc doanh. Ví dụ, hệ thống nông trường quốc doanh của cà phê Đắc Lắc được hình thành từ các đồn điền sau đây:

- Nông trường Phước An - từ các đồn điền của Cada, Dương Văn Minh, Tâm mật, Lý Chính.

- Nông trường 11/3 - được hình thành từ các đồn điền Dinfa, Tư Và, Me Wall.

- Nông trường Đoàn kết - được hình thành từ các đồn điền của Rossi, Trần Thiện Tích.

- Nông trường Thắng Lợi - từ đồn điền Hồ Trọng Yến, Trần Trọng Lưu, Fubert, Tú Hoa.

- Nông trường Eapock - từ đồn điền Larace, Freda, Chu Hoà Lâm.

- Nông trường Đức Lập - trước là đồn điền Tân Tân.

- Nông trường Ea Tiên - từ đồn điền Colonel, Rodon, Thái Quang Huyền, Trần Trọng Lưu.

Nói chung, thời kỳ hòa bình, khôi phục và phát triển nền kinh tế cả nước theo hướng quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và vẫn áp dụng mô hình cũ - xây dựng nền kinh tế nông nghiệp mang nặng tính kế hoạch, tập trung (thực tế là tập trung quan liêu). Chỉ có 2 hình thức kinh tế chủ yếu (trong thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa) là nông trường quốc doanh và hợp tác xã nông nghiệp đã bộc lộ nhiều khuyết tật cần được đổi mới.

* Hỏi:

Xin vui lòng khái quát quá trình đổi mới tốc độ, quy mô phát triển kinh tế trang trại trong kinh tế thị trường ở nước ta?

Đáp:

Để "đổi mới" về kinh tế, ở Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) đã chỉ ra, trong thời kỳ quá độ ở nước ta phải là "nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần" và tiếp đến (4/1989) trong nông nghiệp có Nghị quyết 6 (khoá VI) năm 1989 Đảng đã chỉ ra rằng "gia đình xã viên trở thành những đơn vị kinh tế tự chủ", đồng thời, luật doanh nghiệp tư nhân cũng được công bố ngày 3/1/1991. Đó chính là những cơ sở để hệ thống trang trại phát triển với tốc độ và quy mô ngày càng cao lớn hơn.

Trên thực tế, từ năm 1989 đến nay, ai tới Nam Bộ, đến huyện Mộc Hoá (thuộc vùng Đồng Tháp Mười) hoặc đến các tỉnh của đồng bằng Sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên hoặc tới các tỉnh duyên hải miền Trung, đồng bằng Bắc Bộ, các tỉnh miền núi phía Bắc sẽ thấy đó đây đã hình thành từng loạt trang trại. Các trang trại này chuyên môn hoá sản xuất lúa, mía, cà phê, sao sù, cây ăn quả, chè... và chăn nuôi các loại lợn, gia cầm, trâu bò. Hoặc chuyên môn hoá lúa kết hợp hợp lý các ngành với quy mô từ nhỏ, vừa, lớn đến cực lớn. Quy mô diện tích đất kinh doanh phổ biến là trên dưới 5 ha đến 10 - 20 - 30, thậm chí đến hàng trăm ha (như ngư trại khai hoang lấn biển nuôi trồng thuỷ sản nông thôn của ông Nguyễn Văn Khanh ở huyện An Hải - Hải Phòng có diện tích kinh doanh từ 246 - 300 ha).

Có trang trại rộng hàng nghìn hoặc hơn 200 ha đất canh tác hay làm trại trồng rừng như của ông Lâm Văn Thiệp cũng có hơn 200 ha. Các chủ trang trại hầu hết đã sử dụng lực lượng cơ khí, nhất là máy kéo và lao động làm thuê. Giá trị tổng sản phẩm của các trang trại loại nhỏ phổ biến là trên dưới 100 đến 200 triệu, loại vừa 200 triệu đến 1 tỷ, loại lớn 1 tỷ đến 5 tỷ, loại cực lớn là trên 5 tỷ. Chẳng hạn như trang trại nửa của bà Phạm Thị Thiên hàng năm có doanh thu trên dưới 30 tỷ đồng.

Đặc biệt, ở vùng đất mới khai hoang lấn biển của Cồn Ngạn huyện Gia Thủy (Nam Định) có một vùng đất 3.200 ha, trong đó đã có 1.700 ha được 59 chủ đầu tư lập nên 59 trang trại, bình quân mỗi trang trại có quy mô gần 30 ha, cá biệt có trang trại tới 120 ha. Các chủ trang trại đã quy hoạch xây dựng hệ thống ao, mua sắm phương tiện chuyên môn hoá nuôi tôm, cua... bán cho nhà máy đông lạnh của huyện và xuất khẩu cho các thị trường Nhật Bản, Hồng Kông. Hiệu quả kinh doanh của trang trại ngày càng cao, lợi nhuận thu được của các chủ trang trại ngày càng cao. Nhờ đó, vùng này đã trở nên trù phú.

Nhìn chung, các trang trại đã xuất hiện và phát triển ở nhiều nơi kể cả vùng đồng bằng sông Hồng là nơi đất hẹp người đông. Nhưng phát triển nhanh nhất là ở các tỉnh, huyện trung du, miền núi và nhiều tỉnh của Nam bộ hoặc ở vùng đất mới khai hoang, lấn biển.

Theo số liệu điều tra bước đầu của chúng tôi, năm 1989 tổng số có 5.125 trang trại, đến năm 1992 đã tăng lên đến 13.246 trang trại, nhiều hơn gấp 2,53 lần. Đến

ngày 1/7/1999 cả nước có 90.167 trang trại, tăng gấp 6,8 lần so với năm 1989. Diện tích đất kinh doanh nông nghiệp trong cùng thời gian từ năm 1989 đến 1992 đã tăng từ 22.946 ha lên 58.282 ha, gấp 2,54 lần, đến năm 1999 tăng lên 396.282 ha, gấp 6,81 lần so với năm 1992 và gấp 17,29 lần so với năm 1989. Vốn đầu tư của các trang trại cả nước, nếu tính từ khi mới thành lập ở năm 1989 của 5.215 trang trại có chừng 513.677 triệu đồng thì đến năm 1999 của 90.167 trang trại đã đầu tư đến 18.030.000 triệu đồng nhiều hơn gấp 35,1 lần. Điều đó phản ánh trình độ đầu tư thâm canh, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá của các trang trại trong 10 năm qua đã dần dần tăng lên. Tổng giá trị sản phẩm bình quân của các trang trại trong những năm 1997 - 1999 được chừng 9.575 tỷ đồng/năm chiếm 7,98% giá trị tổng sản phẩm nông nghiệp. Đặc biệt là tỷ suất nông sản hàng hoá của các trang trại ở năm 1992 chiếm 78,6% thì năm 1999 đã tăng lên đến 86,74%.

Như vậy, trong 10 năm qua kinh tế trang trại đã phát triển với tốc độ ở những năm sau tăng nhanh hơn những năm trước. Thêm vào đó cần lưu ý là ở những vùng có bình quân diện tích ruộng đất nông nghiệp cao và có truyền thống sản xuất hàng hoá như đồng bằng sông Cửu Long và những vùng trung du miền núi (có nhiều đất trống đồi trọc) hoặc ở các vùng khai hoang lấn biển (như Cồn Ngạn - Giao Thủy) thì tốc độ và quy mô phát triển trang trại rất nhanh. Chẳng hạn, ở hầu hết các huyện thị của Yên Bái.

Bình Phước, Bình Dương... trang trại đã phát triển rất mạnh. Chỉ tính riêng ở huyện Bảo Yên của tỉnh Yên Bái, năm 1992 mới có hơn 70 trang trại thì đến năm 1999 đã tăng lên hơn 1000 trang trại và nếu tính cho cả tỉnh Yên Bái thì đến tháng 8/1998 đã có 11.729 trang trại. Hiện nay, Yên Bái vẫn là tỉnh có số lượng trang trại nhiều nhất cả nước. Nhưng theo kết quả điều tra về kinh tế thì trang trại ở Yên Bái có giá trị tổng sản phẩm thấp (33.25 triệu đồng/trang trại), đặc biệt là có tỷ suất nông sản hàng hoá thấp (65.9%).

Có tình hình đó ở Yên Bái cũng như một số tỉnh khác là do hiện nay chưa có sự thống nhất tiêu chí phân định ranh giới rõ ràng giữa kinh tế hộ gia đình nông dân và kinh tế trang trại. Do đó, có thể là ở đây đã nhập một số kinh tế hộ gia đình nông dân loại khá, thậm chí chỉ là loại trung bình để tính chung vào cái gọi là "kinh tế trang trại gia đình"

* Hỏi:

Vui lòng phân tích và cho ví dụ về mô hình nông trại?

Đáp:

Mô hình nông trại đã và đang hình thành với nhiều hình thức rất phong phú, đa dạng về phương hướng kinh doanh - chuyên môn hoá và phối hợp hợp lý các ngành theo yêu cầu của thị trường và điều kiện kinh doanh trong từng môi trường cụ thể. Ở đây xin nêu lên ví dụ về một số

trang trại. Đó là nông trại anh Bình ở thôn Mai Hạ xã Tân Thanh - huyện Lạng Giang (Bắc Giang). Anh vốn là một nhà nông mới trưởng thành, có ý thức sản xuất hàng hoá kinh doanh, làm giàu trên đất gò đồi trong những năm có chính sách đổi mới. Kết quả là từng bước anh đã tạo lập được trang trại kinh doanh nông nghiệp có quy mô 5 ha. Trong đó ngành chuyên môn hoá sản xuất hàng hoá là chè búp có diện tích 2,5 ha và ngành phối hợp sản xuất hàng hoá là cây ăn quả có quy mô 0,5 ha. Đồng thời anh làm nông lâm kết hợp trên 1,5 ha rừng và sản xuất lương thực trên 0,5 ha để vừa có lương thực, thực phẩm, có củi đun cho nhu cầu đời sống hàng ngày của gia đình, vừa có gỗ làm sản phẩm hàng hoá.

Ở các tỉnh, huyện trung du phía Bắc, những mô hình như nông trại của anh Bình đã xuất hiện ngày càng nhiều. Các địa phương từ Đông Bắc đến Tây Bắc, Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái đã mọc lên khá nhiều trang trại với nhiều phương thức kinh doanh khác nhau. Ở đây, nói đến mô hình nông trại chuyên môn hoá sản xuất quế của anh Đặng Nho Thanh dân tộc Dao thuộc xã Viên Sơn huyện Văn Yên (Yên Bái). Cách đây 10 năm, anh cùng gia đình đã nhận thau 10 ha đất trống quế và xen các loại đậu đỗ cộng với hơn 2 ha đất được giao, anh bố trí trồng cây hàng năm. Với diện tích đó, lao động của gia đình anh cùng lao động thuê thời vụ đã trồng 2 vạn cây quế trong hai năm liền. Quế cho sản phẩm tương đối tốt là thời điểm sau 8 năm trồng. Khi đó, nếu tính mỗi cây cho 5kg quế với giá 5.000

- 6.000đ/kg (giá năm 1994) thì hàng năm nông trại anh có doanh thu quế từ 50 đến 60 triệu đồng. Đồng thời để phối hợp với chuyên môn hoá sản xuất quế, nông trại gia đình anh cũng đã bố trí sản xuất hợp lý các loại nông sản khác chủ yếu là lương thực, thực phẩm cho thị trường địa phương và chi dùng hàng ngày của gia đình.

Ở vùng đồng bằng sông Hồng, cũng như các đồng bằng nhỏ miền Trung, bình quân ruộng đất rất thấp (mỗi nông hộ chỉ có 0,3 ha đất canh tác). Trong nông thôn, ngoài nông nghiệp các ngành kinh doanh khác chưa được phát triển mạnh mẽ nên việc tập trung ruộng đất vào những hộ chuyên biết làm giàu có nhiều khó khăn. Tuy nhiên, cũng có một số chủ nông hộ có ý chí, muốn làm giàu và biết làm giàu đã tìm cách vượt qua khỏi "cái xiềng" 0,3 ha/hộ để phát triển trang trại chuyên môn hoá sản xuất hàng hoá. Trong số đó có nông trại của anh Ngô Văn Kịch (huyện An Hải - Hải Phòng). Anh nhận của hợp tác xã 4,8 ha ruộng xấu không ai quan tâm để cải tạo và đưa tiến bộ kỹ thuật vào kinh doanh sản xuất lúa. Anh đã trang bị máy công nông, máy bơm nước và máy xay xát để vừa chuyên môn hoá sản xuất lúa, vừa kết hợp dịch vụ và phát triển chăn nuôi 30 đầu lợn thịt trong năm. Kết quả hàng năm trang trại anh đã có tổng thu 184 triệu đồng.

Nếu đi khắp vùng đồi núi của miền Trung ta cũng thấy có nhiều trang trại. Chẳng hạn như nông trại chuyên môn hóa sản xuất cà phê phối hợp với trồng cây họ đậu của ông Nguyễn Văn Khai (một Việt kiều từ Thái Lan về). Ông đã xin cải tạo 8 ha đất đồi núi trọc bị bỏ hoang hoá ở

Đông Thiều - Nghĩa Dân (Nghệ An). Ông đã biết dùng các biện pháp cải tạo đất, trồng mới cà phê, chăm sóc cà phê đúng quy trình công nghệ theo hướng thâm canh cao, nhờ đó năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh doanh cà phê của ông rất cao. Doanh thu hàng năm đạt 180 - 250 triệu và lợi nhuận thu được 80 - 100 triệu đồng/năm.

Đến Tây Nguyên, bạn sẽ thấy rất nhiều trang trại được hình thành theo những hướng chuyên môn hoá khác nhau. Một trong những nông trại cần phải kể đến là nông trại của ông Chu Văn Ngôi. Ông từ quê Sen Hồ (Bắc Giang) vào xã Liên Hiệp, huyện Đức Trang - Lâm Đồng từ năm 1954???, làm rẫy làm vườn để sống. Đến nay, ông đã lập được một trang trại chuyên môn hoá trồng 3 ha dâu để nuôi tằm, 1,5 ha cà phê, 0,5 ha bơ. Với quy mô 5 ha đó, doanh thu hàng năm đã đạt chừng 200 triệu đồng. Ngoài ra, ông còn sản xuất lương thực và thực phẩm để cung cấp một phần sản phẩm hàng hoá cho thị trường tại chỗ và tiêu dùng trong gia đình.

*** Hỏi:**

Vui lòng phân tích một vài mô hình làm trại (có thực) đã thành công trong kinh doanh thời gian vừa qua.

Đáp:

Thực hiện chủ trương, chính sách và các dự án giao đất, giao rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc của Nhà nước và chương trình PAM, trong những năm qua nhiều lâm trại

độc lập và lâm trại hình thành trong lòng các lâm trường đã xuất hiện hết sức phong phú. Có loại nhỏ (trên dưới 50 ha), loại vừa (hàng trăm ha), loại lớn hàng ngàn ha như lâm trại của ông Lâm Văn Thiệp rộng đến 2.000 ha. ở đây, xin đề cập đến mấy mô hình chủ yếu cần được khuyến khích.

+ Mô hình lâm trại của ông Nguyễn Hữu Giảng (Thanh Cao, xã Ngọc Thanh, Mê Linh, Vĩnh Phúc).

Đây là lâm trại được hình thành với quy mô 290 ha (220 ha rừng trồng và tu bổ 70 ha rừng tái sinh). Năm 1989, sau khi được hạt kiểm lâm giao đất sử dụng theo hợp đồng 30 năm, với phương thức nhà nước cấp 250 kg gạo cho 1 ha lâm lương thực ăn để trồng rừng và quy định người trồng được hưởng 80% sản phẩm cây rừng và hưởng 100% sản phẩm tán rừng, ông đã đầu tư 60 triệu đồng (trong đó có 10 triệu đồng vay quỹ tín dụng ngân hàng) và đưa 20 lao động làm thuê cùng công cụ đến dựng trại, ươm giống, quy hoạch trồng và tu bổ rừng theo đúng quy trình kinh tế, kỹ thuật. Năm 1990 ông đã trồng thành công 220 ha rừng bạch đàn Ôxtrâylia, keo tai tượng. Đến nay, ông đã bắt đầu thu được một số sản phẩm của rừng. Theo số liệu dự tính cho biết trên 1 ha trồng bạch đàn, keo tai tượng sau 10 năm thu được 100 m³ gỗ. Giá 1 m³ gỗ là 240.000 đồng (giá năm 1993). Như vậy (không kể 70 ha rừng chăm sóc, sản phẩm phụ và sản phẩm nông nghiệp dưới tán rừng), chỉ kể 220 ha rừng trồng kinh doanh (24 triệu x 220 ha = 5.280 triệu), thì sau đó là 4.224 triệu đồng. Nếu trừ tổng chi phí thì ông sẽ có lãi những 200 triệu đồng. Ngoài ra, ngay từ đầu, ông đã biết làm nông

lâm kết hợp để sản xuất một số nông sản phẩm, bảo đảm nhu cầu tại chỗ và còn có một số đáng kể là sản phẩm hàng hoá. Tính ra hiệu quả lâm - nông của trang trại ông rất lớn.

+ Mô hình lâm trại của anh Trần Quốc Chấn (Phú Sơn - Vĩnh Phú).

Trang trại này có quy mô 230ha rừng trồng kinh doanh .

Anh Trần Quốc Chấn, nguyên là công nhân của nông trường chè Phú Sơn đi bộ đội, bị thương nhẹ, năm 1985, trở về nông trường, làm đội trưởng đội 1. Đến năm 1988, anh thấy trong số đất đội anh quản lý có một số đất trồng chè không có hiệu quả, anh làm đơn xin trồng rừng. Có đất, anh lại được Liên hiệp các xí nghiệp nguyên liệu giấy Vĩnh Phúc (thuộc bộ Nông nghiệp cũ) giúp đỡ, đầu tư về vốn, vật tư, hạt giống, đưa máy đến làm đất và hướng dẫn kỹ thuật trồng. Năm 1989, anh lập trại và trồng được 43 ha, năm 1990 trồng được 40 ha, năm 1991 trồng được 77 ha, năm 1992 trồng được 70 ha.

Trong quá trình trồng rừng, lúc thời vụ anh phải thuê lao động có khi đến 80 người, đồng thời anh đã cho 16 gia đình làm lán ở những nơi có nước, có điều kiện thác khe, dọc làm lúa và trồng cây công nghiệp xen cây rừng trước khi khép tán, vừa bảo đảm tăng thu nhập cho gia đình họ, vừa thuê họ bảo vệ rừng. Theo hợp đồng, khi khai thác gỗ gia đình người bảo vệ được hưởng 10 - 12% số lượng trên diện tích họ bảo vệ. Nhờ vậy, rừng khép tán nhanh, xanh tốt và không bị mất. Khi thu hoạch sản phẩm gỗ

(90m³/hecta) ở chu kỳ I Liên hiệp(dầu tư vốn, vật tư, hạt giống và cày đất) hưởng 70%, anh Chấn hưởng 30%. Từ chu kỳ II và III anh Chấn hưởng 100%.

Cùng với trồng rừng, anh Chấn thuê máy đắp 4 hố nhỏ có diện tích chừng 4 héc-ta để nuôi cá. Hàng năm, anh còn có thêm thu hoạch về sản lượng cá. Chỉ năm, sáu năm sau (kể từ năm 1992) anh Chấn đã trở thành tỷ phú nhờ hiệu quả của việc kinh doanh rừng, cung cấp nguyên liệu cho nhà máy giấy Bãi Bằng.

+ Mô hình nông trại của ông Việt (xã Đội Bình, huyện Yên Sơn, Tuyên Quang).

Mô hình nông trại này có quy mô 50 hecta rừng trồng ở "trong lòng" của lâm trường Nguyễn Văn Trỗi (Tuyên Quang) - một lâm trường làm dịch vụ nghề rừng.

Đầu năm 1993, ông nông dân Việt tự nguyện nhận 30 ha đất trống đồi trọc của lâm trường, sau đó ông nhận thêm 20 ha nữa để làm trại trồng rừng (chủ yếu là trồng keo tai tượng). Việc nhận đất trồng rừng của ông Việt với lâm trường Nguyễn Văn Trỗi được thống nhất như sau:

+ Về vốn: Được UBND tỉnh dùng vốn ngân sách đầu tư (qua lâm trường) cho mỗi ha số tiền đủ mua 3.300 cây giống và 120 kg phân NPK. Sau khi nghiệm thu, các hộ, các lâm trại trồng rừng được vay vốn (với lãi suất ưu đãi) trong vòng 3 năm để chăm sóc. Năm đầu được vay 500.000đ cho một ha, năm thứ hai 200.000đ, năm thứ ba 100.000đ với yêu cầu là phải trồng đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm tỷ lệ cây sống 90%. Qua nghiệm thu lần

đầu hộ nào, lâm trại nào trồng không đảm bảo thì phải trả lại vốn đầu tư ban đầu và không được vay vốn, đất chuyển sang cho hộ khác trồng. Trên thực tế, kết quả cây sống đến 95%.

+ Về kỹ thuật: Có tổ khuyến nông của lâm trường do một số kỹ sư làm tổ trưởng (kỹ sư lĩnh lương theo kết quả về số lượng và chất lượng rừng trồng của nhân dân). Có kỹ sư tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng. Lâm trường làm dịch vụ cung cấp cây giống để theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn trồng đúng kỹ thuật. các tổ viên tổ khuyến nông là những già làng có uy tín, cán bộ nông hội, thanh niên, hội phụ nữ. Họ được lâm trường trả một khoản phụ cấp trích từ khoản quản lý 5% doanh số.

+ Về lao động và công cụ sản xuất: Lâm trại của ông Việt ngoài số lao động của gia đình, ông còn thuê chừng 10 lao động từ các tỉnh miền xuôi lên để trồng chăm sóc rừng trồng, được trả công hợp lý.

+ Về lợi ích kinh doanh: Với phương châm "Ai trồng cây nào hưởng cây nấy", lại được nhà nước (thông qua lâm trường) đầu tư hỗ trợ ngay từ đầu về giống và vốn. Đó chính là động lực quan trọng khuyến khích người trồng rừng nói chung cũng như lâm trại của ông Việt.

* Hỏi:

Gia đình tôi có lợi thế là có diện tích mặt nước lớn. Tôi nghĩ rằng mình có thể thành lập một ngư trại. Tôi đã tìm hiểu những kiến thức chung về kinh tế trang trại -

kinh tế ngư trại nhưng tôi muốn được hiểu rõ hơn về loại hình kinh tế này qua một số mô hình cụ thể. Xin chuyên gia chỉ giáo giúp?

Đáp:

Như chúng ta biết, do đặc điểm về quy mô diện tích mặt nước có khả năng phong phú để thu hoạch, khoanh bao, cải tạo, sử dụng nuôi trồng thủy - hải sản có ở nhiều vùng, nhất là ven bờ biển suốt từ Móng Cái đến mũi Cà Mau, mà từ lâu người nông dân đã tạo lập nhiều "đầm", "hồ", "trại" nuôi tôm, cua, cá, rong câu... Tất cả những mô hình kinh tế này gọi là ngư trại.

Theo yêu cầu của bạn, chúng tôi xin nêu mô hình về kết quả khai hoang lấn biển, tạo lập ngư trại chuyên môn hoá sản xuất hàng hoá.

Mô hình ngư trại chuyên môn hóa sản xuất tôm phối hợp nuôi cua, cá, rong câu của ông Nguyễn Văn Khanh (xã Tràng Cát, Huyện An Hải, Thành phố Hải Phòng).

Đây là ngư trại có quy mô diện tích đến năm 1992 là 246 ha kinh doanh. Năm 1985, gia đình ông Khanh cùng với 100 hộ gia đình khác đến nơi đất bồi sát biển cách quê cũ 1 km để khoanh vùng, xây dựng vùng kinh tế mới, lập nên hợp tác xã Tân Vũ theo quy hoạch của huyện. Tuy nhiên, do cách quản lý, tổ chức của hợp tác xã còn chưa hiệu quả nên tiềm lực kinh tế của hợp tác xã còn yếu. Đời sống xã viên còn gặp nhiều khó khăn nên 80% xã viên sau này phải trở về quê cũ. Riêng ông Khanh suy nghĩ: "Gia

đình ông kể cả con dâu, con rể, cháu nội, cháu ngoại đến 30 khẩu, 16 lao động, không thể trở lại quê cũ để sống chen chúc với diện tích là 240 m²". Ông quyết định, phải vươn ra biển, vươn ra ngoài vùng quy hoạch, ngoài đê bao của Hợp tác xã Tân Vũ để khai hoang lấn biển, tạo lập một "ngư trại" chuyên môn hoá nuôi tôm hàng hoá xuất khẩu. Năm 1987, ông Khanh thực hiện suy nghĩ đó với lòng tự tin và quyết tâm cao. Ông đã tổ chức gia đình tiến hành đào đắp, khai hoang quai đê lấn biển được 6 ha. Chi phí vốn xây dựng cơ bản (không kể công lao động của gia đình) hết 4,7 triệu đồng. Diện tích này được tiếp tục quy hoạch xây dựng thành ao nuôi tôm, cá, cua của ngư trại ông bước đầu đã đạt được gấp 2 đến 2,5 lần so với năng suất cùng loại của Hợp tác xã Tân Vũ. Năm 1989 - 1990, từ kết quả đã đạt được càng tăng thêm lòng tự tin, ông quyết định mở rộng quy mô bằng cách tiếp tục khai hoang lấn biển trên diện tích lớn gấp 10 lần, tạo ra 70 ha nữa. Trong đó phải đào đắp đến 45.000m³, xây 5 cống, 4 phai, 8 nhà bảo vệ và mua dụng cụ đánh bắt hải sản với số vốn cần có là 232,5 triệu đồng. Ông phải tự tạo vay mượn bằng nhiều cách, vượt qua nhiều khó khăn mới có được.

Cùng thời gian này (1989 - 1990), ông đã nhận khoán thầu của HTX Tân Vũ một số diện tích là 70 ha (phải trả cho HTX là 26 triệu đồng/năm và cần có thêm vốn kinh doanh là 24 triệu). Kết quả là năm 1990, ngư trại của ông đã thu được 82 tấn tôm, cá, cua xuất khẩu với doanh thu 178 triệu đồng (thời giá lúc đó).

Năm 1991 - 1992 từ kinh nghiệm và thắng lợi đã đạt được, cùng với số vốn ban đầu tích luy đã có, ông lại quyết

định khai hoang lấn biển thêm 100 ha nữa. Đến năm 1992, ngư trại của ông đã lên tới 246 ha, để đảm bảo nhu cầu kinh doanh, hàng năm ngoài số 16 lao động của gia đình, ông phải thuê 113 lao động thường xuyên. Trong đó, ông đã thu nhận 43 lao động từ trại tị nạn Hồng Kông trở về (riêng khi khai hoang lấn biển có ngày ông phải thuê 300 - 400 lao động).

Kết quả, năm 1991, ngư trại của ông bước đầu đã thu được 92 tấn tôm xuất khẩu, đạt doanh thu 320 triệu đồng. Theo hạch toán sơ bộ, hàng năm ông đạt lợi nhuận trên dưới 100 triệu đồng.

Trong những năm tới, với quy mô diện tích đó, ông sẽ trang bị và áp dụng những kỹ thuật đồng bộ vào nuôi tôm và các loại hải sản khác, doanh thu hàng năm sẽ tăng lên không dưới 3 tỷ đồng và ông sẽ có lợi nhuận 90 triệu đồng đến 1 tỷ đồng/năm.

*** Hỏi:**

Xin cho biết những đặc điểm chủ yếu của một mô hình nông - lâm trại bằng việc phân tích một mô hình cụ thể, có thực ngoài đời sống và đã có những thành công nhất định?

Đáp:

Thực tiễn cho thấy mô hình nông - lâm trại là hình thức khá phổ biến hiện nay. Theo yêu cầu của bạn chúng tôi xin nêu vài mô hình có thật để chúng ta cùng tham khảo.

a. Mô hình từ làm nương, làm VAC phát triển thành nông - lâm trại của vợ chồng anh Trần Đình Thiện ở dốc Cun cách thị xã Hoà Bình 8 km.

Trang trại nông - lâm này có quy mô 11 ha đất kinh doanh nông - lâm nghiệp. Vợ chồng anh Thiện là người dân tộc Mường. Họ vốn là hai nhà giáo nghèo. Năm 1985 về hưu tại thị xã Hoà Bình. Dựa vào những tri thức hiểu biết về đặc điểm tự nhiên và những lợi thế của đất dốc khe suối, đổi rừng với những kỹ thuật canh tác các loại cây trồng, vật nuôi và thị trường trong kinh doanh nông - lâm nghiệp ở đây. Chiến lược của họ như sau:

+ Bước một (1985 - 1988): Lúc đầu khi mới về hưu, năm 1985 - 1986, vợ chồng anh chỉ đi tìm đất phát nương làm rẫy để có sản phẩm khắc phục khó khăn trong cuộc sống. Đến năm 1987, vợ chồng anh quyết định tạo vốn lập VAC ở cây số 3 Dốc Cun bằng cách bán đi đôi khuyên tai vàng 1 chỉ (vật kỷ niệm ngày cưới) duy nhất để bắt đầu sự nghiệp kinh doanh nông - lâm nghiệp .

Về hướng kinh doanh, anh xác định là sản xuất nông - lâm sản hàng hoá mà trước hết phải bắt đầu theo mô hình VAC 1 ha và làm nương trên diện tích đã có 3 ha rồi mở rộng thêm 1 ha đất nông nghiệp nữa, làm từ nhỏ đến lớn vì vốn và nhân lực lúc đầu quá ít. Anh đã biết dựa vào lợi thế tự nhiên của đôi rừng, khe suối để tạo 3 ao nuôi cá, quy hoạch gieo trồng bằng cách lấy ngắn nuôi dài. Sản xuất rau màu và vừa thử nghiệm vừa phát triển tập đoàn cây ăn quả (chuối, mít, đu đủ, dứa, quýt, nhãn lồng, vải thiều...) cây rừng và chăn nuôi (lợn, gà, bò, ong) theo

hướng sản xuất hàng hoá cho nhu cầu thị trường thị xã Hoà Bình.

+ Bước hai (năm 1989): Nhờ có chương trình trồng rừng của PAM cộng với kết quả kinh doanh đã đạt được, vợ chồng anh quyết định mở rộng quy mô kinh doanh bằng cách nhận trồng 6 ha rừng (các loại keo và bạch đàn) trên đất trống đồi trọc. Thời gian vợ chồng anh được giao 6 ha này là 50 năm với tiêu chuẩn như sau: Năm khai hoang, trồng mới được cấp 290 kg gạo/ha, 4 năm chăm sóc được cấp $140 \text{ kg/năm} \times 5 = 560 \text{ kg gạo/ha}$, sản phẩm được hưởng 100% sau khi đóng thuế rừng... Đồng thời anh dùng phương pháp "thuỷ phá thổ" khai thông mương nước, xây thêm ao cá, đắp cao thêm bờ, dâng nước lên, vừa mở rộng diện tích nuôi cá, vừa lấy nước tưới cho cây trồng vừa góp phần bảo vệ môi trường. Đặc biệt, đáng lưu ý là anh biết dùng một số cống thông thủng qua các bờ do ở những độ cao thích hợp vừa tạo ra sự tác động làm thông thoát nước, vừa tạo ra lượng oxy thường xuyên cho cá trong ao. Do đó, năng suất cá đạt cao (1.1 tấn/200m³ - tính ra bằng 6 tấn cá/ha).

Đến năm 1995, anh đã xây một đập tràn dâng nước, vừa mở rộng diện tích nuôi cá lên 3.200 m² đồng thời làm thuỷ lợi nhỏ (3 - 5 kw/h).

Về lao động, mấy năm đầu chủ yếu là sử dụng lực lượng lao động trong gia đình (kể cả con gái, con rể cũng đến làm trong những ngày chủ nhật, ngày nghỉ phép, ngày

lễ). Năm 1989, để trồng hết 6 ha rừng trong thời vụ, anh đã thuê 20 công nhân làm thường xuyên hơn một tháng. Đồng thời, ngoài số lao động thời vụ cần thuê làm quanh năm để phát triển vườn cây ăn quả và mở rộng chăn nuôi, anh phải thuê 6 lao động làm việc thường xuyên chuyên về chăn nuôi và trồng, chăm sóc vườn cây ăn quả là chủ yếu. Làm theo định mức kinh tế - kỹ thuật đã định. Tiến công trả theo thời giá. Ví dụ năm 1989, ăn trưa và trả 7.000đ/ngày cho lao động thời vụ, còn số người làm thường xuyên thì trả từ 250 - 300 đồng/tháng theo chế độ hợp đồng được quy định cụ thể.

Trong áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào mỗi loại cây trồng, vật nuôi, anh Thiện có rất nhiều kinh nghiệm, đặc biệt là chăn nuôi gà. Anh có kinh nghiệm rất hay là nuôi giống gà rừng, màu sắc rực rỡ, vạm vỡ, khỏe và hầu như miễn dịch.

Ban đầu đàn gà chừng 400 - 500 con toả lên nương, đồi rừng kiếm ăn và có đàn chó (đã được huấn luyện) đi theo bảo vệ đàn gà. Chiều đến, người chăn nuôi vãi xuống sân chừng vài chục cân sắn nạo cộng với 10kg thóc (hoặc ngô), cả đàn đua nhau ăn một loáng là hết.

Kết quả kinh doanh tính cho năm 1990 và bình quân 3 năm (1997 - 1999) trang trại của anh Thiện đã tăng doanh thu lên 26,5 %. Trong năm 2000, khi bắt đầu khai thác gỗ thì nông lâm trại của anh có mức doanh thu 250 triệu đồng/năm.

b. Mô hình nông lâm trại của anh Nguyễn Thanh Hào (xã Nông Tiến - thị xã Tuyên Quang).

Nông - lâm trại của anh Hào đã phát triển khá phong phú, có bước đi vững chắc với kế hoạch khá hợp lý. Điều đó được thể hiện như sau:

- Bước một (năm 1981 đến 1989).

Năm 1981, anh Hào là cán bộ Sở lâm nghiệp về hưu, vốn có ít nhiều hiểu biết về nghề trồng hoa và cây cảnh do khi còn trẻ sống "tạm trú" ở Ngọc Hà (Hà Nội) nay lại ở gần kẻ chợ thị xã - nơi có nhu cầu cao về hoa, cây cảnh, trái cây và nhiều sản phẩm khác. Anh quyết định chuyên làm vườn trồng hoa, cây cảnh và một số cây ăn quả (hồng xiêm, mận, dứa, na, đu đủ, quýt). Vợ chồng anh làm ruộng nuôi lợn trên diện tích đất mới chỉ có 1ha.

- Bước hai (năm 1990 đến 1992).

Lúc này, Nhà nước đã ban hành chính sách mở rộng giao đất, giao rừng cho nông dân sử dụng lâu dài. Năm 1992 anh được nhận 6,2ha đất trồng đồi trọc trong đó có 2ha chè của Liên hiệp xí nghiệp chè Tuyên Quang giao tu bổ theo hợp đồng bán chè búp tươi cho xí nghiệp, còn 4,2ha là đất trồng rừng. Số đất trồng rừng này sau khi trồng, anh chăm sóc 1,2ha, còn 3ha giao cho gia đình bà cô ruột chăm sóc, bảo vệ và thu hoạch phân chia theo chi phí mỗi người đã bỏ ra. Để thực hiện kế hoạch trồng mới và chăm sóc, trong những năm 1990 đến năm 1992 anh đã đầu tư:

- Vốn hết 20 triệu đồng tự có.

- Lao động: Ngoài 3 lao động của gia đình, năm 1990 anh phải thuê thêu 8 người làm cả năm để san lấp mặt bằng, cải tạo đất và trồng mới. Đến năm 1992, anh thuê thường xuyên 3 lao động theo hợp đồng ăn ở anh lo, trả 300.000đ /tháng/người.

- Công cụ lao động đã có: 1 trâu cày, một máy bơm nước 1.8 KMA; 1 máy bơm thuốc trừ sâu D19 của Nhật.

Kỹ thuật trồng được sự hướng dẫn của Sở và của Hạt kiểm lâm thị xã Tuyên Quang.

Kinh nghiệm của anh cho thấy: Để thực hiện quy trình công nghiệp theo hướng thâm canh cây trồng cần có thêm một đến hai lao động, một máy bơm nước 20m³/giờ, cần xây hai bể nước lớn dự trữ để tưới trong mùa khô, cần vay 10 triệu đồng theo chính sách ưu đãi, sau một năm sẽ hoàn trả đủ. Ngoài ra, nếu còn đất trống, đổi trồng thì xin nhận làm thêm 3ha nữa và sẽ thuê thêm 3 lao động nữa để mở rộng quy mô kinh doanh.

Sau thời gian từ năm 1992 đến năm 1995, cơ bản anh đã thực hiện được những mục tiêu đặt ra.

Trong việc tiêu thụ, chè búp anh bán cho Liên hiệp xí nghiệp chè Tuyên Quang. Các sản phẩm hoa tươi, cây cảnh và trái cây bán được ở ngay tại chợ ở địa phương với số lượng lớn. Trang trại làm ra 10 tấn bột/năm được bán ra thị trường biên giới Việt Trung. Các loại sản phẩm gỗ như: bạch đàn, keo tai tượng được bán cho các nhà máy giấy.

Doanh thu đã đạt được và dự tính: Năm 1991 đạt 18 triệu; năm 1992 đạt 25 triệu. Từ năm 1995 đến năm 2000 (thời kỳ định hình của nông - lâm trại) có tổng doanh thu 160 - 200 triệu đồng với lợi nhuận ước chừng 50 - 80 triệu đồng/năm.

c. Mô hình nông - lâm trại của anh Phan Hung Lãng (xã Thịnh Hưng, Yên Bình, Yên Bái)

Đây là trang trại có quy mô 8,5 ha. Anh Lãng là bộ đội xuất ngũ và chị Triệu (vợ anh) là y tá nông trường về hưu, cuộc sống của hai vợ chồng lúc đó thật khó khăn. Khi có chủ trương giao đất, giao rừng và có sự hỗ trợ về vốn, kỹ thuật của huyện, vợ chồng anh chị quyết định nhận 8.5 ha, bán cả nhà ở mặt phố huyện để đầu tư tạo lập trang trại. Bước đầu anh dựng nhà ngay trong nông lâm trại trên đồi và đào ao lớn, xây bờ ao bằng đá láng xi măng, chia ao ra làm 4 ngăn để nuôi cá giống, lươn, ba ba... Thực hiện chủ trương lấy ngắn nuôi dài, mấy năm đầu anh trồng chè, cây ăn quả, nuôi cá. Anh chị đã dành phần lớn tiền thu được để mua phân bón, giống mới, mở rộng diện tích trồng rừng (bồ đề, bạch đàn), trồng quế. Cuối cùng cơ cấu kinh doanh của trang trại anh gồm: Vườn cây ăn quả, ao nuôi cá 1,5 ha, chè, sản phẩm hàng hoá. Hơn nữa, trang trại của anh chị còn trồng xen cây lương thực, đậu đỗ... với cây dài ngày khi chưa khép tán.

- Về lao động:

Thời gian đầu, anh chủ yếu sử dụng nguồn lực gia đình nhưng trong lúc thời vụ có khi anh phải thuê 12 đến 20 lao động. Dự kiến, khi mở rộng kinh doanh đặc biệt là thâm canh

cao đồi chè, vườn cây ăn quả và phát triển chăn nuôi thì hàng năm ngoài thuê lao động thời vụ, trang trại của anh cần thuê thêm 5 lao động thường xuyên trong năm.

- Về doanh thu.

Năm 1992, tổng doanh thu của trang trại anh chị Lãng mới được hơn 10 triệu. Dự tính đến năm quế và gỗ rừng, cùng các loại cây ăn quả lâu năm cho thu hoạch và trình độ thâm canh chè được nâng lên thì mỗi năm nông - lâm trại của anh sẽ có tổng doanh thu chừng 100 đến 150 triệu đồng và trừ chi phí sẽ còn lãi 30 đến 50 triệu đồng/năm.

d. Mô hình trang trại nông lâm (VACR) của ông Lò A Quảng (Dân tộc Dáy ở xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai).

Lò A Quảng là người nông dân thiếu số kinh doanh giỏi nổi tiếng ở Lào Cai. Trang trại của ông là một trong những mô hình ở miền núi của đồng bào dân tộc ít người đang được trân trọng học tập. Đây là trang trại nông lâm kết hợp với 12ha đất canh tác thành công bậc nhất ở Lào Cai.

Gia đình ông Lò A Quảng là một gia đình thuần nông có 6 nhân khẩu, sống trên vùng rừng núi với "vốn" tự có chủ yếu là đất nông - lâm nghiệp. Tuy vậy, trước năm 1992, trang trại vẫn chủ yếu trồng màu trên 0.5 ha nương rẫy. Bởi vậy, cuộc sống quanh năm chỉ tạm đủ lương thực cho sự sinh tồn của gia đình.

L hưởng ứng cuộc vận động đổi mới, thi đua sản xuất giỏi, xóa đói giảm nghèo được Đảng và nhà nước phát động từ đầu năm 1992, ông Quảng suy nghĩ, trăn trở rất

nhiều. Ông tự đặt câu hỏi cho mình: Làm thế nào để làm giàu chính đáng? Để trả lời câu hỏi đó, ông đã quyết chí tự tìm tòi học hỏi và tham gia học tập, tham quan các nông hộ sản xuất giỏi do huyện, xã tổ chức. Sau khi học tập, ông liên hệ với điều kiện cụ thể về khả năng phát triển kinh doanh sản xuất nông sản hàng hoá của gia đình để tính toán, bàn bạc với gia đình cũng như tham khảo ý kiến của bạn bè, của những người có kinh nghiệm để lập kế hoạch xây dựng trang trại. Bước đầu, ông tạo được số vốn 30 triệu đồng bằng cách huy động toàn bộ nguồn lực của bản thân, đồng thời vay vốn tín dụng ngân hàng, vay thêm của anh em và bè bạn. Với số vốn này, ông tập trung đầu tư kinh doanh theo hướng thâm canh lúa - màu, phát triển chăn nuôi bò, đắp hồ thả cá, trồng cây ăn quả, trồng - bảo vệ rừng và kinh doanh máy xay xát.

Kết quả kinh doanh trong năm 1992 ông đã thu được 35 triệu đồng, nên chẳng những đã trả hết nợ vay 15 triệu đồng mà còn tăng thêm vốn đầu tư thêm 5 triệu.

Tiếp theo những năm 1993, 1994, 1995, 1996 và những năm sau đó để đảm bảo thâm canh phát triển kinh doanh, tăng thêm vốn đầu tư do lãi mang lại, hàng năm ông phải thuê hàng trăm công lao động thời vụ và lao động làm thường xuyên. Nếu tính quy ra lao động làm thuê thường xuyên trong năm thì năm 1997 là 10 người, năm 2000 là 13 người. Như vậy, ông Quảng đã góp một phần nhỏ giải quyết công ăn việc làm tại chỗ cho một số người thiếu việc làm. Đặc biệt ông còn hướng dẫn, giúp đỡ cho những người làm công cho mình một số cây con giống.

vốn và kinh nghiệm làm ăn cho một số hộ đói nghèo. Hiệu quả của việc này là đã giúp được 2 hộ từ đói nghèo trở thành trung bình và khá.

Về mặt kinh tế, kết quả kinh doanh của trang trại ông ở năm 1997 và kế hoạch phát triển kinh doanh trong năm 2000 được thể hiện ở bảng dưới đây:

Kết quả kinh doanh năm 1997 và dự tính kế hoạch năm 2000 của trang trại ông Lò A Quảng

Các ngành (cây con) kinh doanh	Quy mô Kinh doanh	Năm 1997 (triệu đồng)		KH 2000 (triệu đồng)	
		Tổng thu	Lãi	Tổng thu	Lãi
- Lúa nước	0,4 ha	7	-	9	-
- Mầu	0,5 ha	8	-	9	-
- Vườn nhãn, vải	1,5 ha	Chưa thu hoạch	-	100	-
- Rừng + Trồng	0,2 ha	Chưa thu hoạch	-	Chưa thu hoạch	-
+ Khoanh nuôi	6,8 ha	Chưa thu hoạch	-	Chưa thu hoạch	-
- Ao hồ nuôi cá	1,5 ha	20	-	40	-
- Bò	40 - 80 con	15	-	30	-
- Trâu	8 - 15 con	5	-	10	-
- Lợn + Thịt	5 - 10 con	3	-	6	-
- Nái	1 con		-		-
- Gia cầm	200 - 400 con	3	-	6	-
- Máy xay xát	1 cái	4	-	6	-
Tổng cộng		65	25	216	85

Số liệu của bảng trên cho thấy, về quy mô diện tích đất canh tác về ao hồ kinh doanh nông nghiệp không tăng. Nhưng, do ông Quáng đầu tư thâm canh khoa học, vườn nhân lồng, vườn vải thiều năm 2000 đã cho quả nên giá trị tổng sản phẩm tăng 32% và lợi nhuận cũng tăng tương ứng 34%. Tổng thu nhập năm 1997 là 65 triệu đồng đến năm 2000 lên 216 triệu đồng. Nếu đến năm 2003, rừng trồng và rừng khoanh đưa vào khai thác và vườn cây ăn quả ở độ sung sức thì giá trị tổng sản phẩm có thể tăng lên hơn 250 triệu đồng và ước lãi trên dưới 100 triệu đồng. Kết quả đó nói nên trình độ tổ chức và quản lý kinh doanh trang trại của ông Lò A Quáng là rất đáng để cho chúng ta học tập, vận dụng trong phát triển trang trại ở các vùng, nhất là ở miền núi.

* Hỏi:

Xin cho biết trang trại có quy mô kinh doanh lớn nhất hiện nay có diện tích bao nhiêu ha? Loại trang trại này có những đặc trưng chủ yếu nào? Xin nêu một số trang trại có quy mô kinh doanh lớn đạt hiệu quả ở nước ta trong những năm qua để chúng tôi tham khảo học tập?

Đáp:

Như bạn đã biết trong những năm qua kinh tế trang trại của nước ta có tốc độ và quy mô tương đối lớn. Trong đó có nhiều mô hình rất đáng được học

tập. Những trang trại được xếp vào loại quy mô kinh doanh lớn thường có diện tích từ 300 - 400 đến hàng ngàn ha. Loại hình trang trại này ở nước ta có một số mô hình nổi tiếng như: Trang trại kinh doanh nhiều loại cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao của ông Trần Vũ Tiến đất Lâm Đồng có quy mô diện tích 815 ha; Trang trại rừng của ông Lâm Văn Hiệp (TP Hồ Chí Minh) có diện tích trên 2000 ha, đặc biệt trang trại nửa ở Long An của bà Phạm Thị Thiên có diện tích 2350 ha (thuê cả người quản lý trang trại). Hay ông Võ Quang Huy ở Thành phố mà hàng ngày tự lái ô tô đi chỉ đạo 3 trang trại ở 3 tỉnh: Trang trại Cao An ở Bình Dương, trang trại mía ở Tây Ninh và trang trại lúa ở Đồng Tháp Mười. Khảo sát về những trang trại có quy mô lớn này chúng tôi thấy có một số đặc trưng chung sau:

- Về đất.

Để tích tụ được nhiều, nhanh, đất tốt, các nhà kinh doanh thường có lắm "nghệ thuật" để "được cấp", "được giao", "được mướn" (đối với nhà nước) hoặc được "sang nhượng" (đối với nông dân đói nghèo phải vay nặng lãi). Họ hình thành những lô, những khu đất liền khoảnh và thường có độ phì nhiêu cao. Đất ở những vùng này vẫn còn đang giữ được độ phì nhiêu, có mặt bằng thích hợp, độ dốc ít... để phù hợp với các loại cây có giá trị kinh tế cao như: cà phê, hồ tiêu, cao su, cây ăn quả, quế, đào... Chẳng hạn, trang trại của ông Trần Vũ ở Lâm Đồng rộng đến 815 ha và có khả năng tăng lên 100 ha. Hoặc trang trại nửa

khổng lồ của bà Phạm Thiên rộng đến 2350 ha ở Long An và có khả năng còn tiếp tục tăng lên. Hay trang trại rừng của ông Lâm Văn Hiệp rộng hơn 2000 ha ở Bình Dương.

- Về vốn và trang bị kỹ thuật.

Nói chung, các chủ trang trại này đều có nguồn vốn tự có tương đối lớn, thừa khả năng trang bị máy móc, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các quá trình của hoạt động kinh doanh. Ví dụ như trang trại Trần Vũ đã trang bị một máy ủi, 7 máy bừa, 15 máy bơm nước, 10 xe công nông. Trang trại đã có nhà máy xay xát chế biến cà phê và còn dự định xây một trạm thủy điện tại một dòng thác lớn đảm bảo cung cấp đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt. Tổng cộng vốn đã đầu tư đến cuối năm 2000 của trang trại là 28 tỷ đồng. Tuy nhiên cũng còn nhiều trang trại trồng rừng, trồng mía, sản xuất lúa có mức trang bị thấp.

- Nhân công và tiền công lao động.

Hầu hết các trang trại này thuê mướn hàng trăm người làm thường xuyên từ 500 - 700 đến hàng ngàn người lúc thời vụ. Như trang trại ông Trần Vũ có số người lao động làm thuê thường xuyên là 180 - 200 người, lao động thời vụ là 500 - 600 người. Trang trại của bà Phạm Thị Thiên còn thuê cả người quản lý, đốc công. Tiền công được trả theo giá cả thị trường sức lao động theo từng loại lao động của từng địa phương (từ 300-400-500 nghìn đồng/người/tháng). Họ còn có những dãy lán cho công nhân ở, nhất là lực lượng lao động lúc thời vụ.

- Doanh lợi:

Đối với các trang trại có hướng kinh doanh là cây hàng năm (như mía, lúa, chuối...) thường thì sau một năm chẳng những đã thu hồi được toàn bộ vốn đầu tư mà còn có lãi (doanh lợi). Chẳng hạn trang trại kinh doanh nứa thường có tỷ suất lợi nhuận - doanh lợi so với vốn đầu tư là 150 - 191,5% và tỷ suất lợi nhuận so với chi phí sản xuất trong năm thường đạt từ 200 - 260,4%.

Đối với các loại cây lâu năm, phải đầu tư trồng mới - xây dựng cơ bản - nhiều năm (3 - 5 - 7 năm) mới đưa vào kinh doanh. Những năm lao động (cho thu hoạch) trong chi phí sản xuất sẽ tính cả khấu hao. Từ đó, trong doanh thu, sau khi trừ toàn bộ chi phí sản xuất sẽ thu được lợi nhuận. Và nếu tính doanh lợi, tỷ suất doanh lợi (lợi nhuận) cho các cây cũng thu được mức lợi nhuận bình quân xấp xỉ giữa các nhà đầu tư kinh doanh phát triển trang trại (mía, cà phê, vải thiều, nhãn lồng, hồ tiêu...).

Tất nhiên, không thể tránh khỏi những trường hợp gặp rủi ro do mất mùa, lũ lụt, giá cả tăng giảm không ổn định thì mức lợi nhuận thu được giữa các chủ trang trại kinh doanh, các loại cây con khác nhau, giữa các năm khác nhau cũng có sự chênh lệch.

* Hỏi:

Xin cho biết những giải pháp chủ yếu về quản lý kinh tế trang trại ở tầm vĩ mô của nhà nước. Những chính sách này có ảnh hưởng như thế nào tới sự phát triển của mỗi trang trại ?

Đáp:

Sau một thời gian nhất định (thường là từ 2 đến 10 năm trở lên) mỗi địa phương và trên phạm vi toàn quốc nên tổng kết quá trình phát triển hệ thống trang trại "tự phát" theo kinh tế hàng hoá chủ yếu nhờ chính sách đổi mới và sự tác động của các quy luật kinh tế vốn có của nó tạo ra. Trên cơ sở đó, các cấp lãnh đạo sẽ chỉ ra những ưu điểm để phát huy và những khuyết điểm để khắc phục với những chủ trương và chính sách kinh tế - xã hội tương ứng. Đó chính là sự đổi mới chính sách vĩ mô của nhà nước trên cơ sở thực tiễn kinh tế.

Về câu hỏi của bạn, chúng tôi cùng trao đổi về những tác động của hệ thống chính sách kinh tế nhà nước đến việc phát triển và quản lý kinh tế trang trại như sau:

Nói chung thì những luật lệ và hệ thống chính sách bao giờ cũng trực tiếp và gián tiếp tác động đến nông nghiệp, nông dân. Do điều kiện không cho phép nên ở đây, chúng tôi chỉ đề cập đến một số chính sách có liên quan đến việc quản lý kinh doanh của trang trại.

* Chính sách thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Chính sách thị trường của nhà nước không ngoài mục đích tiêu thụ sản phẩm hàng hoá cho người sản xuất. Những chính sách này thể hiện bằng cách tổ chức dự báo thị trường, mở rộng hình thức thông tin kinh tế để tăng khả năng tiếp thị cho nông dân và các chủ trang trại nói riêng.

Hiện nay, sự nhất thể hoá thị trường trong nước và tiếp cận với thị trường nước ngoài đã có tiến bộ. Tuy nhiên cũng có một thực trạng là "dễ mua, khó bán", sản phẩm làm ra phải chất đống để chờ thị trường là chuyện khá thường xuyên. Do đó, nhà nước cùng các hình thức tổ chức kinh tế cần có biện pháp để giữ giá ổn định một số mặt hàng thiết yếu nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của nhà kinh doanh và người tiêu dùng.

* Về chính sách vốn đầu tư và tín dụng.

Trước hết là chính sách khơi dậy nguồn vốn trong dân, khuyến khích thực hiện "tiết kiệm là quốc sách" để đầu tư tạo lập trang trại, mở rộng quá trình kinh doanh. Đồng thời nhà nước cần có chính sách "khơi trong hút ngoài" nhằm huy động được vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cho nông thôn như: Thuỷ lợi, đường xá, giao thông, điện, thông tin liên lạc, các cơ sở văn hoá, giáo dục y tế...

Mở rộng tín dụng của nhà nước và của nhân dân, đồng thời khuyến khích các hình thức tín dụng hợp tác tự nguyện.

* Chính sách khoa học công nghệ.

Để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, khoa học kỹ thuật và công nghệ có vị trí đặc biệt quan trọng. Do đó các chủ trang trại cũng như các nhà nông luôn luôn mong muốn nhà nước không ngừng hoàn thiện các chính sách: đầu tư nghiên cứu lai tạo, tuyển chọn các giống cây giống con mới, có năng suất cao, chất lượng tốt, thích nghi với từng vùng sinh thái.

Nhà nước bảo đảm hệ thống giống quốc gia, trên cơ sở đó hướng dẫn các nhà nông, các chủ trang trại đưa giống mới vào kinh doanh. Cùng với giống mới phải có chính sách đổi mới kỹ thuật canh tác bằng cách vừa coi trọng, tận dụng những công nghệ truyền thống, vừa đẩy mạnh ứng dụng quy trình công nghệ tiên tiến. Đây là những việc làm vô cùng quan trọng trong việc bảo đảm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nhất là những sản phẩm chủ lực cho nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, bảo đảm cho các chủ kinh doanh đạt được mục đích kinh doanh có lãi. Cùng với đó, chính sách của nhà nước cần phải hướng vào thực hiện yêu cầu nông lâm kết hợp, xây dựng nông thôn mới và bảo vệ, phát triển môi trường mới ngày càng tốt hơn. Do đó, nhà nước cần đổi mới, tổ chức các viện nghiên cứu khoa học vừa đủ mạnh, vừa gần với tổ chức kinh doanh trên cơ sở xây dựng các trung tâm khoa học cho từng vùng sao cho sát và đúng với yêu cầu phát triển cây, con ở đó.

Đặc biệt, nhà nước cùng các cấp các ngành cần có chính sách khen thưởng trọng dụng và biết sử dụng những cán bộ khoa học kỹ thuật có năng lực thực sự, có những sáng tạo và đóng góp cho sự nghiệp khoa học kỹ thuật và công nghệ trong nông nghiệp - nông thôn.

* Chính sách ruộng đất và chính sách thuế sử dụng các loại đất, thuỷ lợi phí, điện, thuế thu nhập.

Có thể nói, đây là những chính sách có quan hệ trực tiếp đến lợi ích của các nhà kinh doanh - các chủ trang trại.

Thứ nhất là chính sách ruộng đất. ở nước ta, nhà nước thực hiện chính sách giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân theo luật đất đai. Khi đã được giao ruộng đất, người nông dân có quyền sử dụng, chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp, cho thuê... Tất nhiên, đồng thời với đó là nghĩa vụ nộp thuế, bồi dưỡng, bảo vệ, cải tạo, phát triển môi trường... như chính sách đã quy định.

Thứ hai, nhà nước thay thuế nông nghiệp bằng thuế sử dụng đất, đồng thời dành toàn bộ thuế sử dụng đất để đầu tư lại cho nông nghiệp và phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, thực hiện chiến lược xây dựng nông thôn mới.

Ba là, nhà nước miễn hoặc giảm thuế đất đối với một số vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, gia đình thuộc hộ chính sách và hộ nông dân nghèo có khó khăn.

Bốn là, nhà nước có giải pháp để giảm giá dịch vụ thuỷ lợi phí và giá điện cho nông dân trên cơ sở đổi mới quản lý, giảm giá thành dịch vụ của các xí nghiệp, công ty thuỷ nông và điện.

+ Chính sách này thể hiện ở việc tổ chức khuyến nông thành hệ thống mạnh và đa dạng từ trung ương xuống đến cơ sở, giống như ở An Giang và một số nơi khác đã cho kết quả tốt. Khuyến khích thành lập các tổ chức khuyến nông tự nguyện. Có chính sách thu hút sự đóng góp của các tổ chức trong nước và tài trợ của nước ngoài cho công tác khuyến nông.

Hơn nữa, kinh nghiệm cho thấy, một trong những đặc điểm mang tính chất đổi mới của dự án khuyến nông là

việc sử dụng các phương tiện đại chúng để phổ biến thông tin về công nghệ mới cho mỗi vùng. Gần nó với việc nâng cao trình độ dân trí nhất là ở vùng cao, vùng xa, vùng sâu... Các chủ trang trại thường đã có trình độ văn hoá cao hơn nên có thuận lợi hơn.

* Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn - một giải pháp để phát triển kinh tế trang trại trong thời gian tới.

Mặc dù kinh tế trang trại ở một số địa phương đã phát triển tương đối nhanh nhưng nhìn chung phát triển không đều và chậm, nhất là những vùng và tiểu vùng đất hẹp người đông, bình quân diện tích thấp như ở đồng bằng Sông Hồng. Bởi vậy, có tình hình chung là sức lao động ở nông thôn đang dư thừa không dưới 30%, có nơi lên đến hơn 50%. Trong khi đó nền công nghiệp và dịch vụ của nước ta nói chung và ở nông thôn nói riêng còn rất nhỏ bé và nhiều nơi có xu hướng giảm xuống nên lực lượng lao động ngày càng tập trung vào làm nông nghiệp. Đó là nguyên nhân căn bản, khó có thể tập trung ruộng đất để phát triển kinh tế trang trại theo đúng nghĩa của nó. Do đó, một yêu cầu khách quan đặt ra là phải có chính sách phát triển công nghiệp - dịch vụ và nông thôn, cải tiến cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng phát triển mạnh, vững chắc có hiệu quả công nghiệp - dịch vụ. Trong đó, phát triển đa dạng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp nông thôn, trước hết là công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản... Cần đẩy mạnh việc khôi phục và phát triển các làng nghề để trước hết là giải

quyết việc làm tại chỗ cho số lao động đang dư thừa. Đồng thời tùy theo điều kiện, theo khả năng, theo sở thích mà một số chủ nông hộ thường là thanh niên sẽ chuyển nhượng, cho thuê ruộng đất để chuyển sang nghề tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp - dịch vụ tại nông thôn, thực hiện chính sách "ly nông bất ly lương". Hơn nữa, khi công nghiệp, dịch vụ tại thành phố phát triển mạnh thì một số thanh niên nông thôn có thể chuyển ra thị trấn, thị tứ, thị xã, thành phố để làm các nghề cho thích hợp. Từ đó mà khả năng chuyển nhượng, cho thuê ruộng đất cho một số người khác để tạo lập trang trại theo những mô hình thích hợp, có hiệu quả kinh doanh cao sẽ được tiếp tục hình thành.

* Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngắn ngày về kiến thức quản lý kinh doanh cho chủ trang trại hoặc kế toán trưởng của trang trại.

Từ thực tế cho thấy, việc này đã và đang trở thành yêu cầu cấp thiết. Chẳng hạn như trong việc lập hệ thống kế hoạch hành động cho trang trại dù có được cung cấp tài liệu nhưng phần lớn chủ trang trại chưa có năng lực, chưa có kiến thức để tự lập, vì đây là vấn đề mới, họ chưa có kinh nghiệm, chưa được đào tạo, tập huấn. Đây là một yếu tố cần thiết đối với mỗi chủ trang trại nhưng họ khó có thể tự giải quyết nên cần phải có chính sách giúp đỡ mở trường lớp của nhà nước, đây cũng là một chức năng quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước.

* Hỏi:

Xin cho biết những giải pháp chủ yếu về tổ chức quản lý kinh tế trang trại ở tầm vĩ mô?

Đáp:

Như bạn đã biết trang trại là chủ thể kinh tế, nhưng cần tổ chức và quản lý như thế nào để nó có hiệu quả kinh tế cao? Bất cứ một thành công nào cũng không thể "tự thân vận động" mà được vì còn nằm cả trong một quỹ đạo lớn nữa. Trang trại cũng vậy, những "vấn đề lớn" chúng tôi đã bàn đến ở phần khác, còn ở đây, theo yêu cầu của bạn, chúng ta sẽ đề cập đến một số vấn đề sau:

a. Bạn cần phải mở rộng việc hợp tác với các trang trại khác.

Một thân một mình làm gì cũng khó. Hãy liên hệ với các trang trại bạn và bằng những "thủ pháp" khôn khéo, tế nhị nhất để học hỏi kinh nghiệm. Hơn nữa, trong những điều kiện khó khăn chung về các công trình chung phục vụ cho sản xuất kinh doanh, các trang trại có thể kết hợp cùng xây dựng. Đặc biệt là vấn đề thị trường, việc quan sát học hỏi, hợp tác với trang trại bạn sẽ giúp bạn những thông tin bổ ích về thị trường và sự tương tác giữa hai hay nhiều trang trại trong một vùng đôi khi o bế được cả một vùng thị trường rộng lớn mà một trang trại khó có thể đảm đương.

b. Phải bằng mọi cách tiếp thị.

Đó là việc nỗ lực hết sức để có được thông tin về nhu cầu mặt hàng, chất lượng, thị hiếu, giá chấp thuận, đối thủ

cạnh tranh và các kênh phân phối, tiêu thụ sản phẩm hàng hoá ở hiện tại và dự kiến trong tương lai. Đồng thời, có tiếp thu công nghệ mới để xác định phương hướng kinh doanh có căn cứ khoa học.

Có một thực tế không hay lắm là ở nông thôn nhìn chung "dễ mua, khó bán", sản phẩm thường phải chờ thị trường. Điều này một phần lỗi là do người sản xuất trước khi tiến hành sản xuất không chịu tìm hiểu kỹ thị trường.

c. Phải khai thác và sử dụng tốt các nguồn tài nguyên:

Đất nước, thời tiết, khí hậu, không gian... Trong khi sử dụng các tài nguyên phải đặc biệt chú ý thực hiện các biện pháp nông - lâm kết hợp để lựa chọn, xác lập các mô hình kinh tế trang trại (nông - lâm - ngư...) có lợi thế nhất. Cũng có thể xuất phát từ nhu cầu sản phẩm của thị trường và khả năng về tri thức, về vốn mà lựa chọn mô hình trang trại kinh tế nhất. Nên chọn tạo lập trang trại ở những vùng đất mới (đất khai hoang, đất núi trọc, mặt nước, lấp biển) hoặc ở những nơi nông nghiệp truyền thống, nông nghiệp sinh tồn có điều kiện phát triển thành trang trại.

d. Cần phải có những giải pháp tổ chức quản lý sử dụng tốt vốn (vốn cố định và vốn lưu động) để đầu tư cho kinh doanh.

Chúng ta cũng có thể nói đây là giải pháp tổng hợp của nhiều biện pháp quản lý kinh doanh. Để đánh giá đúng hiệu quả sử dụng vốn của mỗi trang trại chúng tôi giới thiệu một số chỉ tiêu và phương pháp tính các chỉ sử dụng các loại vốn của trang trại (vốn cố định và vốn lưu động)

* Chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận so với vốn:

Trong đó:

$$P'v = \frac{P}{V} \times 100$$

P'v: Tỷ suất lợi nhuận so với vốn (%)

P: Lợi nhuận (đồng)

V: Vốn cố định và vốn lưu động (đồng)

* Các chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng vốn cố định.

- Hiệu suất sử dụng vốn cố định tính theo giá trị số lượng (Hcg)

$$Hcg = \frac{G}{K}$$

Trong đó:

G: Giá trị sản lượng trong năm (đ)

K: Giá trị tài sản cố định cần tính khấu hao trong năm (đ)

- Hiệu suất sử dụng vốn cố định tính theo lợi nhuận trong năm (Hcp).

$$Hcp = \frac{P}{K}$$

Trong đó:

P: Lợi nhuận trong năm (đ)

- Mức độ sử dụng vốn cố định (M)

$$M = \frac{K}{G} \times 100$$

* Các chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

- Tổ chức luân chuyển vốn lưu động trong kỳ kinh doanh (vòng quay vốn).

$$L = \frac{T_{LC}}{V_{LD}}$$

Trong đó:

L: Số lần luân chuyển vốn lưu động trong kỳ kinh doanh.

TLC: Tổng số vốn luân chuyển trong kỳ (thường là 1 năm) còn gọi là tổng mức luân chuyển vốn lưu động trong kỳ.

VLD: Số vốn lưu động sử dụng bình quân trong kỳ.

+ Số ngày để thực hiện một lần luân chuyển của vốn lưu động (NL)

$$L = \frac{T_{LC}}{V_{LD}}$$

Trong đó:

N: Số ngày trong kỳ kinh doanh

- Tháng : 30 ngày

- Quý: 90 ngày

- Năm: 360 ngày

- Hiệu suất hoàn trả vốn lưu động tính theo giá trị tổng sản lượng trong kỳ (H_{LG})

$$H_{LG} = \frac{G_{SL}}{V_{LD}}$$

Trong đó:

GLS: Giá trị tổng sản lượng trong kỳ

VLD: Số vốn lưu động sử dụng bình quân trong kỳ.

Hệ số chiếm dụng vốn lưu động trong kỳ (là chỉ tiêu có tính chất nghịch đảo với chỉ tiêu hiệu suất hoàn trả vốn lưu động) tính theo 2 chỉ tiêu sau:

+ Hệ số chiếm dụng vốn lưu động trong kỳ so với giá trị tổng sản lượng kỳ (HS/G).

$$H_{S/G} = \frac{V_{LD}}{G_{SL}}$$

đ. Từng bước rút kinh nghiệm và hoàn thiện các hình thức, các biện pháp về tổ chức và thủ lao động trong trang trại.

Đây là yếu tố quan trọng đối với tất cả các trang trại. Đó là cách phân công, hợp tác giữa những người lao động trong gia đình và người làm thuê sao cho có thể chấp nối các công việc của nhiều người với nhau. Đặc biệt phải chú ý nhân cách con người và trả công sao cho thật tương xứng với số lượng và chất lượng lao động mà họ đã bỏ ra để tiến hành các công việc sản xuất và dịch vụ trong trang trại, góp phần để trang trại nâng cao tỷ suất sử dụng sức lao động và năng suất lao động. Đây là hai chỉ tiêu nói lên trình độ tổ chức quản lý sử dụng sức lao động của trang trại. Nó được tính theo các công thức sau:

- Tỷ suất sử dụng sức lao động tính theo giờ trong năm, tháng, quý:

$$TH_{(\%) } = \frac{n.ng.h}{N.NG.H}.100$$

Trong đó:

TH (%): Tỷ suất sử dụng sức lao động tháng, quý, năm.

N: Số người		<i>Tính theo khả năng lao động với chế độ trong tháng, quý năm</i>
NG: Số ngày		

H: Số giờ làm trong ngày

N: Số người		<i>Tính theo thực tế lao động với chế độ trong tháng, quý năm</i>
ng: Số ngày		

h: Số giờ làm trong ngày

- Năng suất lao động (NSLĐ)

$$+ NSLĐ_{(đ/giờ)} = \frac{\text{Tổng sản phẩm (ngày, tháng, năm) (đ)}}{\text{Tổng số giờ lao động (ngày, tháng, năm) (đ)}}$$

$$+ NSLĐ_{(đ/người/năm)} = \frac{\text{Tổng sản phẩm (đ)}}{\text{Tổng số giờ lao động (đ)}}$$

$$+ NSLĐ_{(đ/người/năm)} = \frac{\text{Tổng thu nhập (đ)}}{\text{Tổng số giờ lao động (đ)}}$$

2. Tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn ngắn ngày về phương pháp xây dựng phương hướng kinh doanh, lập kế hoạch, áp dụng các công nghệ mới, hạch toán kinh doanh, phân tích hoạt động kinh doanh và quản trị kinh doanh của trang trại do nhà nước, các địa phương phối hợp với các viện, các trường, các tổ chức khuyến nông... giảng dạy và hướng dẫn.

* Hỏi:

Tại sao nói khai thác đất đai có hiệu quả là một biện pháp xoá đói, giảm nghèo thiết thực?

Đáp:

Trong buổi gặp mặt các nhà khoa học của cả nước tại Hà Nội vào đầu xuân năm Đinh Sửu (1997), nguyên Tổng bí thư Đỗ Mười đã yêu cầu các nhà khoa học rằng "nhiệm vụ của sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước trước hết là phải công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông thôn, nông nghiệp nước ta".

Nói đến hiện đại hoá nông thôn, nông nghiệp tức là phải nói đến một tư liệu sản xuất chủ yếu của người nông dân đó là đất đai. Phần đất đã được khai thác thì có thể cày cấy được, còn đất đai nói chung thì có nghĩa rộng hơn và có thể trồng trọt như đất đồi, đất núi, đất vườn, đất rừng...

Đất đai có những tính chất đặc trưng khiến cho nó không giống bất cứ một tư liệu sản xuất nào, nó là nguồn tài nguyên có hạn về số lượng, có vị trí cố định trong không gian, không thể di chuyển được theo ý muốn chủ quan của con người. Do đó cùng với tốc độ tăng dân số hàng năm, quỹ đất ngày càng bị thu hẹp. Với tốc độ tăng dân số như hiện nay thì sẽ có khoảng 118 triệu người vào năm 2025. Cùng với quỹ đất có hạn và ngày càng có

nguy cơ giảm do công nghiệp hoá và tốc độ đô thị hoá nhanh nên diện tích bình quân đầu người giảm một cách đáng kể.

Một nhà kinh tế học ấn Độ cho rằng: Con người bị đói bởi hai lý do cơ bản: Đó là không có lương thực hoặc không có tiền mua lương thực trong cơ chế thị trường. Tuy nhiên suy cho cùng lương thực phải có trước đồng tiền vì có tiền mà không có lương thực để mua thì cũng bị đói. Ông cha ta đã dạy "có thực mới vực được đạo" cho nên để giúp nông dân xoá đói giảm nghèo phải nghĩ trước hết hết việc xoá đói cho nông dân, sau đó tiến lên giảm nghèo, để đạt được mục tiêu trên, con người phải khai thác, sử dụng tài nguyên đất đai với tốc độ ngày càng cao hơn.

Với quan điểm khoa học biện chứng thì không phải bao giờ cũng khai thác được đất đai một cách dễ dàng. Vậy muốn giúp nông dân xoá đói, giảm nghèo trước hết phải làm cho nông dân thấy được tầm quan trọng của việc khai thác từ đất để phát triển. Trong nông nghiệp, phát triển đồng nghĩa với các biện pháp khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, các điều kiện kinh tế - xã hội của một hệ sinh thái nông nghiệp (HSTNN) nhằm thu được sản lượng cao, hiệu quả kinh tế - xã hội lớn.

Để tăng nhanh sản lượng nông sản, nông dân thường tiến hành bằng hai cách: Thâm canh và mở rộng diện tích. Nước ta có 7,13 triệu ha đất canh tác với hệ số sử dụng đất 1,32 lần. Về lý thuyết, có thể khai hoang mở

rộng thêm 4 triệu ha nữa. Bốn triệu ha đất đã nghèo kiệt, nhiều vùng không thể sử dụng vào sản xuất nông nghiệp được đành phải bỏ hoang phục hoá. Những vùng đất có thể làm nông nghiệp đều đã sử dụng vào sản xuất.

Từ đất đi lên, theo hướng khai thác có hiệu quả thâm canh tăng hệ số sử dụng đất, giảm mất mùa đã được nhiều nông dân thực hiện có hiệu quả.

Phát triển nông nghiệp trên cơ sở khai thác đất đai có hiệu quả sẽ sử dụng cao nhất lao động dư thừa - một biện pháp xoá đói giảm nghèo thiết thực nhất. Tuy nhiên, để làm tốt hơn vấn đề này chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số hướng sau đây:

- Phải biết tiết kiệm đất đai, trừ vùng Tây Nguyên là có thể trồng được cà phê còn hầu hết việc phá rừng đốt nương ở vùng núi, vùng cao là để trồng lương thực giải quyết nhu cầu bức thiết nhất là cái ăn. Nhưng nếu chỉ đốt rừng tra ngô và lúa nương một vài vụ rồi bỏ đi như cách làm từ trước đến nay của đồng bào vùng cao là cực kỳ lãng phí đất và phản khoa học.

- Đất đai sản xuất ở nông thôn còn manh mún, do hậu quả chia đất theo ruộng gần, ruộng xa, đất tốt và đất xấu ai cũng có phần nên việc giải quyết thâm canh tăng vụ sử dụng lao động dư thừa khó mà thực hiện được. Tăng vụ là một tiềm năng của đất đai ở nước ta. Vụ đông ở các tỉnh miền Bắc là thế mạnh để sản xuất các loại rau màu cao cấp xuất khẩu. Khí hậu lạnh trong những tháng mùa đông là trở ngại cho vụ chiêm nhưng lại là một tài nguyên

quý giá để đa dạng hoá cây lúa, trồng tăng vụ, tăng sản lượng và sản phẩm hàng hoá, phát triển cây thức ăn gia súc, đẩy mạnh chăn nuôi.

- Vùng đất úng ngập gây trở ngại cho trồng lúa nhưng lại thuận lợi cho nuôi cá hay nuôi vịt. Đã có mô hình trang trại luân canh lúa, cá hoặc vịt đạt năng suất cao như ở Hoa Lư (Ninh Bình), Châu Giang (Hưng Yên) đại diện cho vùng trũng nội đồng; Quế Võ (Bắc Ninh) đại diện cho vùng trũng phù sa ven biển ở đồng bằng sông Hồng. Để nâng cao tính ổn định có hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp thì một trong những biện pháp khoa học là khai thác theo hướng thích nghi, hạn chế đầu tư sản xuất theo hướng gò ép. Sử dụng các giống thuần năng suất cao kèm theo tăng cường sử dụng phân hoá học, thuốc trừ sâu mà lãng quên mối quan hệ giữa nông nghiệp với môi trường. Kết quả là môi trường bị ô nhiễm, đất suy thoái, tác động đến nông sản thực phẩm.

- Những vùng đất nghèo đối với sản xuất nông nghiệp ở nước ta có thể là thế mạnh để sử dụng đất theo mô hình VAC, phát triển kinh tế vườn, rừng, chăn nuôi và từ đó phát triển ngành nghề ở nông thôn. Đó là điểm khác với các nước đang phát triển là muốn phát triển sản xuất thì phải có đầu tư lớn trong khi đất nước của họ còn nghèo. Thực tế này dẫn họ đi theo con đường luẩn quẩn từ chỗ phụ thuộc nước ngoài về lương thực, thực phẩm đến chỗ phụ thuộc vào vốn đầu tư và vật tư nông nghiệp.

- Để đất đai được khai thác có hiệu quả cao, hơn nữa góp phần làm giảm nghèo xóa đói của 1.700 xã nghèo nhất đang cần sự trợ giúp về nhiều mặt. Đặc biệt là vấn đề người lao động nông nghiệp cũng phải được đào tạo nghề để không chỉ phát huy tính cần cù mà còn có trình độ khoa học và công nghệ để phát triển nông nghiệp theo đúng quy luật. Hiện nay, trong công tác đào tạo kỹ sư nông nghiệp Trường đại học nông nghiệp I coi trọng công tác rèn nghề và đầu tư cho bộ phận rèn nghề là một hướng đi rất đúng đắn.

*** Hỏi:**

Hiện tượng hoa sao là gì? Cách thức khắc phục.

Đáp:

Hiện tượng hoa sao thường gặp trên cà phê chè. Hoa sao là hoa không nở mà cánh hoa chỉ nhú ra như hình ngôi sao nhỏ, có màu phớt xanh, không có hương, vì hoa không tung phấn được. Tỷ lệ thụ phấn kém, hạt lép nhiều và kéo theo đó là năng suất thấp.

Giữa hoa sao và hoa nở hoàn chỉnh có nhiều dạng trung gian. Đến nay cơ chế hoa sao vẫn chưa xác định được. Có người cho rằng hoa sao là do cây thiếu dinh dưỡng hoặc dinh dưỡng không cân đối. Nhưng cũng có ý kiến lại cho rằng, nguyên nhân chính do nhiệt độ cao trong thời gian nở hoa.

Tuy nhiên dù là nguyên nhân nào đi nữa thì hiện tượng hoa dị hình cũng là biểu hiện của quá trình thiếu

dinh dưỡng, dinh dưỡng không cân đối, do thời tiết, do chăm bón không đúng cách.

Để khắc phục tình trạng đó nên xem lại các chế độ bón phân và nước cho cà phê, đồng thời áp dụng các biện pháp cho hoa ra tập trung.

* Hỏi:

Làm thế nào để hoa cà phê ra tập trung?

Đáp:

Các nghiên cứu cho thấy, hoa cà phê được hình thành khi tỉ lệ C/N (carbohydrat đậm tổng số) trong cây cao. Để đạt được mục đích đó, có thể tiến hành bằng các biện pháp sau:

- Tăng lượng bột đường trong cây bằng cách tạo điều kiện để cây quang hợp mạnh, tích lũy được nhiều chất bột đường.

- Giảm chất đạm trong cây bằng cách ngưng bón phân đạm hay giảm sự hấp thụ dinh dưỡng qua biện pháp ngưng tưới nước. Sau khi phân hoá thành mầm hoa trong mùa nắng, hoa phát triển thành nụ và đợi đến khi có điều kiện ngoại cảnh ẩm thích hợp sẽ nở hoa.

Như vậy cà phê ra hoa đòi hỏi phải có một kỳ khô ngắn để phân hoá mầm hoa, tiếp theo đó là kỳ ẩm để hoa nở rộ. Dựa vào đặc tính ra hoa này, người ta có thể cho cà phê ra hoa tập trung như sau:

Bước 1: Ngưng tưới nước từ 45 đến 60 ngày cho hoa cà phê hình thành.

Bước 2: Tưới nước thật đầm tạo điều kiện thích hợp cho hoa nở.

Bước 3: Dợi khoảng 7 ngày sau khi tưới thì hoa nở.

* Hỏi:

Cho biết hiện tượng "lại hoa" là thế nào?

Đáp:

Hoa cà phê nói chung chỉ trổ hoa trên các đoạn cành tơ đã được hình thành từ năm trước. Như vậy trên một cành ngang có thể phân biệt thành 3 đoạn cành.

- Đoạn cành đã ra trái năm trước, ở phía trong gần thân đã bị rụng hết lá, không có hoa.

- Đoạn cành đang ra hoa gồm các đốt hình thành từ năm trước, trên một số đốt lá vẫn còn.

- Đoạn cành tơ mới hình thành năm nay, đang ra lá, không có hoa. Điều này thấy rất rõ trên cà phê chè và cà phê vối. Nhưng ở cà phê mít thường xuất hiện hiện tượng "lại hoa", có nghĩa hoa nở lại trên đoạn cành đã ra hoa năm trước.

* Hỏi:

Cho biết cách ủ phân rác mục để làm phân hữu cơ bón cho cà phê.

Đáp:

Phân rác mục là loại phân hữu cơ được sản xuất rất phổ biến trong việc trồng cà phê. Nguyên liệu làm phân chủ yếu là các dư thừa thực vật như cỏ, rác, thân, lá các loại cây họ đậu như đậu xanh, đậu nành, thân, lá cây bắp cộng thêm với một lượng phân chuồng 30% để làm men. Hầm ủ phân rác mục thường làm ngay ở đầu các lô để tiện cho việc vận chuyển.

Hầm ủ đơn giản thường nửa chìm nửa nổi, hai thành đứng hai bên cao 1,5m. Khi đưa các dư thừa vào hầm ủ, các phần thô cứng như thân cây bắp, cây đậu nên lót ở dưới đáy hầm, bỏ các phần mềm ở trên thành từng lớp dày 15 - 20cm, tiếp đến một lớp cỏ rác. Cứ tiếp tục như thế cho đến khi đóng phân cao 1,2 - 1,5m. Sau đó tưới đẫm nước, phủ lên trên một lớp cỏ rác dày từ 10 đến 15cm để hạn chế sự bốc hơi nước và mất đạm. Định kỳ 15 ngày tưới nước lại một lần. Sau 2 tháng đảo lại. Sau 5, 6 tháng thì phân đã hoai có thể đem bón được. Nếu có phần chưa hoai hết thì có thể đem ủ lại, hay dùng để đậy quanh gốc trong mùa nắng.

*** Hỏi:**

Xin cho biết ảnh hưởng của bóng rợp trên đời sống và năng suất của cây cà phê?

Đáp:

Một số thí nghiệm cho thấy khi cây cà phê trồng dưới điều kiện nắng, với đầy đủ nước và phân bón thì cà phê cho năng suất rất cao so với có bóng rợp. Nhưng khi không có đủ phân bón và nước thì năng suất và đời sống của cây cà phê sút giảm một cách đáng kể so với việc trồng có bóng rợp. Trong điều kiện khí hậu nước ta thì việc duy trì bóng rợp cho cà phê làm một điều cần thiết để đảm bảo về mặt năng suất. Bóng rợp còn giữ vai trò điều hoà nhiệt độ của đất và không khí trong vườn cà phê, hạn chế sự thoát hơi nước và ngăn chặn sự bốc thoát nước của đất.

Đối với cà phê, thời gian cây con đang ở trong vườn ươm phải có một mức độ bóng rợp tạm thời từ 50-70% cho cây phát triển tốt. Nhưng đến sau năm thứ tư, khi các cây con đã bắt đầu tự che bóng rợp được thì mức độ bóng rợp tốt nhất là 25%

*** Hỏi:**

Trong thời kỳ kinh doanh, nên bón phân hữu cơ cho cà phê như thế nào?

Đáp:

Tốt nhất nên bón cách năm. Cứ 2 - 3 năm bón phân hữu cơ cho vườn cà phê một lần. Mỗi hố bón từ 10

đến 15kg. Đào hố sâu từ 30 đến 40cm theo hình vành khăn, cho phân vào rồi lấp đất. Lần bón sau đào hố đối diện với lần bón trước. Hố bón phải đào sát với mép tán cà phê.

*** Hỏi:**

Cách bón phân như thế nào cho đúng?

Đáp:

Bón phân vào xung quanh phần mép của bộ tán nơi có hệ thống của bộ rễ tập trung nhiều nhất. Không bón xa mép tán vì ở nơi đó chưa có rễ phát triển cho nên lượng phân bón đến không được rễ sử dụng.

Rải phân đều xung quanh mép tán và phần trong mép tán, sau lấy cuốc xới một lớp khoảng 10cm để đưa phân nằm ở tầng dưới bề mặt lớp đất, tránh được sự tổn thất của phân bón.

*** Hỏi:**

Nên bón phân mấy lần trong một năm?

Đáp:

Thông thường bón phân làm 4 lần trong một năm. Lần thứ nhất vào mùa xuân, trùng với giai đoạn tưới nước.

Bón phân vào lần tưới nước thứ nhất hay thứ 2 (thường vào tháng 1 và 2). Ba lần còn lại bón vào đầu mùa mưa vào giữa mùa, cuối mùa, đầu mùa.

Ở những nơi có lượng mưa lớn thì trong mùa mưa có thể chia làm 4 lần: Giữa mùa mưa bón 2 lần, còn 2 lần vào đầu và cuối mùa mưa.

Bón phân chia làm nhiều lần thì giảm được lượng phân bón bị tổn thất do xói mòn, rửa trôi bốc hơi, tăng được hệ số sử dụng của phân bón.

Lượng phân bón ở các lần bón trong một năm theo tỉ lệ % như sau:

Lần bón	Tháng	Đạm %	Kali %	Lân %
1	2,3	15	—	25
2	5	25	30	25
3	6,7	30	35	25
4	9,1	30	35	25

HỎI - ĐÁP VỀ TRỒNG TRỌT VÀ TRANG TRẠI

Xuất bản lần đầu: 2002 do NXB Văn hóa dân tộc ấn hành

Chủ biên: **Phan Công Chung** Giữ bản quyền: Đặng Tuấn Hưng

7/61 Nguyễn Văn Trỗi, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI CAO TIỂU

Biên tập: *Mạnh Hùng* Chế bản: *Trần Thị Thái Loan*

Sửa bản in: *Nguyễn Trần Lê Phan*

Trình bày bìa: *Hạ Vinh Thị*

In 500 cuốn, khổ 13x19cm tại Xí nghiệp in Thương mại.

Giấy phép số: 4/801/CXB cấp ngày 27 tháng 05 năm 2005.

NXB Thanh Hoá cấp trích ngang ngày 27 tháng 07 năm 2005.

In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2006.

Hỏi đáp về trồng trọt và trang trại

Tổng phát hành:

NHÀ SÁCH BẢO THẮNG

344 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Tel: (04) 5621402 - 0903413075 * Fax: (04) 8533228

Hỏi đáp về trồng trọt và trang trại /



KG001575

Giá 22.000đ

BT: 013

Giá: 22.000đ